

# CHƯƠNG I: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

## A. CHUẨN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CẦN ĐẠT

### I. Phạm vi của phần đọc - hiểu

1. Văn bản văn học (Văn bản nghệ thuật):

- Văn bản trong chương trình (Nghiêng nhiều về các văn bản đọc thêm)
- Văn bản ngoài chương trình (Các văn bản cùng loại với các văn bản được học trong chương trình).

2. Văn bản nhật dụng (Loại văn bản có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại như: Vấn đề chủ quyền biển đảo, thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy, ... Văn bản nhật dụng có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản song có thể nghiêng nhiều về loại văn bản nghị luận và văn bản báo chí).

3. Đòi hỏi học sinh phải nắm vững kiến thức về phần Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS và THPT.

### II. Kỹ năng cơ bản của phần đọc - hiểu

1. Ghi nhớ bản chất kiến thức đã học
2. Kỹ năng đọc và tóm tắt văn bản.
3. Kỹ năng tìm nội dung chính và các thông tin quan trọng của văn bản, hiểu ý nghĩa văn bản, tên văn bản.
4. Rèn kỹ năng hiểu biết về từ ngữ, cú pháp, dấu câu, cấu trúc thể loại văn bản.
5. Tìm biện pháp tu từ và chỉ ra các tác dụng của chúng.
6. Trình bày suy nghĩ, quan điểm một cách rõ ràng mạch lạc...

## B. KIẾN THỨC CƠ BẢN

### I. Cấp độ nhận biết

#### 1. Nhận diện các phương thức biểu đạt

STT	Phương thức biểu đạt	Đặc điểm (Dấu hiệu nhận biết)	Thể loại
1	Tự sự	Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân quả dẫn đến kết quả. (diễn biến sự việc)	- Bản tin báo chí - Bản tường thuật, tường trình - Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết)
2	Miêu tả	Tái hiện các tính chất, thuộc tính sự vật, hiện tượng, giúp con người cảm nhận và hiểu được chúng.	- Văn tả cảnh, tả người, vật... - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự.
3	Biểu cảm	Bày tỏ trực tiếp hoặc gián tiếp tình cảm, cảm xúc của con người trước những vấn đề tự nhiên, xã hội, sự vật...	- Điện mừng, thăm hỏi, chia buồn - Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút
4	Nghị luận	Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận, trình bày tư tưởng, chủ trương quan điểm của con người đối với tự nhiên, xã hội, qua các luận điểm, luận cứ và lập luận	- Cáo, hịch, chiếu, biểu. - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi. - Sách lí luận. - Tranh luận về một vấn đề triết trị, xã hội, văn hóa.

<i>STT</i>	<i>Phương thức biểu đạt</i>	<i>Đặc điểm (Dấu hiệu nhận biết)</i>	<i>Thể loại</i>
		thuyết phục.	
5	Thuyết minh	Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả có ích hoặc có hại của sự vật hiện tượng, để người đọc có tri thức và có thái độ đúng đắn với chúng.	- Thuyết minh sản phẩm - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học
6	Hành chính - công vụ	Trình bày theo mẫu chung và chịu trách nhiệm về pháp lí các ý kiến, nguyện vọng của cá nhân, tập thể đối với cơ quan quản lí.	- Đơn từ - Báo cáo - Đề nghị

## 2. Nhận diện các biện pháp tu từ thường gặp

<b>Biện pháp tu từ ngữ âm</b>	<b>Âm</b>	<b>Vần</b>	<b>Thanh</b>	<b>Nhịp</b>	
	Điệp âm	- Cách gieo vần - Điệp vần	- Phối hợp thanh B-T - Điệp thanh	Cách ngắt nhịp	
<b>Biện pháp tu từ cú pháp</b>	<b>Lặp cú pháp</b>	<b>Liệt kê</b>	<b>Chêm xen</b>	<b>Đảo ngữ</b>	
	Lặp lại cấu trúc ngữ pháp có từ lặp lại	Kể ra các yếu tố quan trọng đồng đẳng	Thành phần phụ chú bổ sung làm rõ nghĩa cho yếu tố đằng trước	Đảo lộn trật tự ngữ pháp câu	
<b>Biện pháp tu từ từ vựng</b>	<b>So sánh</b>	<b>Nhân hóa</b>	<b>Ẩn dụ</b>	<b>Hoán dụ</b>	<b>Tương phản đối lập</b>
	Đối sánh hai vật có điểm tương đồng - So sánh hơn - So sánh kém - So sánh ngang bằng	Vật vô tri vô giác mang đặc điểm của con người	Quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng (so sánh ngầm)	Quan hệ tương cận giữa hai đối tượng	Hai sự vật hiện tượng có đặc điểm tính chất đối lập nhau
	<b>Câu hỏi tu từ</b>	<b>Nói giảm nói tránh</b>	<b>Điệp</b>	<b>Cường điệu phóng đại</b>	
	Câu hỏi không nhằm mục đích hỏi	Tể nhị giảm nhẹ không đề cập trực tiếp đến hiện tượng	Lặp lại yếu tố ngôn ngữ - Điệp từ - Điệp ngữ	Phóng đại tính chất của đối tượng	

## 3. Nhận diện các phương thức trần thuật

- Lời kể trực tiếp: Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện (Tôi)
- Lời kể gián tiếp: Trần thuật từ ngôi thứ ba - người kể chuyện giấu mặt.

- Lời kể nửa trực tiếp: Trần thuật từ ngôi thứ ba - người kể chuyện tự giấu mình nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm.

#### **4. Nhận diện một số phương tiện và phép liên kết trong văn bản**

##### **4.1. Phép lặp**

Phép lặp là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau (trước hết ở đây là những câu khác nhau) của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhau. Phép lặp, ngoài khả năng kết nối các bộ phận hữu quan của văn bản lại với nhau, còn có thể đem lại những ý nghĩa tu từ như nhấn mạnh gây cảm xúc, gây ấn tượng...

Các phương tiện dùng trong phép lặp là:

- Các yếu tố ngữ âm (vần, nhịp), gọi là lặp ngữ âm
- Các từ ngữ, gọi là lặp từ ngữ
- Các cấu tạo cú pháp, gọi là lặp cú pháp

**a. Lặp ngữ âm:** Lặp ngữ âm là hiện tượng hiệp vần và cất nhịp đều đặn các câu trong văn bản. Vai trò của lặp ngữ âm rất hiển nhiên trong thơ. Có trường hợp văn bản tồn tại chủ yếu bằng liên kết vần nhịp, không có liên kết ở mặt ý nghĩa.

**b. Lặp từ ngữ:** Lặp từ ngữ nhắc lại những từ ngữ nhất định ở những phần không quá xa nhau trong văn bản nhằm tạo ra tính liên kết giữa những phần ấy với nhau

**c. Lặp cú pháp:** Lặp cú pháp là dùng nhiều lần một kiểu cấu tạo cú pháp nào đó (có thể nguyên vẹn hoặc biến đổi chút ít) nhằm tạo ra tính liên kết ở những phần văn bản chứa chúng. Lặp những cấu tạo cú pháp đơn giản và ngắn gọn để gây hiệu quả và nhịp điệu, nhờ đó gia tăng được tính liên kết.

##### **4.2. Phép thế**

Phép thế là cách thay những từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ có ý nghĩa tương đương (cùng chỉ sự vật ban đầu, còn gọi là có tính chất đồng chiếu) nhằm tạo tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng. Có 2 loại phương tiện dùng trong phép thế là thay thế bằng từ ngữ đồng nghĩa và thế bằng đại từ. Dùng phép thế không chỉ có tác dụng tránh lặp đơn điệu, mà còn có tác dụng tu từ nếu chọn được những từ ngữ thích hợp cho từng trường hợp dùng.

**a. Thế đồng nghĩa:** Thế đồng nghĩa bao gồm việc dùng từ đồng nghĩa, cách nói vòng (nói khác đi), cách miêu tả thích hợp với từ ngữ được thay thế.

**b. Thế đại từ:** Thế đại từ là dùng những đại từ (nhân xưng, phiếm định, chỉ định) để thay cho một từ ngữ, một câu, hay một ý gồm nhiều câu ... nhằm tạo ra tính liên kết giữa các phần văn bản chứa chúng.

##### **4.3. Phép liên tưởng**

Phép liên tưởng là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến theo một định hướng nào đó, xuất phát từ những từ ngữ ban đầu, nhằm tạo ra mối liên kết giữa các phần chứa chúng trong văn bản.

Phép liên tưởng khác phép thế ở chỗ trong phép thế thì dùng những từ khác nhau để chỉ cùng một sự vật; trong phép liên tưởng, đó là những từ ngữ chỉ những sự vật khác nhau có liên quan đến nhau theo lối từ cái này mà nghĩ đến cái kia (liên tưởng).

Sự liên tưởng có thể diễn ra giữa những sự vật cùng chất cũng như giữa những sự vật khác chất.

##### **4.4. Phép nghịch đối**

Phép nghịch đối sử dụng những từ ngữ trái nghĩa vào những bộ phận khác nhau có liên quan trong văn bản, có tác dụng liên kết các bộ phận ấy lại với nhau. Những phương tiện liên kết thường gặp dùng trong phép nghịch đối là:

- Từ trái nghĩa
- Từ ngữ phủ định (đi với từ ngữ không bị phủ định)
- Từ ngữ miêu tả (có hình ảnh và ý nghĩa nghịch đối)
- Từ ngữ dùng ước lệ

#### **4.5. Phép nối**

Phép nối là cách dùng những từ ngữ sẵn mang ý nghĩa chỉ quan hệ (kể cả những từ ngữ chỉ quan hệ cú pháp bên trong câu), và chỉ các quan hệ cú pháp khác trong câu, vào mục đích liên kết các phần trong văn bản (từ câu trở lên) lại với nhau.

Phép nối có thể dùng các phương tiện sau đây: kết từ, kết ngữ, trợ từ, phụ từ, tính từ, quan hệ về chức năng cú pháp (tức quan hệ thành phần câu hiểu rộng; có sách xếp phương tiện này riêng ra thành phép tỉnh lược)

##### **a. Nói bằng kết từ:**

Kết từ (quan hệ từ, từ nối) là những hư từ quen thuộc dùng để chỉ quan hệ giữa các từ ngữ trong ngữ pháp câu, như và, với, thì, mà, còn, nhưng, vì, nếu, tuy, cho *nên*... *Kết từ cũng được dùng để liên kết trong những cấu tạo ngôn ngữ lớn hơn câu*

##### **b. Nói bằng kết ngữ:**

Kết ngữ là những tổ hợp từ gồm có một kết từ với một đại từ hoặc phụ từ, kiểu như vì vậy, do đó, bởi thế, tuy vậy, nếu vậy, vậy mà, thế thì, với lại, vả lại... hoặc những tổ hợp từ có nội dung chỉ quan hệ liên kết kiểu như nghĩa là, trên đây, *tiếp theo, nhìn chung, tóm lại, một là, ngược lại*...

##### **c. Nói bằng trợ từ, phụ từ, tính từ:**

Một số trợ từ, phụ từ, tính từ tự thân mang ý nghĩa quan hệ được dùng làm phương tiện liên kết nối các bộ phận trong văn bản, chẳng hạn như cũng, cả, lại, *khác*...

##### **d. Nói theo quan hệ chức năng cú pháp (thành phần câu hiểu rộng):**

Trong nhiều văn bản, nhất là văn bản nghệ thuật, có những câu chỉ tương đương một bộ phận nào đó (một chức năng cú pháp nào đó) của câu lân cận hữu quan. Đó là những câu dưới bậc, hoặc ngữ trực thuộc.

### **5. Yêu cầu nhận diện kiểu câu và nêu hiệu quả sử dụng**

#### **5.1. Câu theo mục đích nói:**

- Câu tường thuật (câu kể)
- Câu cảm thán (câu cảm)
- Câu nghi vấn (câu hỏi)
- Câu cầu khiến

#### **5.2. Câu theo cấu trúc ngữ pháp**

- Câu đơn/ Câu ghép/ Câu phức
- Câu đặc biệt.
- Câu chủ động/ câu bị động
- Câu khẳng định/ câu phủ định

### **6. Nhận diện các thao tác lập luận**

#### **6.1. Thao tác lập luận giải thích:**

- Là cắt nghĩa một sự vật, hiện tượng, khái niệm để người khác hiểu rõ, hiểu đúng vấn đề.
- Giải thích trong văn nghị luận là làm cho người đọc hiểu rõ được tư tưởng, đạo lí, phẩm chất, quan hệ cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm.
- Cách giải thích: Tìm đủ lí lẽ để giảng giải, cắt nghĩa vấn đề đó. Đặt ra hệ thống câu hỏi để trả lời.

## 6.2. Thao tác lập luận phân tích:

- Là cách chia nhỏ đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận để đi sâu xem xét một cách toàn diện về nội dung, hình thức của đối tượng.
- Cách phân tích: Chia tách đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận theo những tiêu chí, quan hệ nhất định.

## 6.3. Thao tác lập luận chứng minh:

- Dùng những bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ đối tượng.
- Cách chứng minh: Xác định vấn đề chứng minh để tìm nguồn dẫn chứng phù hợp. Dẫn chứng phải phong phú, tiêu biểu, toàn diện sát hợp với vấn đề cần chứng minh, sắp xếp dẫn chứng phải lô gic, chặt chẽ và hợp lí.

## 6.4. Thao tác lập luận so sánh:

- Làm sáng tỏ đối tượng đang nghiên cứu trong mối tương quan với đối tượng khác.
- Cách so sánh: Đặt đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí, nêu rõ quan điểm, ý kiến của người viết.

## 6.5. Thao tác lập luận bình luận:

- Bình luận là bàn bạc, nhận xét, đánh giá về một vấn đề.
- Cách bình luận: Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề được bình luận, đề xuất và chứng tỏ được ý kiến nhận định, đánh giá là xác đáng. Thể hiện rõ chủ kiến của mình.

## 6.6. Thao tác lập luận bác bỏ:

- Là cách trao đổi, tranh luận để bác bỏ ý kiến được cho là sai.
- Cách bác bỏ: Nêu ý kiến sai trái, sau đó phân tích, bác bỏ, khẳng định ý kiến đúng; nêu từng phần ý kiến sai rồi bác bỏ theo cách cuốn chiếu từng phần.
- Ý nhỏ phải nằm hoàn toàn trong phạm vi của ý lớn.
- Nếu có thể biểu hiện nội dung của các ý bằng những vòng tròn thì ý lớn và mỗi ý nhỏ được chia ra từ đó là hai vòng tròn lồng vào nhau, không được ở ngoài nhau, cũng không được trùng nhau hoặc cắt nhau.
- Mặt khác, các ý nhỏ được chia ra từ một ý lớn, khi hợp lại, phải cho ta một ý niệm tương đối đầy đủ về ý lớn, gần như các số hạng, khi cộng lại phải cho ta tổng số, hay vòng tròn lớn phải được lấp đầy bởi những vòng tròn nhỏ.
- Mỗi quan hệ giữa những ý nhỏ được chia ra từ cùng một ý lớn hơn phải ngang hàng nhau, không trùng lặp nhau.

## 7. Nhận diện các hình thức nghị luận thường gặp (hoặc cách thức trình bày của đoạn văn/ Kết cấu đoạn văn)

STT	Hình thức nghị luận	Nhận diện
1	Diễn dịch	Diễn dịch là từ một chân lí chung, quy luật chung mà suy ra các hệ luận, các biểu hiện cụ thể
2	Quy nạp	Quy nạp là từ những chứng cứ cụ thể mà rút ra những nhận định tổng quát.
3	Tổng - phân - hợp	<ul style="list-style-type: none"><li>- Câu mở đầu đoạn văn nêu lên một nhận định chung.</li><li>- Câu khai triển đoạn đưa ra các biểu hiện cụ thể minh họa cho nhận định chung ấy.</li><li>- Câu kết đoạn đúc kết thành một nhận định mới vừa phù hợp với nhận định ban đầu, vừa được nâng cao hơn.</li></ul>
4	So sánh	- So sánh tương đồng là từ một chân lí đã biết suy ra một chân lí tương tự, có chung một logic bên trong.

		- So sánh tương phản là đối chiếu các mặt trái ngược nhau để làm nổi bật luận điểm.
5	Phân tích nhân quả	- Trình bày nguyên nhân trước, chỉ ra kết quả sau. - Chỉ ra kết quả trước, trình bày nguyên nhân sau. Trình bày hàng loạt sự việc theo quan hệ nhân quả liên hoàn.
6	Vấn đáp	Vấn đáp là nêu câu hỏi rồi trả lời hoặc để người đọc tự trả lời.
7	Nêu phản đề	Nêu phản đề là nêu ra một luận điểm giả định và phát triển nó cho đến tận cùng để chứng tỏ đó là luận điểm sai và từ đó mà khẳng định luận điểm của mình. Đây là cách lật ngược vấn đề để xem xét

## 8. Yêu cầu nhận diện thể thơ

Đặc trưng của các thể loại thơ: Lục bát; Song thất lục bát; Thất ngôn; Thơ tự do; Thơ ngũ ngôn, Thơ 4, 5, 6, 8 chữ, thơ văn xuôi (cách tân cả về hình thức biểu hiện lẫn tư duy nghệ thuật)....

## 9. Nhận diện các phong cách chức năng ngôn ngữ

### 9.1. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

#### a. Khái niệm

- Là lời ăn tiếng nói hàng ngày dùng để trao đổi thông tin, ý nghĩ, tình cảm,... đáp ứng nhu cầu của cuộc sống.

#### b. Các dạng tồn tại

- Dạng nói
- Dạng viết: nhật kí, thư từ, truyện trò trên mạng xã hội, tin nhắn điện thoại,...

#### c. Đặc trưng PCNN sinh hoạt

- *Tính cụ thể*: Cụ thể về không gian, thời gian, hoàn cảnh giao tiếp, nhân vật giao tiếp, nội dung và cách thức giao tiếp...

- *Tính truyền cảm*: Cảm xúc của người nói thể hiện qua giọng điệu, các trợ từ, thán từ, sử dụng kiểu câu linh hoạt,...

- *Tính cá thể*: là những nét riêng về giọng nói, cách nói năng => Qua đó ta có thể thấy được đặc điểm của người nói về giới tính, tuổi tác, tính cách, sở thích, nghề nghiệp,...

### 9.2. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

#### a. Khái niệm

- Là ngôn ngữ chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, gọt giũa, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mĩ.

#### b. Chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật

- Chức năng thông tin
- Chức năng thẩm mĩ

#### c. Phạm vi sử dụng

- Dùng trong văn bản nghệ thuật:
  - + Ngôn ngữ tự sự (truyện ngắn, tiểu thuyết, phê bình, hồi kí...)
  - + Ngôn ngữ trữ tình (ca dao, vè, thơ...)
  - + Ngôn ngữ sân khấu (kịch, chèo, tuồng...)

- Ngoài ra ngôn ngữ nghệ thuật còn tồn tại trong văn bản chính luận, báo chí, lời nói hằng ngày...

#### **d. Đặc trưng PCNN nghệ thuật**

- *Tính hình tượng*: Hình tượng là cái được gọi ra từ cái cụ thể của ngôn từ biểu đạt thông qua sự liên tưởng của người nghe, người đọc. Ngôn ngữ có tính hình tượng không chỉ miêu tả sự vật hiện tượng mà còn gọi cho người nghe, người đọc những liên tưởng khác, ngoài sự vật hiện tượng được miêu tả trực tiếp đó => Hệ quả: tính đa nghĩa, tính hàm súc.

- *Tính truyền cảm*: ngôn ngữ của người nói, người viết có khả năng gây cảm xúc, ấn tượng mạnh với người nghe, người đọc.

- *Tính cá thể*: Là dấu ấn riêng của mỗi người, lặp đi lặp lại nhiều lần qua trang viết, tạo thành phong cách nghệ thuật riêng. Tính cá thể hóa của ngôn ngữ còn thể hiện trong lời nói của nhân vật trong tp.

### **9.3. Phong cách ngôn ngữ chính luận:**

#### **a. Khái niệm**

- Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản chính luận hoặc lời nói miệng trong các buổi hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự,... nhằm trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,...theo một quan điểm chính trị nhất định.

#### **b. Các dạng tồn tại**

- Dạng nói
- Dạng viết.

#### **c. Đặc trưng PCNN chính luận**

- *Tính công khai về quan điểm chính trị*: Văn bản chính luận phải thể hiện rõ quan điểm của người nói/ viết về những vấn đề thời sự trong cuộc sống, không che giấu, úp mở. Vì vậy, từ ngữ phải được cân nhắc kĩ càng, tránh dùng từ ngữ mơ hồ; câu văn mạch lạc, tránh viết câu phức tạp, nhiều ý gây những cách hiểu sai.

- *Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận*: Văn bản chính luận có hệ thống luận điểm, luận cứ, luận chứng rõ ràng, mạch lạc và sử dụng từ ngữ liên kết rất chặt chẽ: *vì thế, bởi vậy, do đó, tuy... nhưng..., để, mà,....*

- *Tính truyền cảm, thuyết phục*: Thể hiện ở lí lẽ đưa ra, giọng văn hùng hồn, tha thiết, bộc lộ nhiệt tình của người viết.

### **9.4. Phong cách ngôn ngữ khoa học**

#### **a. Khái niệm**

Là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực khoa học, tiêu biểu là các VBKH.

#### **b. Phân loại**: VB khoa học gồm 3 loại:

- *VBKH chuyên sâu*: dùng để giao tiếp giữa những người làm công việc nghiên cứu trong các ngành khoa học (chuyên khảo, luận án, luận văn, tiểu luận,...)

- *VBKH và giáo khoa*: giáo trình, sách giáo khoa, thiết kế bài dạy,... Nội dung được trình bày từ thấp đến cao, dễ đến khó, khái quát đến cụ thể, có lí thuyết và bài tập đi kèm,...

- *VBKH phổ cập*: báo, sách phổ biến khoa học kĩ thuật... nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học cho mọi người, không phân biệt trình độ -> viết dễ hiểu, hấp dẫn.

#### **c. Đặc trưng PCNN khoa học**

- *Tính khái quát, trừu tượng* :

+ Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.

+ Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)

- *Tính lí trí, logic:*

+ Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.

+ Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.

+ Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập luận logic.

- *Tính khách quan, phi cá thể:*

+ Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc

+ Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

## **9.5. Phong cách ngôn ngữ báo chí**

### **a. Khái niệm**

- Là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH

- Ngôn ngữ báo chí được dùng ở những thể loại tiêu biểu là bản tin, phóng sự, tiểu phẩm,... Ngoài ra còn có quảng cáo, bình luận thời sự, thư bạn đọc,... Mỗi thể loại có yêu cầu riêng về sử dụng ngôn ngữ.

### **b. Đặc trưng của PCNN báo chí**

- *Tính thông tin thời sự:* Thông tin nóng hổi, chính xác về địa điểm, thời gian, nhân vật, sự kiện,...

- *Tính ngắn gọn:* Lời văn ngắn gọn nhưng lượng thông tin cao (bản tin, tin vắn, quảng cáo,...). Phóng sự thường dài hơn nhưng cũng không quá 3 trang báo và thường có tóm tắt, in đậm đầu bài báo để dẫn dắt.

- *Tính sinh động, hấp dẫn:* Các dùng từ, đặt câu, đặt tiêu đề phải kích thích sự tò mò của người đọc.

## **9.6. Phong cách ngôn ngữ hành chính- công vụ**

### **a. Khái niệm**

- Là ngôn ngữ được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Đó là giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí (thông tư, nghị định, đơn từ, báo cáo, hóa đơn, hợp đồng...).

**b. Chức năng:** thông báo và sai khiến.

- Chức năng thông báo thể hiện rõ ở giấy tờ hành chính thông thường, ví dụ như: văn bằng, chứng chỉ các loại, giấy khai sinh, hoá đơn, hợp đồng...

- Chức năng sai khiến bộc lộ rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản của cấp trên gửi cho cấp dưới, của nhà nước đối với nhân dân, của tập thể với các cá nhân.

### **c. Đặc trưng PCNN hành chính**

- *Tính khuôn mẫu:* Kết cấu 3 phần

+ Phần đầu:

Quốc hiệu và tiêu ngữ

Tên cơ quan ban hành văn bản, dưới là số hiệu văn bản

Địa điểm, thời gian ban hành văn bản

+ Phần chính: Nội dung chính của Việt Bắc

+ Phần cuối:

Chức vụ, chữ kí, họ tên của người kí văn bản, dấu của cơ quan. Nơi nhận



- *Tính minh xác*: Không dùng phép tu từ, lối biểu đạt hàm ý hoặc mơ hồ về nghĩa. Không tùy tiện xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa nội dung. Đảm bảo chính xác từng dấu câu, chữ kí, thời gian. Gồm nhiều chương, mục để tiện theo dõi

- *Tính công vụ*: Không dùng từ ngữ biểu hiện quan hệ, tình cảm cá nhân (nếu có cũng chỉ mang tính ước lệ: kính mong, kính gửi, trân trọng cảm ơn,...). Dùng lối từ toàn dân, không dùng từ địa phương, khẩu ngữ,...

## **II. Cấp độ thông hiểu**

### **1. Xác định câu chủ đề của văn bản**

Muốn xác định được chủ đề của văn bản học sinh căn cứ vào tiêu đề của văn bản. Căn cứ vào những hình ảnh đặc sắc, câu văn, câu thơ được nhắc đến nhiều lần. Đây có thể là những từ khóa chứa đựng nội dung chính của văn bản. Đối với văn bản là một đoạn, hoặc một vài đoạn, việc cần làm là học sinh phải xác định được đoạn văn trình bày theo cách nào: diễn dịch, quy nạp, móc xích hay song hành... Xác định được kiểu trình bày đoạn văn học sinh sẽ xác định được câu chủ đề nằm ở vị trí nào. Thường câu chủ đề sẽ là câu nắm giữ nội dung chính của cả đoạn. Xác định bố cục của đoạn cũng là căn cứ để chúng ta tìm ra các nội dung chính của đoạn văn bản đó.

### **2. Đặt nhan đề cho văn bản**

Văn bản thường là một chỉnh thể thống nhất về nội dung, hài hòa về hình thức. Khi hiểu rõ được văn bản, học sinh dễ dàng tìm được nhan đề cũng như nội dung chính của văn bản. Đặt nhan đề cho văn bản chẳng khác nào người cha khai sinh ra đứa con tinh thần của mình. Đặt nhan đề sao cho đúng, cho hay không phải là dễ. Vì nhan đề phải khái quát được cao nhất nội dung tư tưởng của văn bản, phải cô đọng được cái thần, cái hồn của văn bản. Học sinh chỉ có thể đặt tên được nhan đề cho văn bản khi hiểu được nghĩa của nó. Vì thế học sinh cần đọc văn bản để hiểu ý nghĩa của văn bản sau đó mới xác định nhan đề. Nhan đề của văn bản thường nằm ở những từ ngữ, những câu lặp đi, lặp lại nhiều lần trong văn bản.

### **3. Nêu cảm nhận về nội dung của văn bản**

- Cảm nhận về nội dung hiện thực được phản ánh (nội dung khách quan)
- Cảm nhận về thái độ, cảm xúc của tác giả (nội dung chủ quan)

### **4. Yêu cầu phân tích tác dụng biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh trong văn bản**

- Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung cụ thể/ nội dung chính của văn bản
- Phân tích tác dụng biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh đối với việc thể hiện nội dung của văn bản.

\* *Lưu ý*: Phần này trong đề thi thường hỏi anh/ chị hãy chỉ ra một từ ngữ, một hình ảnh, một câu nào đó có sẵn trong văn bản. Sau khi chỉ ra được có thể lý giải phân tích vì sao lại như vậy. Vì thế học sinh cần đọc kỹ đề, khi lý giải phải bám sát vào văn bản. Phần này phụ thuộc nhiều vào khả năng cảm thụ thơ văn của học sinh.

## **III. Cấp độ vận dụng**

1. Tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản?
2. Ý nghĩa của một số từ ngữ đặc biệt trong văn bản, thường là những từ ngữ được dùng với nghĩa chuyển, nghĩa hàm ẩn chứ không phải là những từ ngữ chỉ có nghĩa trực tiếp.
3. Viết 1 đoạn văn ngắn (5-7 dòng) trình bày cảm nhận, suy nghĩ của người viết về một vấn đề được đặt ra trong văn bản.

## **IV. Hệ thống các dạng câu hỏi thường gặp**

### **1. Đối với các văn bản đọc hiểu là thơ, các câu hỏi thường gặp là:**

- Chỉ ra phương thức biểu đạt chính?

- Xác định thể thơ?
- Đặt nhan đề cho bài thơ?
- Chủ đề của bài thơ/ đoạn thơ là gì?
- Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu, đoạn thơ?
- Em hiểu câu thơ/ hình ảnh thơ... như thế nào?
- Nêu ý nghĩa của 1 từ/ 1 hình ảnh thơ?
- Thông điệp em nhận được từ bài thơ là gì?

**2. Đối với các văn bản đọc hiểu là văn nghị luận, truyện, kịch, câu hỏi thường gặp:**

- Chỉ ra phương thức biểu đạt chính/ các phương thức biểu đạt?
- Văn bản thuộc thể loại văn học nào?
- Chỉ ra thao tác lập luận chính của văn bản?
- Nêu nội dung của văn bản?
- Em hiểu câu văn "...” như thế nào?
- Vì sao tác giả viết "...”?
- Em có đồng tình với quan điểm của tác giả thể hiện trong câu "...”hoặc đoạn "...” không? Vì sao?
- Nhận xét về thái độ của tác giả trong câu/ đoạn?
- Văn bản gửi tới độc giả thông điệp gì?

**C. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**

**Bài tập 1:** Cho đoạn văn sau:

*“Trần trề trên mặt bàn, chạm cả vào cành quất Lí cố tình để sát vào mâm cỗ cho bàn ăn thêm đẹp, thêm sang, là la liệt bát đĩa ngồn ngộn các món ăn. Ngoài các món thường thấy ở cỗ Tết như gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò... món nào cũng mang dấu ấn tài hoa của người chế biến - là các món khác thường như gà quay ướp húng lìm, vịt trần hạt sen, chả chìa, mọc, vây.” (Trích Mùa lá rụng trong vườn - Ma Văn Kháng)*

Đoạn văn sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó trong đoạn văn?

**Gợi ý:**

- Trong đoạn văn, tác giả có sử dụng biện pháp liệt kê: “...gà luộc, giò, chả, nem, măng hầm chân giò, miến nấu lòng gà, xúp lơ xào thịt bò...”

- Tác dụng: Biện pháp liệt kê giúp cho nhà văn miêu tả sinh động mâm cỗ Tết vốn tràn trề, ngồn ngộn những của ngon vật lạ)

**Bài tập 2:** Đọc kỹ đoạn văn sau và xác định các phép liên kết được sử dụng:

*“Trường học của chúng ta là trường học của chế độ dân chủ nhân dân, nhằm mục đích đào tạo những công dân và cán bộ tốt, những người chủ tương lai của nước nhà. Về mọi mặt, trường học của chúng ta phải hơn hẳn trường học của thực dân phong kiến. Muốn được như thế thì thầy giáo, học trò và cán bộ phải cố gắng hơn nữa để tiến bộ hơn nữa” .*

(Hồ Chí Minh - Về vấn đề giáo dục)

**Gợi ý:** Các phép liên kết được sử dụng là:

- Phép lặp: “Trường học của chúng ta”

- Phép thế: “Muốn được như thế”... thay thế cho toàn bộ nội dung của đoạn trước đó.)

**Bài tập 3:** Đọc văn bản sau đây và trả lời câu hỏi từ câu 1 - 4:

*“Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói  
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ  
Ôi tiếng Việt như đất cày , như lụa*

*Ông tre ngà và mềm mại như tơ  
Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát  
Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh  
Như gió nước không thể nào nắm bắt  
Dấu huyền trầm , dấu ngã chênh vênh”*

(Luu Quang Vũ - **Tiếng Việt**)

1. Văn bản trên thuộc thể thơ nào?
2. Văn bản thể hiện thái độ, tình cảm gì của tác giả đối với tiếng Việt.
3. Chỉ ra và phân tích biện pháp tu từ được sử dụng chủ yếu trong văn bản.
4. Viết đoạn văn khoảng 6 - 8 câu, trình bày suy nghĩ của anh (chị) về trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt ở giới trẻ ngày nay.

**Gợi ý:**

1. Thể thơ tự do.
2. Văn bản trên thể hiện lòng yêu mến, thái độ trân trọng đối với vẻ đẹp và sự giàu có, phong phú của tiếng Việt.
3. Biện pháp tu từ chủ yếu được sử dụng trong văn bản: so sánh:
  - *Ôi tiếng Việt như đất cày , như lụa*
  - *Ông tre ngà và mềm mại như tơ*
  - *Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát*
  - *Như gió nước không thể nào nắm bắt*

Tác dụng: Hữu hình hóa vẻ đẹp của tiếng Việt bằng các hình ảnh, âm thanh; tiếng Việt đẹp bởi hình và thanh. Thể hiện tình yêu tha thiết của nhà thơ với tiếng Việt.

4. Thí sinh phải viết một đoạn văn ngắn hoàn chỉnh khoảng 6 - 8 câu trình bày được suy nghĩ về trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. (Ví dụ: ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt trong nói và viết, phê phán các hành vi cố tình sử dụng sai tiếng Việt).

**Bài tập 4:** Đọc văn bản sau đây và trả lời câu hỏi

*“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi. Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ to lớn , nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn , nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.” (Hồ Chí Minh)*

1. Anh (chị) hãy đặt tên cho đoạn trích.
2. Chỉ ra phép liên kết chủ yếu được sử dụng trong đoạn trên.
3. Đoạn trên viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Đặc trưng?
4. Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào để thể hiện lòng yêu nước trong câu: “ Nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ to lớn , nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn , nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”

**Gợi ý:**

1. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.
2. Phép thế với các đại từ “đó”, “ấy”, “nó”.
3. Viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận. Với những đặc trưng:
  - Tính công khai về quan điểm chính trị.
  - Tính chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận.
  - Tính truyền cảm , thuyết phục.
4. Tác giả đã dùng nghệ thuật ẩn dụ khi ngầm so sánh sức mạnh của lòng yêu nước với “ một làn sóng” ;

- Dùng phép điệp trong câu trúc “ nó kết thành”, “ nó lướt qua”, “ nó nhún chìm”...

- Điệp từ “ nó”

**Bài tập 5:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi đã cho:

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà nhà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay răn reo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa nhớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay.

Mẹ con bác ta ở một căn nhà cuối phố, cái nhà cũng lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì giải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với những người nghèo như bác, một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi. Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác ta đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà. Đó là những ngày sung sướng. Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói. Mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy mà con chị nó bé, chúng nó khóc lả đi mà không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm ấp lấy con trong ổ rom, để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó.

(Trích *Nhà mẹ Lê* - Thạch Lam)

1. Văn bản trên có sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt nào? Tác dụng của việc kết hợp đó là gì?

2. Nội dung chính của văn bản trên?

3. Nhân vật chính trong văn bản trên là ai? Anh/chị cảm nhận như thế nào về nhân vật đó?

4. Tìm và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ bất kì được tác giả sử dụng trong văn bản trên.

5. Theo anh/chị, nhà văn đã thể hiện tình cảm gì đối với nhân vật? Anh/chị hãy nhận xét về tình cảm đó.

#### **Gợi ý:**

1. Việt Bắc sử dụng kết hợp phương thức biểu đạt tự sự và miêu tả để khắc họa một cách chân thực và làm nổi bật gia cảnh nhà mẹ Lê.

2. Nội dung văn bản: Gia cảnh nghèo túng, đói khổ của nhà mẹ Lê.

3. Nhân vật chính trong văn bản là bác Lê. Đó là một người phụ nữ cực khổ [đông con, nghèo đói, phải đi làm thuê làm mướn] song giàu tình thương con, chịu thương chịu khó [dậy sớm đi làm thuê suốt 4 mùa, bất kể nắng mưa, rét mướt; ủ ấm cho đàn con].

4. Biện pháp tu từ so sánh “*Dưới manh áo nát, thịt chúng nó thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết*” (so sánh con người với con vật, lại là con vật chết) -> Đây là 1 hình ảnh đầy ám ảnh, khắc sâu sự nghèo khổ, tội nghiệp, đáng thương của nhà bác Lê.

5. Tình cảm của nhà văn: Yêu thương, xót xa, ái ngại cho cảnh ngộ nghèo khổ của nhà bác Lê. Đó là tình cảm nhân đạo sâu sắc.

#### **Bài tập 6:**

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em  
Biết khao khát những điều anh mơ ước*

*Biết xúc động qua nhiều nhận thức  
Biết yêu anh và biết được anh yêu*

*Mùa thu nay sao bão mưa nhiều  
Những cửa sổ con tàu chẳng đóng  
Dải đồng hoang và đại ngàn tối sẫm  
Em lạc loài giữa sâu thẳm rừng anh*

(Trích **Tự hát** - Xuân Quỳnh)

1. Xác định 02 biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ trên.
2. Trong khổ thơ thứ nhất, những từ ngữ nào nêu lên những trạng thái cảm xúc, tình cảm của nhân vật “em”?
3. Điều giải bày gì trong hai khổ thơ trên đã gọi cho anh chị nhiều suy nghĩ nhất? Trả lời trong khoảng từ 3 - 4 câu.

**Gợi ý:**

1. Hai biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn thơ: Biện pháp điệp từ "*biết*" và ẩn dụ "*mùa thu này sao bão mưa nhiều*"
2. Những từ nêu lên những trạng thái cảm xúc, tình cảm của nhân vật “em”: *khao khát, xúc động, yêu.*
3. Có thể là: niềm hạnh phúc hoặc nỗi lạc loài vì cảm thấy mình nhỏ bé và cô đơn;..

**D. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi .

**TRĂNG NỞ NỤ CƯỜI**

*Đâu Thị Nở, đâu Chí Phèo,  
Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao ???  
Vẫn vườn chuối gió lao xao  
Sông Châu vẫn chảy nôn nao mạn thuyền...  
Áng ngổ ngảng. Gã khùng điên.  
Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người!  
Vườn xoong trăng nở nụ cười  
Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau.  
Giữa đời vàng lẫn với thau  
Lòng tin còn chút về sau để dành  
Tình yêu nên vị cháo hành  
Đời chung bát vỡ thơm lành lúa đôi!*

(Thơ của Lê Đình Cánh)

Câu 1. Xác định thể thơ? Cách gieo vần?

.....  
.....

Câu 2. Câu thơ: "*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*" có ý nghĩa gì? Liên quan các nhân vật nào trong tác phẩm Chí Phèo?

.....  
.....

Câu 4. Vị cháo hành được nhắc đến trong hai câu thơ cuối là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm nào của Nam Cao? Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 câu bình luận chi tiết nghệ thuật này?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Bài tập 2: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi .**

*Dữ dội và dịu êm  
Ồn ào và lặng lẽ  
Sóng không hiểu nổi mình  
Sóng tìm ra tận bể*

*Ôi con sóng ngày xưa  
Và ngày sau cũng thế  
Nỗi khát vọng tình yêu  
Bồi hồi trong ngực trẻ*  
(Trích **Sóng** - Xuân Quỳnh)

Câu 1. Nêu ý chính của đoạn thơ?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Câu 2. Xác định các biện pháp tu từ? Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Câu 3. Đoạn thơ thể hiện quan niệm gì về tình yêu của nhà thơ Xuân Quỳnh?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Bài tập 3: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi .**

*Yêu tổ quốc những giọt mồ hôi tảo tần. Mồ hôi rơi trên những cánh đồng cho lúa thêm hạt. Mồ hôi rơi trên những công trường cho những ngôi nhà thành hình, thành khối. Mồ hôi rơi trên những con đường nơi rẻo cao Tổ quốc của những thầy cô trong mùa nắng để nuôi ước mơ cho các em thơ. Mồ hôi rơi trên thao trường đầy nắng gió của những người lính để giữ mãi yên bình và màu xanh cho Tổ quốc...(Nguồn <http://vietbao.vn> ngày 9-5-2014)*

Câu 1. Xác định phong cách của văn bản trên

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Câu 2. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên?







.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 6: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi .**

*“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.”*

(Trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*...- Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Gọi tên phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

.....

Câu 2. Xác định câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn.

.....

Câu 3. Chỉ ra điểm giống nhau về cách lập luận trong 4 câu đầu của đoạn trích.

.....

.....

.....

Câu 4. Cho mọi người biết giá trị riêng (thế mạnh riêng) của bản thân bạn. Trả lời trong khoảng từ 5 - 7 câu.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 7: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*“Nước là yếu tố thứ hai quyết định sự sống chỉ sau không khí, vì vậy con người không thể sống thiếu nước. Nước chiếm khoảng 58 - 67% trọng lượng cơ thể người lớn và đối với trẻ em lên tới 70 - 75%, đồng thời nước quyết định tới toàn bộ quá trình sinh hóa diễn ra trong cơ thể con người.*

*Khi cơ thể mất nước, tình trạng rối loạn chuyển hóa sẽ xảy ra, Protein và Enzyme sẽ không đến được các cơ quan để nuôi cơ thể, thể tích máu giảm, chất điện giải mất đi và cơ thể không thể hoạt động chính xác. Tình trạng thiếu nước do không uống đủ hàng ngày cũng sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của não bởi có tới 80% thành phần mô não được cấu tạo từ nước, điều này gây trí nhớ kém, thiếu tập trung, tinh thần và tâm lý giảm sút...”*

(Trích *Vai trò của nước sạch với sự sống của con người* - Nanomic.com.vn)

Câu 1. Nêu nội dung của đoạn trích.

.....  
.....  
.....

Câu 2. Thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn trích trên là gì?

.....

Câu 3. Xác định phong cách ngôn ngữ và phương thức biểu đạt của đoạn văn bản.

.....  
.....

**Bài tập 8: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Tây Tiến* đoàn binh không mọc tóc  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm  
Rải rác biên cương mồ viễn xứ  
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh  
Áo bào thay chiếu qnh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành  
**(Tây Tiến - Quang Dũng)**

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?

.....

Câu 2. Nêu nội dung cơ bản của văn bản

.....  
.....

Câu 3. Văn bản có sử dụng rất nhiều từ Hán Việt, hãy liệt kê những từ ngữ đó và nêu tác dụng của nó?

.....  
.....  
.....

Câu 4. Chỉ ra phép tu từ nói giảm được sử dụng trong văn bản và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

.....  
.....  
.....

**Bài tập 9: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi**

**Lá đỏ** (Nguyễn Đình Thi)  
Gặp em trên cao lộng gió  
Rừng lạ ào ào lá đỏ  
Em đứng bên đường như quê hương  
Vai áo bạc quàng súng trường.



*Hãy sống như ước vọng để thấy đời mênh mông.*

*Và sao không là gió, là mây để thấy trời bao la  
Và sao không là phù sa rót mỡ màu cho hoa  
Sao không là bài ca của tình yêu đôi lứa  
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư.*

*Và sao không là bão, là giông, là ánh lửa đêm đông  
Và sao không là hạt giống xanh đất mẹ bao dung  
Sao không là đàn chim gọi bình minh thức giấc  
Sao không là mặt trời gieo hạt nắng vô tư.*

Câu 1. Chủ đề bài hát là gì? Phương thức biểu đạt của bài hát trên?

.....  
.....  
.....

Câu 2. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp tu từ được sử dụng trong lời bài hát trên?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Câu 3. Những câu nào trong lời bài hát để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

.....  
.....  
.....  
.....

Câu 4. Lời bài hát đem đến cho mọi người cảm xúc gì?

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Bài tập 11: Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi**

(1) Đưa những cuốn sách về với quê hương mình, với mái trường cũ thân thương của mình, để các em nhỏ sẽ không còn "khát" sách đọc. Đó là công việc thiện nguyện của những người tham gia chương trình "Sách hóa nông thôn Việt Nam", đang chung tay đeo đuổi mục tiêu để 10 triệu trẻ em nông thôn có quyền đọc sách và có sách đọc như trẻ em thành phố.

(2) Anh Nguyễn Quang Thạch, người khởi xướng chương trình hiện đang trong quá trình đi bộ xuyên Việt từ Hà Nội vào TP Hồ Chí Minh. Chuyến đi được khởi hành từ ngày mùng 1 Tết Ất Mùi và dự kiến sẽ hoàn thành vào trung tuần tháng 6-2015. Anh là cử nhân tiếng Anh, đã

từng trải qua nhiều vị trí ở cơ quan nhà nước và từng làm việc cho một số tổ chức quốc tế. Chuyến đi bộ xuyên Việt của anh lần này là mong muốn kêu gọi cộng đồng chung tay nhân rộng tủ sách trong trường học, dòng họ... để đạt con số 300 nghìn tủ sách được xây dựng trên toàn quốc vào năm 2017, giúp hơn 10 triệu học sinh nông thôn có sách đọc.

(...) (3) Chương trình Sách hóa nông thôn Việt Nam ra đời theo mong muốn của anh là nhằm giải quyết vấn đề thiếu sách ở nông thôn mà theo anh là để nâng cao dân trí, xây dựng tinh thần chia sẻ trách nhiệm xã hội trong cộng đồng. Tâm nguyện của anh là tạo ra một hệ thống thư viện mi-ni rộng khắp cả nước để mọi người dân thôn quê có thể tiếp cận tri thức. Chương trình Sách hóa nông thôn Việt Nam đến nay đã thực hiện thành công năm loại tủ sách, với hơn 3.800 tủ sách được xây dựng, giúp hơn 200 nghìn người dân nông thôn, đặc biệt là 100 nghìn học sinh nông thôn có cơ hội đọc 40 đầu sách/năm.”

(**Đưa sách về làng**, Nhân dân cuối tuần, 26/04/2015)

Câu 1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.

.....  
.....

Câu 2. Đoạn (2) giới thiệu những thông tin gì về hành động “đi bộ xuyên Việt” của anh Nguyễn Quang Thạch?

.....  
.....  
.....

Câu 3. Từ nội dung văn bản, hãy nêu mục tiêu và kết quả đạt được của chương trình "Sách hóa nông thôn Việt Nam".

.....  
.....

Câu 4. Theo số liệu của Bộ Văn hóa - Thể thao - Du lịch: hiện nay, trung bình người Việt đọc 0,8 cuốn sách/năm. Từ thực trạng này, anh/chị hãy nhận xét ngắn gọn về anh Nguyễn Quang Thạch và chương trình "Sách hóa nông thôn Việt Nam" do anh khởi xướng. (Trả lời trong khoảng 7-10 dòng)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Bài tập 12: Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi**

*Tôi đứng lặng giữa cuộc đời nghiêng ngả  
Để một lần nhớ lại mái trường xưa  
Lời dạy ngày xưa có tiếng thoi đưa  
Có bóng nắng in dòng sông xanh thắm.  
Thoáng quên mất giữa tháng ngày ngọt đắng  
Trường thành này có bóng dáng hôm qua*

Nhớ được điều gì được dạy những ngày xa  
 Áp dụng - chắc nhờ cội nguồn đã có.  
 Nước mắt thành công hoà nỗi đau đen đờ  
 Bậc thềm nào diu dắt những bước đi  
 Bài học đời đã học được những gì  
 Có nhắc bóng người đương thời năm cũ  
 Vun xới cơn mơ bằng trái tim ấp ủ  
 Để cây đời có tán lá xum xuê  
 Bóng mát dừng chân là một chốn quê  
 Nơi ơn tạ là mái trường nuôi lớn  
 Xin phút tĩnh tâm giữa muôn điều hời hợt  
 Cảm tạ mái trường ơn nghĩa thầy cô.

(Lời cảm tạ- suru tầm)

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

.....

Câu 2. Nêu rõ phép tu từ được sử dụng trong câu thơ *Thoáng quên mất giữa tháng ngày ngọt đắng*.

.....

.....

Câu 3. Nêu nội dung chính của bài thơ trên.

.....

.....

Câu 4. Anh chị hiểu hai dòng thơ: “*Vun xới cơn mơ bằng trái tim ấp ủ/ Để cây đời có tán lá xum xuê*” như thế nào? Từ ý thơ này, hãy viết một đoạn văn ngắn nêu vai trò của mái trường và thầy cô đối với cuộc đời của mỗi người.( trả lời 7-10 dòng.)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Bài tập 13: Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi**

“*Đọc, trong nghĩa đó là một trò chơi. Nơi mỗi người đọc có ba nhân vật chồng lên nhau, tác động lên nhau. Một là người đọc bằng xương bằng thịt, hai chân đứng đất, vẫn còn ý thức liên hệ với thế giới bên ngoài. Hai là, người đọc bị lôi cuốn, đang ngao du trong thế giới tưởng tượng của cảm xúc. Đó là người đang chơi. Ba là, người đọc suy tư, đưa vào trò chơi sự chú ý, sự suy nghĩ, sự phán đoán của trí thức. Đó là phút giây của trí tuệ có khả năng đưa người đọc lùi ra khỏi bài văn, mở một khoảng cách để diễn dịch. Người đọc vẫn ý thức rằng mình đang chơi nhưng biết phán đoán. Ba tay chơi là một trong việc đọc, chơi với nhau một trò chơi tinh tế khiến người đọc vừa bị lôi cuốn vừa biết dừng lại, vừa tham dự vừa cách biệt với bài văn. Tư thế của người đọc vẫn là vậy: tham dự và cách biệt qua lại không dứt quãng.*”

(Trích “**Chuyện trò**” - Cao Huy Thuần, NXB Trẻ, 2013)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính trong đoạn văn?

.....

Câu 2. Đoạn văn được viết theo cách thức nào?

Câu 3. Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? .

Câu 4. Nêu nội dung chính của văn bản?

**Bài tập 14: Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi**

“Ngày xưa, Trần Hưng Đạo khuyên vua chước giữ nước hay hơn cả là “lúc bình thời, khoan sức cho dân để kế sâu rễ, bền gốc”. Nguyễn Trãi chê Hồ Quý Ly để mất nước vì chỉ biết ngăn sông cản giặc, mà không biết lấy sức dân làm trọng. Các đấng anh hùng dân tộc đều lập nên công lớn, đều rất coi trọng sức dân để giữ nước, chống giặc.

Ngày nay, Hồ Chủ tịch kêu gọi: “Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm”. Người nói: phải “dựa vào lực lượng của dân, tinh thần của dân”. Khác với người xưa, Hồ Chủ tịch chỉ rõ: Làm những việc đó là “để mưu cầu hạnh phúc cho dân”.

(**Những ngày đầu của nước Việt Nam mới** - Võ Nguyên Giáp)

Câu 1. Đặt nhan đề cho phần trích trên?

Câu 2. Phân tích trình bày ý theo trình tự nào?

Câu 3. Tác giả đưa những nhân vật lịch sử như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly vào đoạn văn thứ nhất để tạo hiệu quả lập luận như thế nào? Trả lời trong khoảng 4-6 dòng.

**Bài tập 15: Đọc đoạn trích sau đây và trả lời các câu hỏi**

Thời gian đã lùi xa, nhưng Chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng năm châu, chấn động địa cầu mãi mãi là một mốc son chói lọi trong lịch sử và niềm tự hào của dân tộc Việt Nam, là sức mạnh tinh thần, nguồn cổ vũ, động viên to lớn, đồng thời để lại nhiều bài học quý giá đối với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

Đó là bài học về tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, vừa chống giặc đói, giặc dốt, vừa chống giặc ngoại xâm, tạo nên một sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù cho chúng có mạnh tới đâu.

Bài học quý về phát huy tinh thần yêu nước, ý chí quyết chiến, quyết thắng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Bài học về phát huy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường và sáng tạo, tìm tòi, xác định đúng đường lối cách mạng và nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Bài học về xây dựng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân- nông dân- trí thức dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

*Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sự ủng hộ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế.*

*(Diễn văn của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại lễ mít tinh, diễu binh, diễu hành kỉ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ(7/5/1954-7/5/2014)*

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?

.....

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Cụm từ: “...*một mốc son chói lọi trong lịch sử*” nói lên điều gì?

.....

.....

Câu 4. Đặt tiêu đề cho văn bản trên.

.....



## CHƯƠNG II: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

### A. CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN ĐẠT

#### I. Kiến thức:

\* Học sinh cần có vốn kiến thức về đời sống xã hội phong phú. Cần huy động các nguồn:

- Kiến thức từ sách vở, báo chí, sách tham khảo về các lĩnh vực của cuộc sống. Từ đó, lựa chọn và hệ thống hóa thành những phạm vi kiến thức cần nhớ.

- Kiến thức từ đời sống: Học sinh cần có thói quen quan sát cuộc sống, nắm được những hoạt động, sự việc, những vấn đề từ cuộc sống xung quanh. Quan trọng hơn là phải biết suy nghĩ, suy xét về những gì mình nắm bắt được. Trên cơ sở đó, biết lựa chọn và nắm lấy bản chất vấn đề.

- Kiến thức từ trải nghiệm của bản thân. Đây sẽ là những dẫn chứng sống, có sức thuyết phục cao, đem lại cảm xúc chân thành cho bài viết.

\* Có kiến thức về văn nghị luận

#### II. Kỹ năng:

Học sinh cần nắm được và vận dụng thuần thục các kỹ năng viết bài văn, đoạn văn nghị luận nói chung và nghị luận xã hội nói riêng. Cụ thể:

- Kỹ năng phân tích đề

- Kỹ năng lập ý và lập dàn ý

- Kỹ năng lựa chọn và sử dụng các thao tác lập luận

- Kỹ năng lựa chọn và phân tích dẫn chứng

- Kỹ năng diễn đạt và trình bày ý trong bài văn, đoạn văn nghị luận xã hội.

- Kỹ năng đọc – hiểu một tác phẩm văn học vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

### B. KIẾN THỨC CƠ BẢN

#### I. Khái quát chung:

##### 1. Nghị luận xã hội là gì?

Là thể văn hướng tới phân tích, bàn bạc về các vấn đề liên quan đến các mối quan hệ của con người trong đời sống xã hội. Mục đích cuối cùng của nó là tạo ra những tác động tích cực đến con người và ngừng mối quan hệ giữa người với người trong xã hội.

##### 2. Yêu cầu chung đối với một bài văn nghị luận xã hội.

- Đảm bảo những đặc trưng cơ bản của thể văn NLXH: Có hệ thống luận điểm chặt chẽ, hướng vào luận đề, có các luận cứ lí lẽ thuyết phục để làm sáng tỏ mỗi luận điểm và tìm những dẫn chứng cụ thể, tiêu biểu, đáng tin cậy để chứng minh. Trình bày rõ ràng, mạch lạc, khoa học theo bố cục 3 phần của một bài văn (hoặc đoạn văn) nghị luận, tùy theo yêu cầu của đề

- Phải thể hiện được vốn kiến thức, sự hiểu biết nhất định về xã hội như: những vấn đề xã hội đang quan tâm, những quan sát, thể nghiệm trong đời sống... Điều này, học sinh có thể thu nhận được qua những nguồn tư liệu gần gũi để kiếm tìm như:

+ Sách tham khảo hướng dẫn làm văn NLXH.

+ Sách Tuyển tập đề bài và bài văn theo hướng mở.

+ Báo chí: Hoa học trò, văn học và tuổi trẻ, Thanh niên...

+ Internet: Truy cập vào các trang web, các diễn đàn bàn về NLXH.

+ Những tác phẩm đọc thêm bên ngoài: *Những tấm lòng cao cả, Hạt giống tâm hồn, Điều kì diệu của cuộc sống, Bí quyết sống, Danh ngôn, Lời hay ý đẹp ...* hoặc những bài tản văn của các tác giả như Nguyễn Thị Ngọc Tư, Châu Giang, Mạc Can ...

- Đảm bảo tính mục đích, tư tưởng: những ý kiến mà người viết đưa ra phải có ý nghĩa thiết thực, có tính thời sự và tính giáo dục cao, có ý nghĩa hướng đạo, thể hiện nhận thức và suy nghĩ đúng đắn về cuộc sống.

- Bài văn NLXH nào cũng vận dụng kết hợp các thao tác: Giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ. Tùy từng đề bài cụ thể mà lựa chọn sử dụng thao tác lập luận theo dung lượng hợp lý

### **3. Các dạng nghị luận xã hội thường gặp**

#### **3.1. Nghị luận về một tư tưởng đạo lí**

##### **a. Khái niệm**

Những vấn đề tư tưởng, đạo lí chiếm khối lượng lớn nhất trong các đối tượng của nghị luận xã hội. Trong các tài liệu hiện hành, tư tưởng, đạo lí là một cặp khái niệm đi kèm với nhau. Ta có thể hiểu :

- Tư tưởng : Là những suy nghĩ, ý nghĩ, quan điểm, quan niệm của cá nhân con người đối với hiện thực khách qua hoặc đối với xã hội.

VD : + Nhận định của Lép - Tônxtôi: *“Lý tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lý tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống”*.

+ « Hạnh phúc là đấu tranh » (Các Mác)

- Đạo lí : Là nguyên lí đạo đức, đạo làm người theo những chuẩn mực đạo đức ở đời. Như : Nhân , Lễ, Nghĩa, Trí, Tín, Trung, Hiếu, Liêm, Si, Công, Dung, Ngôn, Hạnh...

VD : « Một giọt máu đào hơn ao nước lã », « Bầu ơi thương lấy bí cùng », « Lá lành đùm lá rách »...

Vậy nghị luận về một tư tưởng, đạo lí: là kiểu bài nghị luận bàn luận về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người. Bao gồm các vấn đề về nhận thức (lí tưởng, mục đích sống, việc học, việc đọc sách); tâm hồn, tính cách, phẩm chất đạo đức ( lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng, tính trung thực, chăm chỉ, cần cù, hòa nhã, khiêm tốn, thói ích kỷ, ba hoa, vụ lợi...); về quan hệ gia đình (tình mẫu tử, anh em...); về quan hệ xã hội (tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...); về cách ứng xử, hành động mỗi người trong cuộc sống...

##### **b. Nhận diện đề bài về tư tưởng đạo lí**

Đề nghị luận về một tư tưởng đạo lí có nhiều cách hỏi phong phú:

- Vấn đề có thể được đặt ra từ việc trích dẫn một câu thơ, một đoạn thơ, một bài thơ (Ví dụ: Tìm lời giải đáp cho câu hỏi: *“Ôi sống đẹp là thế nào hỡi bạn?”; Sống trong đời sống cần có một tấm lòng, để làm gì em biết không...? để gió cuốn đi...”*;

Trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải có đoạn

*“Ta làm con chim hót;  
Ta làm một nhành hoa,  
Ta nhập vào hòa ca;  
Một nốt trầm xao xuyến;  
Một mùa xuân nho nhỏ;  
Lặng lẽ dâng cho đời;  
Dù là tuổi hai mươi;  
Dù là khi tóc bạc...”*

Đoạn thơ gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì về quan niệm sống?

- Vấn đề cũng có thể được đặt ra từ một tác phẩm văn học, một đoạn văn, đoạn thơ, một câu chuyện có thật trong cuộc sống hoặc được trích dẫn từ các cuốn sách như “Quà tặng cuộc sống” hoặc “Hạt giống tâm hồn”...

- Không hiếm khi là cách đặt vấn đề trực tiếp (ví dụ: Anh chị hãy viết một bài tranh luận với ý kiến “*Vào đại học là con đường lập thân duy nhất của thanh niên*”; Quan niệm của anh (chị) về hạnh phúc, tình bạn, tình yêu...).

- Tuy nhiên, chiếm số lượng nhiều nhất là cách hỏi dưới dạng bàn luận về một nhận định, một quan niệm sống, một câu danh ngôn, một câu tục ngữ (VD: *Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào* - ngạn ngữ Hi Lạp; *Cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời. Sự mất mát lớn nhất là bạn để cho tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống* - Nooc man Ku sin).

Chính vì thế, phương pháp làm bài cũng phải linh hoạt.

### **3.2. Nghị luận về một hiện tượng đời sống**

**a. Khái niệm:** Nghị luận về một hiện tượng đời sống: là kiểu bài nghị luận có nội dung bàn bạc về một hiện tượng, một vấn đề có tính thời sự, được dư luận xã hội trong nước cũng như cộng đồng quốc tế quan tâm.

#### **b. Nhận diện đề bàn về một hiện tượng đời sống**

- Đề thường nêu ra một hiện tượng, một vấn đề có tính thời sự nóng bỏng được dư luận xã hội quan tâm. Những vấn đề đưa ra bàn bạc thường sát hợp với trình độ nhận thức của học sinh và mang tính thời sự cấp thiết. Có cả hiện tượng tích cực và hiện tượng tiêu cực.

Ví dụ:

Hiện tượng tốt:

- + Cuộc vận động giúp đỡ đồng bào hoạn nạn.
- + Văn hoá đọc.

Hiện tượng xấu:

- + Ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.
- + Nạn bạo hành trong gia đình.
- + Bạo lực học đường.
- + Hiện tượng “*chảy máu chất xám*”.
- + Đại dịch HIV/AIDS.
- + Nghiện Internet và game...

- Đề bài phần lớn là đề mở, vấn đề nghị luận thường được đề cập trực tiếp trong đề bài

## **II. Phương pháp viết đoạn văn nghị luận xã hội**

### **1. Những điều cần lưu ý**

- Từ kì thi THPT Quốc gia 2017, Bộ Giáo dục đã có sự đổi mới về cấu trúc và nội dung của đề thi môn Ngữ Văn, đặc biệt ở phần nghị luận xã hội. Cụ thể:

+ Hình thức: Học sinh viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) thay vì một bài văn như đề thi các năm trước.

+ Nội dung: yêu cầu vấn đề nghị luận xã hội gắn liền với phần đọc hiểu thay vì là một vấn đề độc lập như trước đây.

- Vì vậy, học sinh cần nắm vững đặc điểm, yêu cầu của một đoạn văn và kĩ năng viết một đoạn văn nghị luận xã hội.

- Vấn đề xã hội cần nghị luận vẫn thuộc một trong ba dạng thường gặp: Nghị luận về một tư tưởng đạo lí; nghị luận về một hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong một tác phẩm văn học

## 2. Những kĩ năng cần thiết để viết đoạn văn

### 2.1. Kĩ năng tạo lập và xây dựng đoạn văn nghị luận

- Hình thức, kết cấu: Đoạn văn là tập hợp của nhiều câu văn. Bắt đầu bằng chữ viết hoa đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm. Không được phép xuống dòng. Các câu được liên kết với nhau bằng các phép liên kết như phép thế, phép nối, phép lặp... Đoạn văn có thể được viết theo một trong các cách kết cấu: quy nạp, diễn dịch, móc xích, tổng phân hợp

- Nội dung: Các câu cần được liên kết chặt chẽ, lô gic với nhau, cùng tập trung trình bày rõ vấn đề cần nghị luận và đem lại hiệu quả thuyết phục cao.

### 2.2. Kĩ năng phân tích, đánh giá nhận định:

- Huy động các kiến thức xã hội để bày tỏ quan điểm, thái độ, nhận định riêng của mình trước vấn đề xã hội cần nghị luận.

- Có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng. Được tự do trình bày quan điểm của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và luật pháp quốc gia.

## 3. Cách viết đoạn văn nghị luận

### 3.1. Tìm hiểu đề:

- Xác định chính xác kiểu đề
- Xác định rõ vấn đề, phạm vi cần nghị luận
- Xác định các thao tác lập luận cần sử dụng và thao tác lập luận chính
- Xác định phạm vi dẫn chứng

### 3.2. Lập dàn ý:

Học sinh có thể tùy chọn một trong các cách cách kết cấu đoạn văn cho bài làm của mình (diễn dịch, quy nạp, móc xích, song hành, tổng – phân - hợp) nhưng phải tuân thủ quy tắc triển khai ý theo kết cấu đó. Song vì đây là một đoạn văn nghị luận được xem như một bài làm độc lập cho nên chúng ta nên chọn cách viết đoạn văn theo lối Tổng – Phân – Hợp. Cách viết này đảm bảo bố cục một đoạn văn nghị luận, có đủ các phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn:

- Câu mở đoạn: Giới thiệu khái quát vấn đề cần nghị luận

- Các câu trong phần thân đoạn: Triển khai vấn đề. Tập trung làm rõ vấn đề cần nghị luận bằng các thao tác lập luận và dẫn chứng phù hợp. (Các ý trong đoạn văn nghị luận xã hội ***được triển khai theo các ý của bài văn nghị luận xã hội trong từng dạng đề*** nhưng cần chú ý diễn đạt một cách ngắn gọn hơn; dẫn chứng cũng phải được lựa chọn trình bày tinh hơn, khái quát hơn và không nên nhiều dẫn chứng để phù hợp với yêu cầu dung lượng của đoạn văn).

- Câu kết đoạn: Khái quát lại vấn đề

### Dàn ý cụ thể cho từng kiểu đề:

#### a. Dạng đề nghị luận về một tư tưởng đạo lí

##### a.1. Cách lập ý và triển khai ý cơ bản như sau

\* **Câu mở đoạn:** Dẫn dắt, nêu vấn đề và trích dẫn ý kiến nhận định (nếu có)

\* **Thân đoạn:** Có thể triển khai theo các bước (tạo các ý) cơ bản sau:

+ Bước 1: Giải thích rõ nội dung tư tưởng, đạo lí (giải thích từ ngữ, khái niệm, giải thích nghĩa đen... trên cơ sở đó giải thích nghĩa bóng, nội dung vấn đề cần nghị luận)

+ Bước 2: Bàn luận:

(+) Nhận định, đánh giá khái quát vấn đề: ý nghĩa vấn đề tích cực – tiêu cực, mức độ đúng - sai...

(+) Phân tích và chứng minh các mặt đúng, sai của tư tưởng đạo lí và chỉ ra biểu hiện của nó. Phần này thực chất là trả lời các câu hỏi: Tại sao lại nói như vậy? Vấn đề này được biểu

hiện như thế nào? Những dẫn chứng nào chứng minh cho điều đó? (người viết lựa chọn dẫn chứng trong lịch sử, văn học, cuộc sống để chứng minh).

(+) Bình luận: Ngợi ca, đề cao mặt tốt, ý nghĩa tích cực của vấn đề đồng thời phê phán, bác bỏ, phản biện những biểu hiện sai lệch có liên quan đến tư tưởng, đạo lý đang bàn luận... (dùng dẫn chứng trong lịch sử, văn học, cuộc sống để chứng minh cho quan điểm của mình).

+ Bước 3: Mở rộng vấn đề, liên hệ bản thân, rút ra bài học hành động: từ sự phân tích, đánh giá trên, người viết rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm... (thực chất là trả lời câu hỏi: Từ vấn đề bàn luận ta hiểu ra điều gì? Nhận ra vấn đề có ý nghĩa với tâm hồn và đời sống của bản thân ta cũng như mọi người như thế nào? Bài học của bản thân?). Đề xuất phương châm đúng đắn, phương hướng hành động cụ thể.

- **Câu kết đoạn:** Đánh giá và nêu ý nghĩa chung của tư tưởng đạo lý đã bàn luận.

## **a.2. Ví dụ minh họa**

### **Đọc văn bản sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:**

*Tôi có đọc bài phỏng vấn Ngô Thị Giáng Uyên, tác giả cuốn sách được nhiều bạn trẻ yêu thích “Ngón tay mình còn thơm mùi oải hương”. Trong đó cô kể rằng khi đi xin việc ở công ti Unilever, có người hỏi nếu tuyển vào không làm marketing mà làm sales thì có đồng ý không. Uyên nói có. Nhà tuyển dụng rất ngạc nhiên bởi hầu hết những người được hỏi câu này đều trả lời không. “Tại sao phỏng vấn marketing mà lại làm sales?”. Uyên trả lời: “Tại vì tôi biết, nếu làm sales một thời gian thì bộ phận marketing sẽ muốn đưa tôi qua đó, nhưng đã quá muộn vì sales không đồng ý cho tôi đi.”*

*Chi tiết này khiến tôi nhớ đến câu chuyện về diễn viên Trần Hiểu Húc. Khi đó cô đến xin thử vai Lâm Đại Ngọc, đạo diễn Vương Phù Lâm đã đề nghị cô đóng vai khác. Hiểu Húc lắc đầu “Tôi chính là Lâm Đại Ngọc, nếu ông để tôi đóng vai khác, khán giả sẽ nói rằng Lâm Đại Ngọc đang đóng vai một người khác.” Đâu là điều giống nhau giữa họ? Đó chính là sự tự tin. Và tôi cho rằng, họ thành công là vì họ tự tin.*

*Có thể bạn sẽ nói: “Họ tự tin là điều dễ hiểu. Vì họ tài năng, thông minh, xinh đẹp. Còn tôi, tôi đâu có gì để mà tự tin”. Tôi không cho là vậy. Lòng tự tin thực sự không bắt đầu từ gia thế, tài năng, dung mạo... mà nó bắt đầu từ bên trong bạn, từ sự hiểu mình. Biết mình có nghĩa là biết điều này: Dù bạn là ai thì bạn cũng luôn có trong mình những giá trị nhất định.*

(Theo Phạm Lữ Ân - *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*, NXB Hội Nhà văn, 2012)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: *Lòng tự tin*

### **Hướng dẫn làm bài**

\* **Câu mở đoạn:** Dẫn dắt để giới thiệu vấn đề cần nghị luận

\* **Thân đoạn:**

- Giải thích “tự tin”: tin vào bản thân

- Bàn luận vấn đề:

+ Lòng tự tin là một phẩm chất tốt đẹp của con người. Khi có lòng tự tin con người dễ gạt hái thành công trong cuộc sống

+ Biểu hiện của lòng tự tin: luôn tin tưởng vào bản thân, chủ động trước mọi tình huống, không lầy lăm hổ thẹn trước những khuyết điểm của bản thân, nỗ lực khắc phục điểm yếu để trở thành người hoàn thiện

+ Mở rộng: Tự tin không đồng nghĩa với tự cao, tự đại

+ Phê phán những người sống tự ti, không nhận thấy giá trị của bản thân

- Bài học nhận thức, hành động

- + Luôn lạc quan, vui vẻ, tự tin rằng mình có những giá trị sẵn có
- + Phấn đấu, nỗ lực không ngừng trước những khó khăn, thất bại để luôn tự tin trong cuộc sống

\* **Câu kết đoạn:** Khẳng định lại những suy nghĩ, quan điểm của bản thân

**b. Dạng bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.**

**b.1. Dàn ý cơ bản của bài viết đoạn nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống** (cần vận dụng linh hoạt trong từng trường hợp):

\* **Câu mở đoạn:** Dẫn dắt và nêu ra hiện tượng mà đề đề cập.

\* **Thân đoạn:**

+ Bước 1: *Giải thích hiện tượng được đưa ra* (VD một số hiện tượng cần giải thích: chảy máu chất xám, hiến máu nhân đạo, nạn nhân chất độc da cam, bạo lực gia đình...)

+ Bước 2: *Phân tích hiện tượng*

. Thực trạng (dẫn chứng)

. Nguyên nhân

. Hậu quả (có thể là tác dụng hoặc kết quả nếu là hiện tượng tốt)

+ Bước 3: *Bình luận, đánh giá*

. Khẳng định, ngợi ca ý nghĩa tích cực của những hiện tượng tốt

. Phê phán, bác bỏ những quan niệm, nhận thức sai lầm có liên quan quan đến hiện tượng bàn luận

. Từ hiện tượng đang xảy ra trong thực tại cần nghĩ về những vấn đề có ý nghĩa thời đại

+ Bước 4: *Đưa ra giải pháp khắc phục*

Từ chỗ hiểu rõ thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của hiện tượng, với quan điểm cá nhân đúng đắn, người viết cần đề xuất những giải pháp khắc phục hiện tượng xấu và phát huy những hiện tượng tốt

\* **Câu kết đoạn:** *Mở rộng vấn đề, liên hệ bản thân, rút ra bài học hành động.*

**b.2. Ví dụ minh họa:**

**Đề bài:**

*“Khi mạng xã hội ra đời, những người cổ xúy thường cho rằng chức năng quan trọng nhất của nó là kết nối. Nhưng trên thực tế phải chăng mạng xã hội đang làm chúng ta xa cách nhau hơn?”*

*Tôi đi dự đám cưới, bữa tiệc được chuẩn bị chu đáo, sang trọng từ khâu tiếp khách, lễ nghi cho đến cách chọn thực đơn, loại nhạc biểu diễn trong suốt bữa tiệc, chứng tỏ gia chủ rất trân trọng khách mời.*

*Vậy mà suốt buổi tiệc, nhìn quanh mình đâu đâu tôi cũng thấy có người chăm chú dán mắt vào màn hình điện thoại, mà khỏi nói tôi cũng biết họ đang xem gì qua cách họ tùm tùm thành từng nhóm vừa chỉ trỏ vào chiếc điện thoại vừa bình luận, nói cười rôm rả. (...) Trẻ trung có (số này chiếm đông hơn cả), tầm tầm cũng có. Nói đâu xa, ngay trong bàn tôi cũng thế, mọi người xúm lại chụp ảnh rồi “post” lên Facebook ngay tức thì “cho nó “hot”!”, một người bảo vậy. ”...*

*Một dịp khác, trong khi đang ngồi chờ bus. Bên cạnh tôi có 3 nữ sinh đã chia sẻ như sau:*

*“Ngày nào không vào Facebook cứ thấy bứt rứt. Nhớ “Facebook” quá!*

(Nguồn: tuoitre.online)

Từ thông tin và dòng chia sẻ trên, anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của bản thân về hiện tượng "nghiện" Facebook trong giới trẻ hiện nay?

***Hướng dẫn làm bài***

\* **Mở đoạn:** - Dẫn dắt vấn đề từ nguồn **tuoitre.online**

- Khái quát nội dung cần nghị luận.: Sự thực về hiện tượng nghiện facebook trong giới trẻ hiện nay.

\* **Thân đoạn:**

+ Bước 1: Giải thích:

- Facebook là một mạng xã hội chứa đựng những thông tin cá nhân và có thể dễ dàng chia sẻ, kết nối thông tin với rất nhiều người bất chấp thời gian và khoảng cách rất thú vị và đầy màu sắc, cực kì hấp dẫn đặc biệt là đối với giới trẻ.

- Nghiện facebook: Quá đam mê, cảm thấy nhớ nếu không được mở vào trang facebook. Tần số truy cập trang này quá nhiều dẫn tới không còn thời gian, tâm trí dành cho những công việc khác.

+ Bước 2: Phân tích hiện tượng:

- Thực trạng:

+ facebook là mạng xã hội được sử dụng phổ biến nhất hiện nay, đặc biệt là đối với giới trẻ. năm 2016 có 35 triệu tài khoản fb, trong đó có  $\frac{3}{4}$  người dùng nằm trong độ tuổi 16 - 34 (dẫn chứng)

+ Ý nghĩa tích cực của facebook: một phần giúp con người giải tỏa áp lực, kết nối với nhau, phục vụ cho công việc, cho cuộc sống... (dẫn chứng)

+ Hạn chế của facebook: không kiểm soát được thông tin, thông tin chưa được kiểm chứng nhưng lại được phát tán tràn lan nhanh chóng gây ra nhiều tác hại khó lường.

- Nguyên nhân:

(+) Nguyên nhân khách quan:

. Sự bùng nổ của công nghệ thông tin dẫn tới việc sở hữu một chiếc Smartphone có khả năng truy cập mạng Internet trở nên dễ dàng...

. Sức hấp dẫn của facebook

. Gia đình, nhà trường chưa kiểm soát được truy cập mạng của con em, học sinh của mình

(+) Nguyên nhân chủ quan:

Quá lạm dụng facebook để thỏa trí tò mò, khám phá, tìm kiếm thông tin, kết bạn, giao lưu với mọi miền trên đất nước; thiếu bản lĩnh, nhận thức sai lệch; chưa có lí tưởng sống đúng đắn...

- Hậu quả

. Chi phối làm ảnh hưởng thời gian học tập, sinh hoạt, lao động hàng ngày.

. Chịu ảnh hưởng xấu dẫn tới việc ảnh hưởng đến nhân cách do chìm trong thế giới ảo.

+ Bước 3: Bình luận: Bày tỏ quan điểm cá nhân trước thực trạng trên

+ Bước 4: Đề xuất giải pháp:

. Gia đình kiểm soát chặt chẽ con em, thường xuyên phối hợp với nhà trường để tăng cường tuyên truyền, giáo dục về mặt trái của facebook.

. Bản thân xây dựng thời gian biểu hợp lí giữa việc học tập, vui chơi, biết xác định mục đích, động cơ học tập phù hợp ..

\* **Kết đoạn:** Mở rộng vấn đề, liên hệ bản thân, rút ra bài học hành động:

### **3.3. Viết đoạn văn**

- Trung thành với dàn ý đã xây dựng.

- Vận dụng các kĩ năng diễn đạt, trình bày ý, trình bày văn bản; kĩ năng sử dụng kết hợp các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt để viết được một đoạn văn hoàn chỉnh.

### **3.4. Kiểm tra lại bài viết**

Nếu là bài tập ở nhà thì sau khi làm xong cần đọc lại để có thể sửa chữa, bổ sung, những sai lầm thiếu sót, những lỗi diễn đạt chưa phù hợp để rút kinh nghiệm và viết lại bài có chất

lượng hơn. Việc luyện tập viết bài ở nhà thường xuyên giúp ta hạn chế được những sai lầm trong các bài kiểm tra, bài thi trên lớp. Do vậy việc đọc và kiểm tra lại bài viết ở nhà là cách tự học tốt không nên bỏ qua.

Nếu là bài làm trong các buổi kiểm tra, thi cử tại lớp thì việc đọc và kiểm tra lại bài viết phát hiện ra những lỗi chính tả, những từ dùng thừa, dùng sai, từ thiếu, những dấu câu chưa đúng ...để kịp thời bổ sung, sửa chữa và rút kinh nghiệm cho những bài làm sau. Vì vậy, sau mỗi bài viết cần dành vài phút cho việc kiểm tra lại bài để tránh những sai lầm đáng tiếc.

### **C. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**

*Như đã trình bày ở trên, ở câu nghị luận xã hội trong đề thi hiện hành thì vấn đề xã hội cần nghị luận gắn liền với phần đọc - hiểu thay vì là một vấn đề độc lập như trước đây.. Cho nên phần Bài tập và hướng dẫn giải cũng như phần Bài tập về nhà có thể sẽ đưa ra câu nghị luận xã hội gắn liền với văn bản đọc - hiểu. Học sinh cần chú ý, tại phần này các em chỉ cần tập trung giải quyết câu hỏi nghị luận xã hội mà thôi.*

#### **1. Đề viết đoạn văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí**

##### **Đề số 1 :**

#### **I. PHẦN I : ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

##### **Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :**

*"Trên bao dặm đường dài của cuộc đời, có thể cũng có lúc con chôn chân mỗi gỏi và đón đau. Đó chưa hẳn là bất hạnh đâu con ạ. Đời người, nếu bằng phẳng quá, cũng coi như mình chưa từng nếm đủ các dư vị của cuộc đời. Nhạt nhẽo, không thể là nguyên liệu của hạnh phúc.*

*Mẹ không cầu chúc con may mắn. Mẹ không cầu chúc con sung sướng, hạnh phúc hơn người. Mẹ chỉ mong muốn con của mẹ là một CON NGƯỜI có trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng và với non sông đất nước này"*

(Trích: *Thư mừng sinh nhật con gái 21 tuổi* – nguồn: Giáo dục, Vietnamne)

**Câu 1.** Đoạn văn trên viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

**Câu 2.** Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ liệt kê trong câu: "có thể cũng có lúc con chôn chân mỗi gỏi và đón đau".

**Câu 3.** Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 4.** Anh/ chị hiểu câu: "*Nhạt nhẽo, không thể là nguyên liệu của hạnh phúc*" như thế nào? (Trình bày khoảng 5 – 7 dòng)

#### **II. LÀM VĂN (7 điểm)**

##### **Câu 1 (2 điểm)**

Anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200) chữ nêu suy nghĩ về lời chúc của người mẹ: "*Mẹ chỉ mong muốn con của mẹ là một CON NGƯỜI có trách nhiệm với bản thân, với cộng đồng và với non sông đất nước này*".

#### **Hướng dẫn làm bài**

##### **(Câu 1 - Phần II)**

**a. Mở đoạn:** Giới thiệu và dẫn ra câu nói

**b. Thân đoạn:**

\* Giải thích và phân tích câu nói:

Đây là lời chúc của mẹ mừng sinh nhật con nhưng thực chất là lời răn dạy, giáo dục và bộc lộ niềm mong muốn của mẹ dành cho con. Người mẹ luôn muốn hướng con đến những chuẩn giá trị đạo đức chung để làm một con người thực sự có trách nhiệm với bản thân cộng đồng, đất nước.

\* Bình luận:



- Trong cuộc đời mỗi con người luôn phải đối mặt với khó khăn gian khổ nhưng phải biết chấp nhận thử thách và vượt qua những khó khăn, biết đứng dậy sau mỗi lần vấp ngã và tự tin tiến về phía trước. Có trải qua đắng cay mới thấy được giá trị của hạnh phúc.

- Để trở thành CON NGƯỜI theo đúng nghĩa thì con người trước hết phải có trách nhiệm với chính mình từ suy nghĩ nhận thức đến hành động. Phải không ngừng học tập rèn luyện để trau dồi đạo đức, lối sống. Phấn đấu cho quyền lợi cá nhân nhưng không làm tổn hại đến lợi ích chung của mọi người.

- Sống có trách nhiệm với cộng đồng: mỗi con người là một tế bào trong xã hội vì vậy phải biết quan tâm chia sẻ với những người xung quanh, phải biết cống hiến trí tuệ sức lực của bản thân để làm cho cộng đồng trở nên văn minh, tiến bộ.

- Sống có trách nhiệm với đất nước là biểu hiện cao nhất của lối sống. Mỗi con người được sinh ra đều gắn bó với đất nước vì vậy dù trong hoàn cảnh nào con người cũng phải biết cống hiến trí tuệ sức lực để xây dựng đất nước phồn vinh và sẵn sàng xả thân khi tổ quốc cần để bảo vệ lợi ích chung chính đáng của nhân dân.

**c. Kết đoạn:** Đánh giá về ý nghĩa lời chúc của mẹ và rút ra bài học cho bản thân.

**Đề số 2:**

### **I. PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu :**

*Lòng trắc ẩn có nguồn gốc từ sự thấu cảm. Thấu cảm là khả năng nhìn thế giới bằng con mắt của người khác, đặt mình vào cuộc đời của họ. Giống như cái lạnh thấu tủy hay cái đau thấu xương, thấu cảm là sự hiểu biết thấu đáo, trọn vẹn một ai đó, khiến ta hiểu được những suy nghĩ của họ, cảm được những xúc cảm của họ, và tất cả xảy ra mà không có sự phán xét. Khả năng đọc được tâm trí và tâm hồn của người khác là một khả năng phát triển ở những người mãn cảm. Thấu cảm khiến ta hồi hộp khi quan sát một người đang đi trên dây ở trên cao, làm chúng ta cùng vui buồn với một nhân vật trong truyện.*

*Thấu cảm xảy ra trong từng khoảnh khắc của cuộc sống. Một đứa trẻ ba tuổi chìa con gấu bông của mình cho em bé sơ sinh đang khóc để dỗ nó. Một cô gái nhăn mặt khi dõi theo bạn mình trên giường bệnh chật vật uống một viên thuốc đắng. Mùa Euro 2016 kết thúc với những hình ảnh đẹp: một cậu bé Bồ Đào Nha tiến tới an ủi một fan người Pháp cao to gập rười mình đang ôm mặt khóc vì đội Pháp thua trận chung kết. Anh người Pháp cúi xuống ôm cậu bé mà người vẫn rung lên nức nở. Cậu đợi cho tới khi anh đi khuất hẳn rồi mới tiếp tục phát cờ mừng chiến thắng. (Trích Thiện, Ác và Smartphone - Đặng Hoàng Giang, NXB Hội Nhà văn 2017)*

Câu 1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích

Câu 2. Theo tác giả, *thấu cảm* là gì?

Câu 3. Nhận xét về hành vi của đứa trẻ ba tuổi, cô gái có bạn bị ốm, cậu bé Bồ Đào Nha được nhắc đến trong đoạn trích.

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với ý kiến: *Lòng trắc ẩn có nguồn gốc từ sự thấu cảm?* Vì sao?

*Hướng dẫn làm bài*

#### **(Câu 1 - Phần II)**

Bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

\* Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: Ý nghĩa của sự thấu cảm trong cuộc sống.

\* Triển khai vấn đề nghị luận:

- Giải thích: Thấu cảm

- Bàn luận ý nghĩa của sự thấu cảm:

+ Bồi đắp lòng nhân ái, giúp con người biết sống yêu thương, biết chia sẻ và có trách nhiệm.

+ Sự thấu cảm tạo nên mối quan hệ thân thiện giữa người với người.

+ Phê phán lối sống vô cảm, thờ ơ

\* Liên hệ bản thân rút ra bài học

## 2. Đề viết đoạn văn nghị luận về một hiện tượng đời sống

### Đề số 1:

#### I. PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (3 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

#### CHÂN QUÊ

*Hôm qua em đi tỉnh về  
Đợi em ở mãi con đê đầu làng  
Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng  
Áo cài khuy bấm em làm khổ tôi !  
Nào đâu cái yếm lụa sồi?  
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?  
Nào đâu cái áo tứ thân?  
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?  
Nói ra sợ mất lòng em  
Van em em hãy giữ nguyên quê mùa  
Như hôm em đi lễ chùa  
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.  
Hoa chanh nở giữa vườn chanh  
Thầy u mình với chúng mình chân quê  
Hôm nay em đi tỉnh về  
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

(Nguyễn Bính, **Tâm hồn tôi** - 1940)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 2. Nêu thông điệp tư tưởng tác giả gửi gắm qua đoạn văn.

Câu 3. Tìm biện pháp tu từ và nêu ý nghĩa của nó trong câu thơ: «Hoa chanh nở giữa vườn chanh».

Câu 4. Suy nghĩ của anh/ chị về lời van nài của chàng trai : «Van em em hãy giữ nguyên quê mùa».

#### II. LÀM VĂN (7 điểm)

##### Câu 1 (2 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về hiện tượng một bộ phận trong giới trẻ Việt Nam ngày nay đã làm cho «Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều».

#### Hướng dẫn làm bài

##### (Câu 1 - Phần II)

\* Dẫn dắt giới thiệu vấn đề cần nghị luận: hiện tượng giới trẻ không có ý thức trân trọng và gìn giữ phát huy bản sắc văn hóa dân tộc (Trích dẫn câu thơ)

\* Triển khai vấn đề:

- Giải thích ý nghĩa câu thơ.

- Thực trạng của vấn đề hiện tượng : Một bộ phận giới trẻ Việt Nam bị ảnh hưởng văn hóa phương Tây, không có ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc (dẫn chứng).

- Nguyên nhân: Thế giới phẳng và sự phát triển chóng mặt của khoa học công nghệ; nhận thức non nớt của một bộ phận thanh niên chưa được cha mẹ thầy cô định hướng.

- Hậu quả: Bản thân lạc lõng không hòa hợp được với mọi người; nhận những hậu quả nghiêm trọng trong việc quên quê hương; đánh mất tâm hồn và nhân cách của một bộ phận trí thức trẻ tuổi; ảnh hưởng đến tương lai đất nước.

- Giải pháp: Giữ gìn văn hóa dân tộc từ những việc làm cụ thể: sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách trân trọng, giữ gìn những phong tục truyền thống của dân tộc, hòa nhập nhưng không hòa tan...

\* Liên hệ bản thân, rút ra bài học.

**Đề số 2: Đọc bài thơ sau đây và thực hiện yêu cầu:**

*Con sẽ không đợi một ngày kia  
khi mẹ mất đi mới giật mình khóc lóc  
Những dòng sông trôi đi có trở lại bao giờ?  
Con hốt hoảng trước thời gian khắc nghiệt  
Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua  
mỗi ngày qua con lại thấy bơ vơ  
ai níu nổi thời gian?  
ai níu nổi?  
Con mỗi ngày một lớn lên  
Mẹ mỗi ngày thêm cằn cỗi  
Cuộc hành trình thẳm lặng phía hoàng hôn.  
...ta quên mất thêm xưa dáng mẹ ngồi chờ  
giọt nước mắt già nua không ứa nổi  
ta mê mãi trên bàn chân rong ruổi  
mắt mẹ già thẳm lặng dõi sau lưng  
Khi gai đời đâm ứa máu bàn chân  
mấy kẻ đi qua  
mấy người dừng lại?  
Sao mẹ già ở cách xa đến vậy  
trái tim âu lo đã giục già đi tìm  
ta vẫn vô tình  
ta vẫn thản nhiên? (Mẹ - Đỗ Trung Quân)*

Từ lối sống **vô tình, thản nhiên** của người con với mẹ trong văn bản trên, anh, chị hãy viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ mình về lối sống thờ ơ vô cảm với những người thân xung quanh mình của giới trẻ trong cuộc sống hôm nay.

**Hướng dẫn làm bài**

**(Câu 1 – Phần II)**

**a. Mở đoạn:** Dẫn dắt đưa ra vấn đề cần nghị luận: Từ lối sống vô tình, thản nhiên của người con với mẹ trong văn bản gợi cho ta biết bao suy nghĩ về lối sống thờ ơ vô cảm với những người thân xung quanh mình của giới trẻ trong cuộc sống hôm nay.

**b. Thân đoạn:** Triển khai vấn đề nghị luận thành các ý

- Giải thích và nêu biểu hiện của lối sống thờ ơ, vô cảm của giới trẻ trong cuộc sống hôm nay.

- Trình bày suy nghĩ về tác động ảnh hưởng, nguyên nhân của lối sống này

- Liên hệ bản thân, rút ra bài học

c. Kết đoạn: Khái quát lại vấn đề

## D. BÀI TẬP VỀ NHÀ

### I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3.0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

#### Thương biển lắm cha ơi

*Đứng dậy đi cha!  
Cha ngồi đó đã nhiều ngày.  
Mắt ráo hoảnh nhìn ra phía biển  
Chiếc điếu cày mấy ngày cha không động đến  
Con thấy đau nhói tận tim mình  
Tám lưới trên tay cha đặt xuống, nâng lên  
Con biết cha đứt từng khúc ruột.  
"Biển chết rồi con ơi!"  
Cha khóc.  
Lần đầu tiên nước mắt người đàn ông đi biển như cha  
vỡ ra như tia máu chảy quanh hốc má gầy gò.  
Dân Miền Trung quê tôi  
Mấy tuần nay không còn tiếng reo hò  
Câu chuyện ra khơi không còn trong bữa ăn làng biển  
Mẹ bỏ chợ, thuyền úp mình trên bến  
Người ngư dân rồi sẽ ra sao  
Làng biển quê tôi vốn dĩ đã quá nghèo  
Cuộc sống mưu sinh từ con tôm con cá  
Thuyền lưới ra khơi một đời cha chằm vá  
Nuôi con nuôi cháu trưởng thành.  
Có biển nơi mô như biển quê mình  
Cá dưới lòng sâu cá trên mặt nước  
Bao nhiêu cá chết vì nhiễm độc  
Biển gào lên thủy táng những linh hồn  
Làng biển quê tôi chìm ngập nỗi buồn  
Cá chết hồn oan mắt chưa kịp nhắm.  
Đứng dậy đi cha  
Con thương cha nhiều lắm  
Con biết người thương nhớ biển cha ơi!*

Hoa Trần 26/4/2016

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? (0,5)

Câu 2. Xác định các từ ngữ thể hiện tâm trạng trong bài thơ? (0,5)

Câu 3. Chỉ ra các phương thức biểu đạt chính trong bài thơ? (0,5)

Câu 4. Điều gì trong bài thơ tạo nên sự bất ngờ và gây được ấn tượng mạnh đối với người đọc. Theo anh /chị thái độ của nhân vật trữ tình trong bài thơ được thể hiện như thế nào? (Trình bày trong khoảng 5 dòng). (1,5)

## II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

### Câu 1 (2,0 điểm)

Từ một số ý thơ ở trên, em hãy viết một đoạn văn nói về hiện tượng cá chết hàng loạt ở vùng biển miền Trung trong thời gian qua. Trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề ô nhiễm môi trường biển hiện nay.

### Đề số 2:

## I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm):

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ Câu 1 đến Câu 4:**

*Rất nhiều người đều đã từng xem múa rối. Mỗi con rối đóng một vai trò khác nhau, gương mặt biểu cảm, cử chỉ sống động như thật. Nếu nhìn kỹ sẽ thấy những con rối bị những sợi dây mảnh điều khiển. Mỗi biểu cảm, mỗi động tác của nó đều bị đôi tay mà chúng ta không nhìn thấy khống chế. Trên sân khấu cuộc đời, chẳng phải rất nhiều người cũng giống chúng sao? Chúng ta không biết mình đang làm những gì, không biết vì sao làm như vậy, nhưng không dừng lại được, giống như để mặc cho đôi bàn tay vô hình sắp đặt. Tôi nghĩ trong lòng mỗi người đều có bóng dáng lí tưởng của mình, nhưng vì sao chúng ta cứ làm những chuyện không thể khiến bản thân vui vẻ, bản thân không muốn làm nhưng lại không thể không làm? Bạn biết vì sao không? Bạn đã từng hỏi vì sao mình lại làm như vậy không*

*(...) Trong cuộc đời, chúng ta luôn chạy về hướng đám đông chứ không phải là hướng của mình. Chúng ta cứ đi theo bước chân của người khác như thế, chạy ngược chạy xuôi về phía đám đông. Cuối cùng, tiền không kiếm được mà việc mình muốn làm cũng không làm được. Nếu chúng ta có thể chú tâm vào việc mình muốn làm, cộng với tinh thần và sức lực chúng ta dùng để chạy theo người khác thì chúng ta cũng có thể có được thành công.*

*Liệu chúng ta đã từng nghĩ vì sao mình lại bị nhấn chìm trong đám đông không thể thoát ra được chưa? Lẽ nào chúng ta thật sự không biết mình muốn gì, muốn làm cái gì sao? Tôi nghĩ mỗi chúng ta đều có thứ mình muốn và việc mình thích*

(Trích *Tìm lại cái tôi đã mất cứu vãn cuộc đời không vui vẻ* - Trình Chí Lương)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Dựa vào văn bản trên, anh/chị hãy nêu những đặc điểm của con rối trong bộ môn nghệ thuật múa rối. Vì sao tác giả cho rằng: Trên sân khấu cuộc đời, có rất nhiều người cũng giống những con rối? (0,5 điểm)

Câu 3. Gọi tên và nêu tác dụng của những kiểu câu phân loại theo mục đích nói mà tác giả sử dụng trong văn bản. (1,0 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy đánh giá thái độ, quan điểm của tác giả trước hiện tượng được đề cập trong văn bản. (1,0 điểm)

## II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

### Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề được đặt ra trong văn bản: *Hiệu ứng đám đông*.

### Đề số 3:

#### I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm) :

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

(1) Một khi đã phân biệt chuyện nào đúng, chuyện nào sai, người nào đúng, người nào sai, khi đó bạn đã tự mặc định việc lựa chọn phe cho mình. Khi phân định rạch ròi đúng - sai, chúng ta có xu hướng tôn công thuyết phục những người xung quanh để họ có cùng niềm tin như mình, thậm chí còn ghét bỏ, không thể đứng cùng một chỗ với người có tư tưởng đối lập. Bạn đã bao giờ tự hỏi, điều gì khiến bạn cảm thấy khó chịu, ghét bỏ đối phương vào lúc đó chưa? Vì họ có quan điểm trái ngược? Hay vì họ không chịu lắng nghe bạn, không tin bạn, không tuân theo bạn, không thừa nhận rằng bạn đúng? (...)

(2) Chúng ta có nhất thiết cần phải chiến đấu đến cùng với người khác để giành được phần thắng, để được thừa nhận? Đến cuối cùng, chiến thắng đó liệu sẽ đem lại cho bạn điều gì? Bạn có thực sự chiến thắng không hay đó đơn thuần là chiến thắng của “cái Tôi” bên trong bạn?

(3) Một “cái Tôi” luôn kêu gào muốn người khác phải nghe mình, phải tôn trọng mình, phải để mình làm chỉ huy. Một “cái Tôi” khắc khoải mong được thừa nhận. Một “cái Tôi” thích chiến đấu hơn là nhún nhường. Một “cái Tôi” nói lý lẽ rất giỏi, nhưng lại chỉ thích bịt tai, vì không chịu lắng nghe nên chưa thể hiểu, chưa thể thương một người có lựa chọn khác biệt. Một “cái Tôi” vẫn còn cảm tù mình trong những vai trò, ranh giới, ẩn giấu bên trong là những lo toan, sợ hãi nên khi đứng trước sự đối lập, mới vội vàng nóng giận, vội vàng tức tối, cảm thấy bị đe dọa và lo lắng về tương lai. Khi “cái Tôi” tù túng thì sẽ rất khó để nó thực sự tôn trọng sự tự do của kẻ khác. (Trích *Chúng ta đâu chỉ sống cho riêng mình* - Dương Thùy)

Câu 1. Xác định những phép liên kết được sử dụng trong đoạn (1) và (3) của văn bản. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, một “cái Tôi” tù túng thường có những biểu hiện như thế nào? (0,5 điểm)

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn (3) của văn bản. (1,0 điểm)

Câu 4. Theo anh/chị, việc đề cao “cái Tôi” cá nhân sẽ tác động như thế nào đến lối sống của thế hệ trẻ hiện nay? (1,0 điểm)

#### II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)

##### Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu hỏi được đặt ra trong văn bản ở phần Đọc hiểu: *Chúng ta có nhất thiết cần phải chiến đấu đến cùng với người khác để giành được phần thắng, để được thừa nhận?*

### Đề số 4:

#### I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm) :

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

*Những dấu chân lùi lại phía sau*

*Dấu chân in trên đời chúng tôi những tháng năm trẻ nhất*

*Mười tám hai mươi sắc như cỏ*

*Dày như cỏ  
Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ  
Con gió lạ một chiều không rõ rệt  
Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất  
Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên  
Hơn một điều bất chợt  
Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình  
(Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc)  
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?*  
(Trích: **Trường ca Những người đi tới biển** - Thanh Thảo)

**Câu 1.** Tuổi trẻ Việt Nam trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ được tác giả miêu tả qua những từ ngữ, hình ảnh nào? (0,5 điểm)

**Câu 2.** Nêu tác dụng của biện pháp so sánh được sử dụng trong các câu thơ “Mười tám hai mươi sắc như cỏ/Dày như cỏ/Yếu mềm và mãnh liệt như cỏ”. (0,75 điểm)

**Câu 3.** Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ: “Hoa chuẩn bị âm thầm trong đất/Nơi đó nhất định mùa xuân sẽ bùng lên”? (0,75 điểm)

**Câu 4.** Điều anh/chị tâm đắc nhất trong đoạn trích trên là gì? (1,0 điểm)

## **II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

### **Câu 1 (2,0 điểm)**

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu thơ được nêu trong đoạn trích:

*“Những tuổi hai mươi làm sao không tiếc  
Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi Tổ quốc?”*

### **Đề số 5:**

#### **I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*... Những người hí hửng hôi của bên chiếc xe cháy trụi, chỉ vài chai dầu ăn, sữa tắm. Gương mặt bất lực ứa nước mắt của một người đàn ông phong trần. Và gương mặt bẽn lẽn khi xóm làng vận động người hôi của trả lại cho người lái xe số vật phẩm trên.*

*Những tàn ác, tham lam, ti tiện... cũng giống như rêu rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào. Nhìn ngang, nó dày đặc lắm, tưởng chừng hung hãn lấp kín cả mặt sông. Nhưng nhìn sâu, dưới bề mặt đó là một khối nước khổng lồ gập bội. Khối nước đó trong veo, cuộn cuộn và miệt mài lao đi, tưới đẫm và cho vấy vùng.*

*Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa. Khối nước kia mới thực là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người. (Trích **Chuyện anh phụ xe bất khoc vì bị hôi của: Nó rất ám ảnh, nhưng cuộc đời này không phải toàn là thứ xấu xa...** Hoàng Xuân, Tri thức trẻ, 05/11/2016).*

Câu 1: Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “*Những tàn ác, tham lam, tì tiện... cũng giống như rêu rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào*”. (1,0 điểm)

Câu 3: Hình ảnh “*khói nước*” trong đoạn trích tượng trưng cho điều gì? (0,5 điểm)

Câu 4: Anh/Chị hiểu như thế nào về câu nói: “*Khói nước kia mới thực là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người.*” (1,0 điểm)

## II. PHẦN LÀM VĂN (7 điểm)

### Câu 1 (2 điểm):

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc - hiểu: “*Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa.*”



## CHƯƠNG III: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

### PHẦN I. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1945 ĐẾN 1975

#### A. CÁC CHUYÊN ĐỀ NÂNG CAO

#### CHUYÊN ĐỀ 1: KHUYNH HƯỚNG SỬ THI VÀ CẢM HỨNG LÃNG MẠN TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM 1945 - 1975.

##### A. MỞ ĐẦU

Ra đời và phát triển trong một giai đoạn lịch sử khác biệt: 30 năm chiến tranh, văn học Việt Nam 1945 - 1975 là nền văn học của những vận hội lớn, thách thức lớn. Lịch sử đã giao phó cho giai đoạn văn học này một sứ mệnh thiêng liêng: phản ánh, phục vụ những nhiệm vụ chính trị lớn của đất nước.

Chiến đấu chống ngoại xâm và xây dựng, kiến thiết đất nước là những sự kiện trọng đại đối với một quốc gia. Phản ánh những sự kiện lớn lao ấy, văn học 1945-1975 là nền văn học “chủ yếu được sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn”(Nguyễn Đăng Mạnh).

Để giúp học sinh có được cái nhìn toàn diện về giai đoạn văn học, có được sự lí giải sâu sắc đối với những tác phẩm cụ thể, đồng thời giúp các em nhận ra được vẻ đẹp riêng, sự khác biệt của giai đoạn văn học này so với những giai đoạn trước. Trong khuôn khổ của một chuyên đề nghiên cứu văn học sử, bài viết này xin được làm sáng tỏ thêm một đặc điểm của văn học Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975: Khuynh hướng sử thi - cảm hứng lãng mạn.

##### B. NỘI DUNG

##### I. Khuynh hướng sử thi

**1. Khái niệm:** Sử thi là một thể loại văn học đã vĩnh viễn thuộc về quá khứ. Khái niệm sử thi ở đây không dùng với ý nghĩa chỉ một thể loại văn học, nó chỉ là một đặc điểm, tính chất của văn học 1945 - 1975. Khuynh hướng sử thi là sự vận động của văn học trong một thời kì lịch sử theo hướng loại trừ cái cá nhân, riêng tư để vươn tới cái chung, cái cộng đồng.

**1.1. Về nội dung:** Giai đoạn văn học này tập trung phản ánh cuộc chiến đấu chống ngoại xâm của dân tộc, đặt xung đột dân tộc và kẻ thù xâm lược lên thành xung đột hàng đầu, cảm hứng bao trùm các sáng tác thời kỳ này là cảm hứng ngợi ca: ngợi ca chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng của con người Việt Nam.

##### 1.2. Về hình thức:

Thể loại và quy mô tác phẩm không phải là tiêu chí để phân biệt, nhận diện. Tính sử thi có thể có ở những tác phẩm có quy mô lớn (Ví dụ: *Cửa biển* của Nguyên Hồng), cũng có thể được thể hiện ở những tác phẩm có quy mô vừa và nhỏ (trong một truyện ngắn như *Rừng xà nu*; thậm chí trong một bài thơ tứ tuyệt như *Đặng sơn* của Hồ Chí Minh). Tính sử thi của tác phẩm chủ yếu được xác định bởi cách xây dựng nhân vật (giải quyết đúng đắn mối quan hệ riêng - chung; nhân vật kết tinh); sự hiện diện của cái tôi trữ tình (đại diện cho cái chung), nhân vật trữ tình (mang phẩm chất của thời đại)

##### 2. Sự thể hiện trong văn học:

**2.1. Trong thơ:** Biểu hiện rõ nhất của khuynh hướng sử thi là sự ra đời của khuynh hướng thơ trữ tình - chính trị, mà đại diện tiêu biểu nhất cho khuynh hướng này là nhà thơ cộng sản Tố Hữu.

##### 2.1.1. Chất trữ tình - chính trị có thể được xem xét ở một số khía cạnh sau:

\* Hiện thực khơi gợi cảm xúc (phương diện khách quan): không phải là những vấn đề cá nhân, chỉ liên quan đến cá nhân mà là hiện thực lớn, sự kiện lớn, đó là những vấn đề: Tổ quốc; nhân dân; dân tộc; lịch sử...

*Hỡi Sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm  
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?*

(Chế Lan Viên)

*Việt Nam, Người là ta mà ta chưa bao giờ hiểu hết  
Người là ai mà sức mạnh diệu kỳ  
Giữa cái chết không phút nào chịu chết  
Lửa quanh mình một tác cũng không đi...*

(Tố Hữu)

\* Cái tôi trữ tình trong thơ (phương diện chủ quan): không phải là cái tôi riêng tư (như trong thơ lãng mạn trước cách mạng). Cái tôi ở đây đã trở thành cái ta chung. Tiếng nói trữ tình, tư thế phát ngôn của chủ thể trữ tình trong thơ không còn là của một cá nhân mà đại diện cho nhân dân, dân tộc, thời đại.

Ví dụ :

*Ta đi tới trên đường ta bước tiếp (cái ta đại diện cho dân tộc)  
Mình về mình có nhớ ta (Mình ta - nhân dân Việt Bắc và cán bộ kháng chiến).  
Em ơi em  
Đất Nước là máu xương của mình*

*Phải biết gắn bó và san sẻ... (Cái tôi trữ tình đại diện cho cả một thế hệ - thế hệ thanh niên trí thức miền Nam ý thức được sứ mệnh của mình, đứng dậy, xuống đường, hòa vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc.*

\* Nhân vật trữ tình trong thơ (đối tượng phản ánh): Không phải con người của cuộc sống riêng tư, mà là con người của giai cấp, dân tộc, thời đại, kết tinh vẻ đẹp của dân tộc và thời đại. (Ví dụ: Chị Trần Thị Lý là “Người con gái Việt Nam”, Anh Nguyễn Văn Trỗi trở thành con người “như chân lý sinh ra”, Anh Núp của Nguyễn Ngọc; Chị Út Tịch của Nguyễn Thi; Bà mẹ đào hầm của Dương Hương Ly, ông Tám Xèo Đước...đâu phải chỉ là những cá nhân, đó là Đất nước đứng lên; Người mẹ cầm súng; Sự vùng dậy của Đất... Hình tượng người chiến sỹ giải phóng quân hi sinh trên đường băng Tân Sơn Nhất đã thành “Dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ”).

### **2.1.2. Vận dụng vào những tác phẩm cụ thể trong chương trình**

#### **Bài 1: Bên kia sông Đuống (Hoàng Cầm)**

\* Hiện thực khơi gợi cảm xúc, cú hích nghệ thuật dẫn đến sự ra đời của bài thơ là cái tin quê hương bị giặc chiếm. “Đêm về tôi không ngủ được, biết bao cảm xúc cứ trào lên: nhớ thương, uất hận, tiếc nuối...” (Lời tác giả); chính tin dữ ấy đã khơi gợi trong nhà thơ biết bao hồi ức, liên tưởng, tưởng tượng... về quê hương :

*Sông Đuống trôi đi  
Một dòng lấp lánh  
Nằm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kỳ  
Xanh xanh bãi mía bờ dâu*

*Ngô khoai xanh biếc  
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc  
Sao xót xa như rụng bàn tay...*

Như vậy, hiện thực đã khơi gợi cảm xúc ở đây không phải là những vấn đề riêng tư, cá nhân, mà là vấn đề liên quan đến vận mệnh của đất nước, dân tộc, đó là hiện thực lớn. Cảm hứng về quê hương đất nước là nguồn cảm hứng lớn, cái trữ tình ở đây là trữ tình - chính trị, nó khác với những bài thơ quê hương thuần túy, chẳng hạn :

*Làng tôi ở làm nghề chài lưới  
Nước bao vây cách biển nửa ngày sông  
Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng  
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá ...  
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt Trường Giang...*

(**Quê hương** - Tế Hanh)

Hay:

*Quê hương là con diều biếc  
Tuổi thơ con thả trên đồng  
Quê hương là con đò nhỏ  
Êm đềm khua nước ven sông*

(**Đỗ Trung Quân**)

Cũng là viết về quê hương, vẫn là cảm hứng viết về quê hương, một đằng là trữ tình, một đằng là trữ tình - chính trị. Những bài thơ như thế không chỉ là sự bày tỏ cảm xúc, suy ngẫm mà còn là sự trăn trở về số phận của quê hương. Quê hương sẽ ra sao - còn hay mất? Cái nhìn đối với quê hương không bó hẹp trong một phạm vi, một giới hạn mà là cái nhìn xuyên suốt, từ quá khứ, thực tại đến tương lai.

\*Cái tôi trữ tình:

Cái tôi trữ tình là sự hiện diện của chủ thể cảm xúc, của người mang và bộc lộ cảm xúc. Ở bài thơ này, cái tôi ấy khi thì xưng “Anh”:

*Em ơi buồn làm chi  
Anh đưa em về sông Đuống  
Ngày xưa cát trắng phẳng lì...  
Bao giờ về bên kia sông Đuống  
Anh lại tìm em...*

Có khi lại xưng “Ta”:

*Bên kia sông Đuống  
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng...  
Bên kia sông Đuống  
Ta có đàn con thơ...*

Nhưng, dù xưng hô như thế nào thì cái tôi vẫn hiện diện trên tư cách một đứa con bày tỏ những cảm xúc của mình về quê hương.

Nỗi đau, nỗi xót thương, sự uất ức, căm giận vì quê hương bị tàn phá:

*“Quê hương ta từ ngày khủng khiếp  
Giặc kéo lên ngùn ngụt lửa hung tàn  
Ruộng ta khô  
Nhà ta cháy  
Chó ngộ một đàn  
Lưỡi dài lê sắc máu  
Kiệt cùng ngô thẳm bờ hoang...”*

Niềm tự hào về quê hương tươi đẹp, giàu truyền thống văn hóa

*Bên kia sông Đuống  
Quê hương ta lúa nếp thơm nồng  
Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong  
Màu dân tộc sáng bừng trên giấy điệp*

*Ai về bên kia sông Đuống  
Cho ta gọi tám the đen  
Mấy trăm năm tháp thoáng mộng bình yên  
Những năm hội hè đình đám  
Trên núi Thiên Thai  
Trong chùa Bút Tháp  
Giữa huyện Lang Tài...*

Niềm tin quê hương được giải phóng:

*Bao giờ về bên kia sông Đuống  
Anh lại tìm em  
Em mặc yếm thắm  
Em thắt lụa hồng  
Em đi trải hội non sông  
Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân xanh!*

Với những cung bậc cảm xúc như thế, cái tôi trong thơ trữ tình chính trị cũng là cái ta, trở thành cái ta, người đại diện cho quê hương, nói lên tiếng nói của mình. Cảm xúc trong thơ là cảm xúc mang tính khái quát, phổ quát “không chỉ nói lên tình cảm riêng của nhà thơ” mà thông qua tình cảm ấy “nói lên niềm hy vọng của cả một dân tộc, những mơ ước của nhân dân, vẽ lên nhịp đập của trái tim quần chúng và xu thế chung của lịch sử loài người” (Sóng Hồng)

### Bài 2: *Viết Bắc* (Tố Hữu)

Đây là bài thơ rất tiêu biểu, có thể lấy làm một mẫu mực của thơ trữ tình - chính trị, là bằng chứng giàu sức thuyết phục nhất của khả năng “*đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đổi trữ tình*” (Xuân Diệu) của Tố Hữu.

Đi tìm những biểu hiện của tính trữ tình - chính trị (tính sử thi) của bài thơ, ta vẫn có thể tiến hành xem xét bài thơ trên hai phương diện: khách quan (hiện thực được phản ánh) và chủ quan (cái tôi trữ tình) như bài thơ “*Bên kia sông Đuống*”

\* Hiện thực khơi gợi cảm xúc:

- Cú hích nghệ thuật, động lực khơi gợi cảm xúc: cuộc chia ly lịch sử giữa những người cán bộ kháng chiến và chiến khu Việt Bắc.

- Hiện thực được phản ánh là “15 năm ấy”, tính từ “khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh” cho đến ngày chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi:

*“Tin vui chiến thắng trăm miền  
Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về  
Vui từ Đồng Tháp, An Khê  
Vui lên Việt Bắc, Đèo De, núi Hồng...”*

Tuy nhiên chủ yếu là hiện thực về cuộc kháng chiến chống Pháp: gian khổ hào hùng mà lãng mạn...

*Ta đi ta nhớ những ngày  
Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi  
Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng...*

*Những đường Việt Bắc của ta  
Đêm đêm rầm rập như là đất rung  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan...*

\* Cái tôi trữ tình: Đây là một phương diện rất thú vị của bài thơ. Bài thơ được kết cấu theo lối đối đáp giao duyên giữa “mình” với “ta”. Cặp đại từ nhân xưng này luôn chuyển hóa cho nhau:

- Có khi người cán bộ kháng chiến được gọi là “mình”, Việt Bắc là “ta”:

*“Mình về mình có nhớ ta  
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”*

- Có khi ngược lại, người xưng “ta” là cán bộ kháng chiến, “mình” lại là Việt Bắc:

*“Ta với mình, mình với ta  
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh”*

- Có khi cả Việt Bắc, cả người cán bộ kháng chiến được ôm trọn trong một chữ “mình” đầy hàm ý:

*Mình đi mình có nhớ mình...*

*Mình đi mình lại nhớ mình...*

Dưới hình thức của một câu chuyện rất riêng tư (lời ly biệt của lứa đôi), Tố Hữu đã thể hiện những tình cảm lớn của con người Việt Nam lúc bấy giờ:

- Tình cảm với nhân dân, cách mạng, kháng chiến
- Tình cảm với Đảng, Bác
- Tình cảm giữa miền ngược với miền xuôi...

Những tình cảm ấy đâu phải chỉ của một cái tôi trữ tình Tố Hữu, đó là tình cảm chung mà Tố Hữu là người đại diện. Cái tôi trữ tình ở đây đã đứng lên trên tư cách cái ta mà nói lên tình cảm, cảm xúc của mình. Khác với các nhà thơ cùng thời có khi chỉ có một đôi lần, Tố Hữu luôn

nhất quán theo định hướng “nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn” (Nguyễn Đăng Mạnh)

(Ghi chú: những bài thơ còn lại của thơ ca kháng chiến chống Pháp như: *Tây Tiến* - Quang Dũng; *Đất nước* - Nguyễn Đình Thi; của thơ ca chống Mỹ: *Đất nước* - Nguyễn Khoa Điềm... cũng đều có thể làm theo cách trên để chỉ ra tính sử thi, chất trữ tình chính trị của nó).

## 2.2. Trong văn xuôi:

Có thể tìm những biểu hiện của tính sử thi ở những khía cạnh tương đồng với thơ:

- Nếu ở thơ là hiện thực khơi gợi cảm hứng thì ở văn xuôi là đề tài.
- Nếu ở thơ là cảm hứng thì ở văn xuôi là chủ đề tư tưởng.
- Nếu ở thơ là cái tôi trữ tình thì ở văn xuôi là hình tượng nhân vật.

\* Đề tài: những tác phẩm mang tính sử thi của văn học 1945 - 1975 thường khai thác đề tài ở hiện thực lớn của dân tộc: cuộc kháng chiến chống xâm lăng. “*Nơi nào cuộc chiến đấu mãnh liệt và giàu chất anh hùng ca thì càng dễ tạo nên cảm hứng sử thi qua trang viết*”(SGK Văn 12 - tập I)

\* Chủ đề tư tưởng: thường nổi lên ở một số khía cạnh:

- Ca ngợi cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.
- Biểu dương chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng của nhân dân.
- Khẳng định sức sống bất diệt của dân tộc.

\* Cách xây dựng hình tượng: xây dựng hình tượng nhân vật theo lối lý tưởng hóa, nhân vật kết tinh: đó là những con người đại diện cho nhân dân, dân tộc, thời đại, giải quyết đúng đắn mối quan hệ riêng - chung.

### Vận dụng vào tác phẩm cụ thể:

#### Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành)

\* Đề tài: Hiện thực về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam.

Căn cứ và những tình tiết của truyện: Thiên nhiên bị tàn phá “*cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương*”; con người bị tàn sát hủy diệt ( Anh Xút bị treo cổ, bà Nhan bị chặt đầu bêu đầu sừng; Mẹ con Mai bị đánh đến chết; Tnú bị đốt hai bàn tay...) có thể phỏng đoán: hiện thực mà Nguyễn Trung Thành nói đến trong tác phẩm chính là thời kỳ đen tối nhất của miền Nam. Thời kỳ chính quyền Mỹ - Diệm thi hành luật 10/59 lê máy chém khắp nơi, thực hiện phương châm: thà giết nhầm còn hơn bỏ sót... và chính sự tàn sát man rợ của giặc đã châm ngòi cho phong trào đồng khởi của nhân dân miền Nam.

\* Chủ đề tư tưởng: thông qua cuộc nổi dậy của nhân dân làng XôMan; qua câu truyện bi tráng về cuộc đời số phận của người anh hùng Tnú, tác phẩm muốn khẳng định tính đúng đắn của chân lí cách mạng: Muốn lật đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm, nhân dân miền Nam, dân tộc Việt Nam không còn con đường nào khác ngoài con đường cầm vũ khí vùng lên tiêu diệt kẻ thù, đúng như lời của nhân vật cụ Mết trong đêm nổi dậy của làng Xô Man: “*Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo*”.

\* Cách xây dựng hình tượng nhân vật:

Truyện có nhiều nhân vật (cụ Mết, Tnú, Mai, Dít, Heng...), tuy nhiên có một điểm nổi bật là hầu hết các nhân vật đều được xây dựng theo lối sử thi; đó là những con người giàu lòng yêu nước căm thù giặc, sẵn sàng hi sinh đẹp bỏ những cái riêng tư vì lợi ích chung của cộng đồng...

Trong thế giới nhân vật “muôn người như một” đó, nổi bật là hình tượng người anh hùng Tnú - người con của núi rừng Tây Nguyên, của làng Xô Man kiên cường, bất khuất trước mọi thử thách của kẻ thù... Hình ảnh Tnú với hai bàn tay mỗi ngón cụt một đốt vẫn cầm được súng, vẫn đi chiến đấu, thậm chí không cần gươm, súng, dao găm, chỉ cần hai bàn tay cụt vẫn bóp chết được “thằng Dục”... là chứng minh hùng hồn về sức sống tiềm tàng mãnh liệt của đất nước và con người Tây Nguyên!

- Hình tượng cây Xà nu vượt lên ý nghĩa thực về một loài cây đã trở thành một ẩn dụ, một biểu tượng về con người Tây Nguyên bất khuất, kiên cường, giàu sức sống ... cũng góp phần tô đậm tính sử thi cho tác phẩm.

Ngoài ra tính sử thi của truyện còn được thể hiện ở việc chọn điểm nhìn trần thuật (Chuyện về Tnú được kể qua lời của một già làng Tây Nguyên trong một bối cảnh rất gợi không khí...), ở ngôn ngữ trang trọng, giàu hình ảnh, mang cảm hứng ngợi ca ...

## **II. Cảm hứng lãng mạn**

### **1. Khái niệm cảm hứng lãng mạn**

- Cảm hứng là một trạng thái tình cảm của con người - ở đây là của người sáng tác. Cảm hứng lãng mạn là trạng thái tình cảm bay bổng, vượt lên thực tại để hướng tới cái cao cả, cái lý tưởng của cuộc sống...

- Trước cách mạng, thuật ngữ lãng mạn được nói tới với tư cách một trào lưu sáng tác, một khuynh hướng văn học được nảy sinh do sự trỗi dậy của ý thức về cái tôi cá nhân (đòi quyền hưởng thụ cuộc sống, đòi tự do sáng tác, đòi khẳng định cá tính sáng tạo).

- Ở đây, lãng mạn được nói tới như một yếu tố cảm xúc - một yếu tố cảm xúc phổ biến trong hầu hết các sáng tác từ thơ cho đến văn xuôi: từ đề tài chiến đấu đến đề tài xây dựng. Lãng mạn ở đây là lãng mạn cách mạng, không phải là cái lãng mạn của thái độ bất hòa mà bất lực phải tìm đến sự thoát ly thực tại. Lãng mạn ở đây được xây dựng trên cơ sở niềm tin chắc chắn vào tương lai, đó là thứ lãng mạn thấm nhuần tinh thần chiến thắng và chủ nghĩa anh hùng.

### **2. Sự thể hiện trong văn học.**

**2.1. Trong thơ:** Cảm hứng lãng mạn được thể hiện rõ nhất ở những khía cạnh:

- Vui trước thực tại (dù còn nhiều gian khổ)

- Tin vào tương lai (hay nói tới ngày mai)

\* Mảng thơ kháng chiến:

Bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng:

*Tây Tiến*” không nói đến tương lai (vì cảm xúc bao trùm của bài thơ là nỗi nhớ, là sự hoài niệm về cái đã qua). Mặc dù vậy, bài thơ vẫn tràn đầy cảm hứng lãng mạn ở những thái độ:

- Coi thường gian khổ:

*Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm*

*Heo hút cồn mây, súng ngửi trời*

*Chiều oai linh thác gầm thét*

*Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người.*

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm...*

- Coi thường hi sinh:

*Anh bạn dãi dàu không bước nữa  
Gục lên súng mũ bỏ quên đời...  
Rải rác biên cương mồ viễn xứ  
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh...  
Áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

- Lãng mạn nhất là biết bao thiếu thốn, gian khổ, vất vả, bao hi sinh mất mát... tâm hồn người lính Tây Tiến vẫn mộng mơ:

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa...*

*Mắt trông gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*

Đó chính là vẻ hào hoa của người lính Tây Tiến.

Bài thơ **Bên kia sông Đuống** của Hoàng Cầm:

- Chất lãng mạn khác Tây Tiến ở chỗ: đau xót trước thực tại nhưng tin vào tương lai (toàn bộ phần sau của bài thơ được biết bằng cảm hứng lãng mạn, cảm xúc vận động theo hướng đi từ thực tại đến ước mơ...)

Những bài: **Đất nước** của Nguyễn Đình Thi, **Việt Bắc** của Tố Hữu cùng chung một hướng vận động cảm xúc như trên nhưng có thêm niềm tự hào vào sức mạnh quật khởi, sức sống bất diệt của dân tộc.

*Xiềng xích chúng bay không khóa được  
Trời đầy chim và đất đầy hoa  
Súng đạn chúng bay không bắn được  
Lòng dân ta yêu nước thương nhà*

(**Đất nước** - Nguyễn Đình Thi)

*Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan  
Dân công đỏ đuốc từng đoàn  
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay...*

Những bài thơ kháng chiến của Bác (**Cảnh khuya; Rằm tháng giêng; Đi thuyền trên sông Đáy; Báo tiệp...**) tràn trề ánh trăng; hình tượng thơ vận động một cách tự nhiên và nhất quán hướng về ánh sáng và tương lai.

\* Mảng thơ xây dựng chủ nghĩa xã hội:

+ Tràn đầy niềm vui, tin vào cuộc sống mới:

- Huy Cận thì thấy: “Trời mỗi ngày lại sáng”, “Đất nở hoa”, muốn viết “Bài thơ cuộc đời”:

*Các vị La Hán chùa Tây Phương*



*Hôm nay xã hội đã lên đường*

“xã hội lên đường” tức là đã thoát khỏi quá khứ “ giậm chân hoài một chỗ,” bế tắc , đau khổ...

- Chế Lan Viên thì muốn biến tâm hồn của mình thành con tàu để đi đến khắp mọi miền đất nước:

*Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội  
Mất ta thềm mái ngói đỏ trăm ga...*

- Xuân Diệu thì:

*Khắp nơi trên những đường tôi đi  
Tôi đã nghe xao xuyến râm rì:*

*Ngói mới*

*Trên những đường tôi dạo tôi qua  
Tôi đã nghe nhiều những khúc ca:*

*Ngói mới...*

- Trong niềm vui tươi phơi phới ấy, những thành quả bước đầu của công cuộc xây dựng đã được nhân lên gấp nhiều lần:

*Năm năm mới bấy nhiêu ngày  
Mà trông trời đất đổi thay đã nhiều  
Dân có ruộng đập diu hợp tác  
Lúa mượt đồng ấm áp làng quê...*

**(Ba mươi năm đời ta có Đảng - Tố Hữu)**

*Chào 61 đỉnh cao muôn trượng  
Ta đứng đây mắt nhìn bốn hướng  
Trông lại ngày xưa, trông tới mai sau  
Trông Bắc, trông Nam, trông cả địa cầu*

**(Bài ca xuân 61 - Tố Hữu)**

*Những ngày tôi sống đây là những ngày đẹp hơn tất cả*

**(Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chăng - Chế Lan Viên)**

Và tâm vóc của con người lao động cũng được nâng lên, to lớn, kỳ vĩ:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng...*

**(Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận)**

*Yêu biết mấy những con người đi tới*

*Hai cánh tay như hai cánh bay lên*

*Ngực dám đón những phong ba dữ dội*

*Chân đạp bùn không sợ các loài sên. (Mùa thu mới - Tố Hữu)*

\* Thơ chống Mỹ:

- Không khí ra trận phơi phới như trảy hội:

*Những buổi vui sao cả nước lên đường  
Xao xuyến bờ tre từng hồi trống giục  
Xóm dưới làng trên con trai con gái*

*Cơm nắm cơm đùm riu rít theo nhau  
Súng nhỏ súng to chiến trường trập trội  
Tiếng cười hăm hở đầy sông đầy cầu...*

(**Đường ra mặt trận** - Chính Hữu)

*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước  
Mà lòng phơi phới dậy tương lai. (Tố Hữu )  
Đường ra trận mùa này đẹp lắm..(Phạm Tiến Duật)*

Giữa khói lửa chiến trường, con người Việt Nam vẫn yêu và ca hát về tình yêu, hòa tình yêu riêng tư vào tình yêu Tổ Quốc (**Quê hương** - Giang Nam; **Hương thầm** - Phan Thị Thanh Nhân; **Sóng**- Xuân Quỳnh)

## 2.2. Trong văn xuôi:

\* Nhóm truyện: **Vợ chồng A Phủ** - Tô Hoài; **Vợ Nhật** - Kim Lân; **Mùa lạc** - Nguyễn Khải có mô típ: sự vươn mình, đổi đời của người lao động nhờ cách mạng; hiện thực được miêu tả trong sự vận động theo chiều hướng đi lên tốt đẹp.

\* **Người lái đò sông Đà** của Nguyễn Tuân thì tràn đầy cảm hứng lãng mạn ở thái độ:

- Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước
- Ca ngợi người lao động mới.

\* Nhóm truyện chống Mỹ: Thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời, tin vào cuộc sống, và tương lai, tin vào sức sống bất diệt của dân tộc (**Bức thư Cà Mau**, **Mảnh trăng cuối rừng**, **Rừng xà nu**, **Những đứa con trong gia đình**)

## C. KẾT LUẬN

Từ sự khảo sát, phân tích như trên, có thể thấy: Khuynh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn là một đặc điểm, một tính chất nổi bật của văn học Việt Nam 1945 - 1975. Sự nhất quán theo quan điểm chỉ đạo của Đảng: Văn học phục vụ chính trị, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến đặc điểm trên. Ba mươi năm chiến tranh, văn học đã trở thành “thứ khí giới tinh thần thanh cao và đặc lực”, đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh của nó góp phần to lớn vào cuộc chiến đấu chống ngoại xâm và xây dựng đất nước. Nó xứng đáng là nền văn học cách mạng, nền văn học của nhân dân!

## CHUYÊN ĐỀ 2: PHONG CÁCH MỘT SỐ NHÀ THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

### A. Vài nét về phong cách nghệ thuật

Phong cách nghệ thuật là một khái niệm trong phong cách văn học. Vì vậy, để hiểu khái niệm phong cách nghệ thuật của nhà văn, cần phải nắm được khái niệm phong cách văn học.

Theo SGK Ngữ văn 12 Nâng cao: *Phong cách văn học* là một khái niệm được dùng để chỉ tính độc đáo có ý nghĩa thẩm mỹ của một hiện tượng văn học (có thể là nền văn học của một dân tộc, một thời đại, một trào lưu, một trường phái, hay toàn bộ sáng tác của một nhà văn, thậm chí những tác phẩm văn học riêng lẻ...)

*Phong cách nghệ thuật* của nhà văn biểu hiện tài nghệ của người nghệ sỹ ngôn từ trong việc đem đến cho người đọc một cái nhìn mới mẻ chưa từng có về cuộc sống, con người, thông qua những hình tượng nghệ thuật độc đáo và những phương thức, phương tiện thể hiện đặc thù in đậm dấu ấn cá nhân của chủ thể sáng tạo.

Trong khái niệm phong cách nghệ thuật, cần lưu ý những điểm chính sau:

## **I. Cơ sở tư tưởng của phong cách nghệ thuật**

Là tư tưởng nghệ thuật và cảm quan riêng về thế giới của nhà văn.

Tư tưởng nghệ thuật của nhà văn là thứ tư tưởng có tính tổng hợp cao rút ra từ toàn bộ tác phẩm của nhà văn. Đó là một tư tưởng bao trùm cả sự nghiệp sáng tác của nhà văn, chi phối về căn bản toàn bộ thế giới nghệ thuật của nhà văn đó. Nó tạo ra cho sự nghiệp ấy, cho thế giới nghệ thuật ấy tính thống nhất, tính hệ thống, hay nói đúng hơn, tính chỉnh thể.

Tư tưởng nghệ thuật là một hình thái nhận thức đặc thù của người nghệ sĩ: nhận thức bằng “toàn bộ con người tinh thần với tất cả nội dung phong phú và tính tổng thể toàn vẹn của nó”.

Như vậy, tư tưởng nghệ thuật phải là riêng của mỗi nhà văn, là chỗ phân biệt cơ bản giữa nhà văn này và nhà văn khác.

Tư tưởng nghệ thuật kết hợp với cảm quan (cảm nhận, quan sát, thể hiện) riêng về thế giới của nhà văn sẽ tạo ra phong cách nghệ thuật của nhà văn ấy.

## **II. Các tính chất và quy luật của phong cách nghệ thuật.**

Phong cách nghệ thuật là một phạm trù thẩm mỹ: có nghĩa là, nhà văn phải thật sự có tài năng, phải thực sự sáng tạo ra được những tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao mới được xem là nhà văn có phong cách.

Phong cách là một chỉnh thể nghệ thuật: Phong cách bao gồm nhiều thành phần, nhiều yếu tố, nhưng những thành phần, yếu tố ấy đều phải liên kết với nhau theo những nguyên tắc, qui luật thống nhất, tạo nên cho những tác phẩm của nhà văn những quan hệ chặt chẽ với nhau và khiến thế giới nghệ thuật của nhà văn trở thành một chỉnh thể thống nhất.

Phong cách nghệ thuật bao gồm những đặc điểm độc đáo của các tác phẩm của nhà văn từ nội dung đến hình thức. Những đặc điểm ấy phải được thể hiện ra bằng *một diện mạo cụ thể*, tức là nó cụ thể, hữu hình, có thể và phải mô tả được.

Phong cách nghệ thuật luôn vận động, biến chuyển trên một căn bản thống nhất. Viết văn là một hoạt động sáng tạo, sáng tạo lại luôn phải đổi mới, không lặp lại. Nhưng dù đổi mới như thế nào thì phong cách của nhà văn vẫn vận động trên một cơ sở thống nhất, khiến cho các tác phẩm của nhà văn dù có những nét khác nhau, vẫn là tác phẩm của nhà văn ấy chứ không phải của ai khác.

Phong cách khi đã định hình thường có tính bền vững

### **A. Phong cách một số các nhà thơ hiện đại.**

#### **I. Phong cách nghệ thuật của Xuân Diệu.**

##### **1. Những yếu tố hình thành phong cách**

Xuân Diệu sống trong thời đại có nhiều biến cố dữ dội lớn lên đã bắt gặp xã hội thực dân nửa phong kiến không chấp cánh ước mơ cho con người; rồi cách mạng tháng Tám thành công; tiếp đó là hai cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Ông được sinh ra và lớn lên ở vùng biển có nhiều cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, được thừa hưởng và học được đức tính cần cù chịu khó của người cha là ông đồ xứ Nghệ. Song vốn là con vợ lẽ, sớm phải xa mẹ nên luôn khao khát tình thương. Bản thân Xuân Diệu là một trí thức Tây học, chịu ảnh hưởng và hấp thụ nhiều văn hóa Pháp nhưng đồng thời cũng thừa hưởng văn hóa truyền thống từ người cha của mình. Ở Xuân Diệu, ta bắt gặp một con người có tình yêu thiết tha mãnh liệt với cuộc sống và khát khao

được chia sẻ. Tất cả các yếu tố trên góp phần không nhỏ tạo nên phong cách nghệ thuật thơ Xuân Diệu - một Xuân Diệu yêu đời, khát sống, khao khát tình yêu, đắm say với vẻ đẹp thiên nhiên.

## 2. Đặc điểm phong cách thơ Xuân Diệu

### 2.1. Nhà thơ của nhiều khát khao giao cảm mãnh liệt với cuộc đời trần thế.

Xuân Diệu ra đời như một đỉnh cao của phong trào Thơ mới. Mà thơ mới là tiếng nói của văn học của cái tôi cá nhân cá thể. Xuân Diệu hơn bất cứ nhà thơ nào khác, không muốn hòa tan cái tôi của riêng mình vào trong cái biển đời vô danh nhạt nhẽo. Nhưng ý nghĩa nhân bản lớn của Xuân Diệu còn là ở chỗ ông muốn khẳng định cá thể cá nhân ấy trong quan hệ hòa hợp với đời, đó chính là niềm khát khao giao cảm với cuộc đời trần thế của Xuân Diệu.

*Ta muốn ôm*

*Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn.*

Ông muốn ôm lấy tất cả cuộc sống này, riết lấy tất cả trong đôi tay của mình và ông tha thiết mong được mọi người đến với mình “*Đây là quán tha hồ muốn khách đến*” (*Cảm xúc*). Ông mở rộng tâm hồn và chào mời tất cả, ông muốn lòng mình như phần thông tươi bãi biển bay vàng cả trời đất mênh mông. Người ta phát hiện trong lĩnh vực thơ tình ở nước ta, Xuân Diệu là một trong những người đầu tiên đã thực sự hòa nhập linh hồn với xác thịt. Tình yêu với Xuân Diệu phải là tình yêu thực sự của con người trần tục, cái đích mà tình yêu nhắm tới phải là sự hòa hợp cao độ của tâm hồn. Con người ấy sinh ra để mà yêu nên suốt đời khao khát, tình yêu: “*Kẻ uống tình yêu dập cả môi*”. Đây là phút giây giao cảm tuyệt vời của những con người.

Thơ Xuân Diệu nói giao cảm đầy đủ hơn là nói yêu sung sướng hay là luôn được giao cảm với đời. Ta hiểu vì sao ngay trước cách mạng tháng Tám dù có hoang manh bế tắc đến thế nào cũng không chấp nhận trường Thơ Đilen. Ông cần có người giao cảm thật hiểu người nên đã nhất quyết không nói thứ tiếng nào khác thứ tiếng của đồng loại. Ở thời Thơ mới, Xuân Diệu đã không tìm được niềm giao cảm ấy. Đó là lý do ông chào đón cách mạng một cách nhiệt tình hơn ai hết. nhiệt tình và đầy lòng biết ơn. Bây giờ không phải là sự giao cảm của hai mái đầu lẻ loi giữa cuộc đời đạm bạc mà là sự giao cảm của hàng vạn, hàng triệu người. Phải chăng cái vĩ đại nhất của cách mạng là đã tạo ra được sự giao cảm lớn của cả dân tộc trên cơ sở đồng chí, đồng bào? Đối với Xuân Diệu, không có sự giao cảm giữa những con người thì cuộc đời chỉ là sa mạc, chỉ là hư vô.

Tình yêu không có tuổi, thơ tình hay càng không tính tuổi bao giờ. Thơ tình của Xuân Diệu trẻ mãi, kể cả những bài thơ tình ông viết lúc đời đã vào thu. Lý do mà thơ ông sống lâu được như vậy trong lòng độc giả là bởi vì ông có một tình yêu luôn mạnh mẽ, luôn khao khát và nồng cháy với cuộc đời. Xuân Diệu là một nhà thơ tình, tình yêu của những người yêu cái rạo rức, thiết tha, nồng cháy trong thơ, ai mà không qua, không sống qua ít nhất dăm ba lần trong tuổi trẻ của mình. Cái da diết đắm thắm xen lẫn vị đắng cay trong *Gửi hương cho gió* có phải của riêng gì Xuân Diệu.

*Riêng chung* là sự cảm quan đặc biệt sâu sắc, sâu sắc đến đón đầu của tác giả trước những trạng thái tinh vi, những chuyển biến kì diệu của tình yêu trước những đe dọa được mất của tình cảm. Sở dĩ như vậy là vì: Thơ tình Xuân Diệu trước hết là nói về tình, nhưng thông qua

tình yêu nói lên cảm xúc sâu thẳm về cuộc sống, về đời người. Bên cạnh những câu thơ về sự mê say, tha thiết, rạo rức, bản khoả trong tình yêu như:

- *Làm sao sống được mà không yêu*  
*Không nhớ không thương một kẻ nào.*
- *Hãy sát đôi đầu! Hãy kẻ đôi ngực.*  
*Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài.*

Chúng ta vẫn bồi hồi nhớ những câu như:

- *Với bàn tay ấy ở trong tay*  
*Tôi đã nguôi quên hận tháng ngày.*
- *Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật*  
*Không cho dài thời trẻ của nhân gian.*

Có thể nói bất cứ bài thơ tình nào của Xuân Diệu cũng mang theo nó âm hưởng, cộng hưởng của cuộc đời, của đời người, thơ tình Xuân Diệu, suy cho cùng, ngẫm cho kĩ, là bài ca cuộc sống. Thơ tình về sau này của Xuân Diệu có gì khác? Thơ tình của Xuân Diệu về sau này vẫn say, vẫn đắm nhưng cái giọng thơ dường như đắm hơn, lắng hơn, vẫn rạo rức của ngọn lửa, của than hồng có phủ ít gió:

- *Vai anh khi để đầu em tựa*  
*Cần cả buồn vui cả một đời.*
- *Uống xong lại khát là tình.*  
*Gặp rồi lại nhớ là mình của ta.*

Cho đến thiết tha, da diết như biển, vẫn toát lên “*nhịp đời*” hồn hậu:

*Đã hôn rồi hôn lại.*  
*Cho đến mãi muôn đời*  
*Đến tan cả đất trời.*  
*Anh mới thôi dào dạt*

Những người yêu nhau thường đi ra giữa thiên nhiên. Đó là một quy luật vì chỉ có kích thước của vũ trụ họa chằng mới đo được cái không bờ bến của xúc động tình yêu. Thơ tình Xuân Diệu ngày càng hòa hợp với hương sắc của thiên nhiên, với nhịp đi của đất trời.

- *Vũ trụ là chốn anh gặp em*
- *Thời gian là nơi anh với em sinh cùng thời đại.*
- *Một lần đặt bước đôi ta*
- *Gốc cây, đường cái bỗng là thịt xương.*

Từ sự sống trở về sự sống, thơ tình của Xuân Diệu bắt nguồn từ sự sống của con người rất mực say mê, rất mực yêu đời, từ sự sống của những con người đã trở về sự sống của muôn người. Những con người đã gắn bó với cuộc đời, yêu nhau, yêu đời và do phấn đấu làm cho đời đẹp hơn, đẹp thêm mãi mãi.

Vì là nhà thơ của tình yêu nên Xuân Diệu hiểu về nó rất rõ, ông luôn có xu hướng tìm về nguyên bản của tình yêu. Tình yêu của Xuân Diệu biểu hiện mãnh liệt bằng khát khao luyến ái. Thế giới nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu tràn đầy khát khao luyến ái, nguyên bản chất, cốt lõi nhất của tình yêu con người. Chữ luyến ái giữ nguyên vẹn được tính sắc dục và khuynh hướng hưởng thụ ái ân muôn thủa của ái tình. Mọi phương diện tình cảm ở Xuân Diệu đều mang trong

mình tình yêu xen lẫn sắc dục. Tình bằng hữu thì: “ *Những bước song song xéo dẫm trường / Nghe hát ân tình giữa gió sương*” (**Tình trai**). Với cuộc đời thì: “ *Tay ân ái như những làn thân thể / Đã ân đời vào ngực để môn ru*”. Với sự sống thì: “ *Ta muốn ôm / Cả sự sống mới bắt đầu môn môn / Ta muốn riết mây đưa và gió lượn/ Ta muốn say cánh bướm với tình yêu (Vội vàng)*...Đó đâu còn là cách biểu cảm mà ta vẫn thấy ở con người ứng xử với tình bằng hữu, tình đồng bào? Đó là những cuộc tình tự ái ân. Đó là những câu thơ mang khuynh hướng sắc dục cho nên ở Xuân Diệu mới có một niềm khát khao luyến ái dồi dào mãnh liệt khác hẳn người thường.

## 2.2. Cách cảm thụ, cách nhìn thế giới mới mẻ.

Tư tưởng nghệ thuật của Xuân Diệu đã tạo cho thơ cũng như văn xuôi của ông một vũ trụ nghệ thuật riêng, một thế giới hình thể và màu sắc riêng chứa chan tình tứ. Trái tim đa tình của nhà thơ dưới tác động của môi trường vào giữa tuổi xuân phơi phới của nhà thơ đã tạo ra ở Xuân Diệu một thứ nhãn quan riêng về thế giới khiến trời đất, cỏ cây, sông núi qua con mắt ông đã hiện lên với một vẻ đẹp thật là tình tứ và đầy tính sắc dục.

## 2.3. Quan niệm thẩm mỹ mới

Trong cái vũ trụ mà xuân và tình làm chủ ấy, người ta thấy một nguyên tắc mỹ học được xác định: vẻ đẹp của con người là chuẩn mực vẻ đẹp của thế giới, của vũ trụ. Nếu như trong văn chương xưa, người ta thường lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm chuẩn cho vẻ đẹp của con người thì ta thấy Xuân Diệu đã làm một cuộc cách tân táo bạo về thi pháp. Người xưa viết về người đẹp với mặt hoa, tóc mây, mày liễu thì Xuân Diệu giờ đây đã so sánh ngược lại:

... Lá liễu dài như một nét mi  
Trăng vú mộng của muôn đời thi sĩ.  
...Hơi gió thổi như ngực người yêu đến

Quan niệm mỹ học lấy vẻ đẹp xuân tình của con người làm chuẩn mực đã tạo nên trang thơ Xuân Diệu những hình ảnh có một vẻ đẹp riêng khỏe khoắn, đầy sức sống:

... Em đẹp khi em phồng nét ngực  
Hít không gian và gió thổi trời xa.  
- Những lá thu xanh đuôi chút vàng.  
Tóc em ngược nắng tỏa hào quang

Cái mỹ học ấy đã khiến trang thơ Xuân Diệu, cõi âm, cõi ma cũng nồng nàn tình yêu:

... Kẻ đa tình không cần đủ thịt da  
Khi chết rồi thì tôi sẽ yêu ma (**Đa tình**)

Sự cách tân táo bạo ấy khiến Xuân Diệu trở thành một hiện tượng độc đáo trong thơ mới.

## 2.4. Bút pháp tượng trưng kết hợp với cổ điển.

Trước khi trở thành một nhà thơ mới, Xuân Diệu cũng đã sáng tác nhiều ca dao, viết tuồng, hát nói, thơ Đường luật. Có nghĩa là nghệ thuật thơ mới của Xuân Diệu đã bắt rễ rất sâu trong cội nguồn truyền thống. Là thơ mới nhưng thơ Xuân Diệu đã thu hút nhiều tinh túy của thơ ca dân gian, thơ ca cổ điển. Tượng trưng là một thủ pháp mới được nhào nặn từ gốc rễ truyền thống và tư duy mới. Hãy nhìn thử vào đôi câu thơ:

*Mây biếc về đâu bay gấp gấp*

### *Con cò trên ruộng cánh phân vân (Thơ duyên)*

Đôi câu thơ đang diễn tả cặp đôi đang chuyển thành thế giới li cách, chia rời. Hình ảnh con cò là hình ảnh một cá thể bơ vơ trong thế giới cô quạnh của cõi đời sa mạc cô liêu. Xuân Diệu đã huy động thật nhiều nguyên liệu truyền thống rồi tái tạo bằng cách thổi hồn của mình, của thế hệ mình vào đó, đồng thời chế tác bằng một thứ thi pháp mới. Ca dao từng có câu:

“*Trên trời có đám mây xanh/ Ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng*”. Xuân Diệu đã dùng thi pháp gia tăng nghĩa “mây xanh” thành “mây biếc”. “Biếc” không chỉ có màu xanh mà còn có cả ánh rõ ràng, từ ca dao bay vào thơ mới, qua Xuân Diệu áng mây kia đã được điểm tô lại thêm thắm sắc, tươi màu. Thời thơ mới đã biến đổi đám mây, nó trở nên gấp gáp hơn, vội vã hơn, nó mang đậm cái không khí sôi sục của thời đại mới.

Với những tìm tòi khám phá của một thi sĩ tài năng, Xuân Diệu đã đem đến cho thơ ca hiện đại một “*lối nói mới, một cách nhìn mới và bao trùm là một thứ thơ thật sự mới*”, “*nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*” (Hoài Thanh)

## **I. Phong cách thơ nghệ thuật Hồ Chí Minh.**

### **1. Những yếu tố hình thành phong cách.**

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình yêu nước, quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn tỉnh Nghệ An. Thở nhỏ học chữ Hán sau học chữ quốc ngữ và chữ Pháp ở trường Quốc học Huế. Năm 1911, Người xuống tàu ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Trong thời gian ở Pháp, người tích cực viết báo tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân và đoàn kết các dân tộc thuộc địa.

Năm 1930 thành lập Đảng cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng- Trung Quốc. Đầu năm 1941, Người về nước thành lập mặt trận Việt Minh. Người lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ giành độc lập tự do cho dân tộc. Hồ Chí Minh là nhà yêu nước cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Đóng góp của Người lớn nhất với đất nước là sự nghiệp cách mạng. Sinh thời, Hồ Chí Minh không bao giờ nhận mình là nhà văn, nhà thơ mà chỉ là người bạn của văn nghệ. Nhưng rồi do hoàn cảnh thôi thúc, nhiệm vụ cách mạng yêu cầu, môi trường xã hội, thiên nhiên gợi cảm, cộng với tài năng nghệ thuật và tâm hồn nghệ sĩ chân chứa cảm xúc Người đã sáng tác nhiều tác phẩm có giá trị với phong cách nghệ thuật hết sức phong phú đa dạng.

### **2. Đặc điểm phong cách thơ Hồ Chí Minh.**

#### **2.1. Một sự nghiệp văn học phong phú, đa dạng về thể loại và phong cách.**

Phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh phong phú, đa dạng mà thống nhất. Đó là cách ngắn gọn, trong sáng, giản dị, sử dụng linh hoạt các thủ pháp và bút pháp nghệ thuật khác nhau nhằm thể hiện một cách nhuần nhị mà sâu sắc nhất tư tưởng tình cảm của người cầm bút. Thơ của Người có thể chia làm hai loại, mỗi loại có những nét phong cách riêng:

Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền cách mạng thường được viết bằng nhiều hình thức khác nhau: bài ca, bài vè, thơ châm ngôn, thơ chúc Tết, tục ngữ, lời lẽ giản dị mộc mạc, dễ nhớ mang màu sắc dân gian hiện đại.

Những bài thơ nghệ thuật viết theo cảm hứng thắm mĩ hầu hết là thơ tứ tuyệt cổ điển, mang đặc điểm của thơ cổ phương Đông với sự kết hợp hài hòa giữa màu sắc cổ điển và bút pháp hiện đại. Phần lớn được viết bằng chữ Hán vừa hồn nhiên, tự nhiên vừa thâm trầm sâu sắc, vừa trẻ trung hiện đại đậm đà cổ điển, bút pháp kiên cường chan chứa tình cảm nhân đạo, đạt

dào cảm xúc trước thiên nhiên. Điều quan trọng là từ tư tưởng tới hình tượng nghệ thuật đều luôn vận động một cách tự nhiên nhất quán hướng về sự sống, ánh sáng, tương lai.

## 2.2. Phong cách thơ nghệ thuật Hồ Chí Minh.

### a. Trong sáng giản dị, hồn nhiên tự nhiên

Thơ Hồ Chí Minh không cần trang sức mà rạng rỡ ánh sáng tự bên trong, không cần đến những cách gây xúc động sâu xa đến lòng người. Nó giản dị và sáng tỏ như chân lí, gần gũi như cuộc đời, không cần đến sự làm duyên và tô điểm nghệ thuật, vì đó là cuộc đời trong cội nguồn và trong sự chọn lọc tinh chất, đó là cái gốc nghệ thuật. Người đến với thơ ca với tiếng nói hồn nhiên nhất của tâm hồn cao đẹp và tình cảm giàu có:

*“Tiếng suối trong như tiếng hát xa  
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa  
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ.  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà” (Cảnh khuya).*

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa” câu thơ đẹp và trong trẻo, một liên tưởng so sánh nên thơ. Cảnh rừng Việt Bắc trong đêm khuya không gian như mở rộng, trải ra mênh mông trong không khí tĩnh mịch yên ắng. Tiếng hát từ xa vọng lại hay tiếng hát từ lòng người ngắm cảnh đang bay xa. Liên tưởng đẹp ấy đến từ hai phía của cuộc đời và tìm gặp trong một câu thơ với ngôn ngữ giản dị, thanh điệu gợi cảm, nhẹ nhàng như có cánh bay. Từ xa đến gần, từ âm thanh như họa đàn đến cảnh vật như họa sắc bức tranh dần hiện ra gần gũi và lộng lẫy:

*“Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”*

Ánh trăng được dát từ bầu trời cao rộng xuống cây rừng, và bóng trăng bóng cây lồng vào tô điểm cho vẻ đẹp của hoa lá. câu thơ giản dị như một nét vẽ đơn sơ mà lộng lẫy. Ngôn ngữ không tô điểm, trở đi trở lại câu kì mà gần với lời nói với mạch tư duy hồn nhiên. Ngôn ngữ trong thơ Hồ Chí Minh đẹp nhưng không hoa mỹ. Người ưa sự chân thực giản dị muốn nói cho đúng sự thực tâm hồn.

*“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ.  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”*

Cái đẹp của cuộc sống khách quan, mà cụ thể là vẻ đẹp của giang sơn Tổ quốc càng làm cho lòng Người thêm nặng ưu tư về trách nhiệm với dân tộc nhất là trong hoàn cảnh cuộc chiến tranh ái quốc đang vào những năm tháng khó khăn nhất. Mạch thơ từ bên ngoài chuyển vào tâm trạng với những xúc động của lòng mình.

### b. Cổ điển mà hiện đại

Mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại là một đặc điểm quan trọng trong thơ Hồ Chí Minh. Người sử dụng một cách và khá quen thuộc hệ thống thi pháp cổ với những hình ảnh ngôn từ phù hợp để biểu hiện những tư tưởng cách mạng hiện đại. Trong một số bài thơ của Người, tính truyền thống và hiện đại tạo nên sự hòa hợp:

*“Chống gậy lên non xem trận địa  
Vạn trùng núi đờ vạn trùng mây  
Quân khí mạnh nuốt nguưu đầu  
Thẻ diệt xâm lăng lũ sói cày”*



Trong bài thơ ba câu đầu nói lên sức mạnh của ba quân, khí thế của sông núi và phong vị mang hơi thở cổ điển quen thuộc của Lí Thường Kiệt, Phạm Ngũ Lão... câu kết trở về với hiện tại đối diện với kẻ thù khẳng định một quyết tâm. Câu cuối mang tính chất hiện đại từ nội dung cho đến cách thức biểu hiện ngôn từ và tạo được sự kết hợp cần thiết giữa phong vị truyền thống và hiện đại. Trong bài **“Cảnh rừng Việt Bắc”** ta cũng thấy bắt gặp một hơi thơ chân thực và gần gũi:

*“ Cảnh rừng Việt bắc thật là hay  
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày  
Khách đến thì mời ngô nếp nướng  
Săn về thường chén thịt rừng quay  
Non xanh nước biếc tha hồ dạo  
Rượu ngọt chè tươi mặc sức say  
Kháng chiến thành công ta trở lại  
Trăng xưa hạc cũ với xuân này”*

Câu kết của bài thơ mang phong vị cổ điển. Hồ Chí Minh muốn nói đến cảnh sống thiên nhiên thanh đạm cao đẹp và luôn gắn bó thủy chung tình nghĩa với con người. trăng xưa hạc cũ tuy hình ảnh cổ kính nhưng vẫn có giá trị biểu hiện thích hợp với yêu cầu của chủ đề của bài thơ. Đọc thơ Người các nhà nho tìm thấy những kiến thức uyên thâm, hệ thống sâu sắc của các bậc nho cũ, đặc biệt là qua **“ Nhật kí trong tù” ( Chiều tối, Cảnh chiều hôm, Mới ra tù tập leo núi)**.

Thơ của Người rất giống thơ Đường, thơ Tống, thơ Nguyễn Trãi, Nguyễn Du bên cạnh đó có nhiều bài rất Việt Nam như ca dao. Bài **“ Đi thuyền trên sông Đáy”** giàu chất Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm. Giáo sư Trần Đình Sử nhận xét: *“ Trong thơ Người, cái thú cổ điển hòa quyện với cuộc kháng chiến hiện đại, với nhịp độ khẩn trương hiện đại. Về nhiều mặt, ta có thể nói thơ Hồ Chí Minh là một mẫu mực kết hợp hài hòa truyền thống và hiện đại”*.

### **c. Tinh thần chiến sĩ ẩn trong hình tượng thi sĩ**

Trong những ngày tháng bị giam cầm ở nhà tù Tưởng Giới Thạch những vần thơ của Người vẫn vượt khỏi cảnh lao lung mang theo phong độ cốt cách của một tâm hồn lớn. Trên hành trình bị áp giải, mặc dù bị trói, người chiến sĩ như cất từng bước nặng nhọc trên chặng đường núi non hiểm trở, nhưng Người vẫn khắc phục mệt mỏi để tinh thần hòa vui với thiên nhiên:

*“ Mặc dù bị trói chân tay  
Chim ca rộn núi hương bay ngát rừng.  
Vui say ai cấm ta dừng  
Đường xa âu cũng bớt chùng quạnh hiu.”(Trên đường đi)*

Hồ Chí Minh luôn tìm niềm vui trong cảnh vật và sinh hoạt của xóm làng để khuấy khỏa đi mệt nhọc hàng ngày. Có những bài làm ta xót xa ngạc nhiên trước cảnh ngộ và tinh thần của Người. Cảnh áp giải trên sông tay chân bị cùm trói trong cảnh nhục hình. Ở hoàn cảnh đó ai cũng chán chường hoặc thu mình vào thế giới riêng cách biệt. Những mối tinh thần hòa hợp của Người với ngoại cảnh vẫn gắn bó và tha thiết lạ lùng.

*“ Đập thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh  
Lũng lẳng chân treo tựa giáo hình,  
Làng xóm ven sông đông đúc thế  
Thuyền câu lướt sóng nhẹ thênh thênh”*

Con thuyền nhẹ thênh thênh ấy không phải chỉ trong cuộc đời thực mà đang xuôi dòng trong tâm tư thanh thần của người cách mạng. Phải có tấm lòng tha thiết với cuộc sống, tin yêu vào con người, phải có một tinh thần chủ động và lạc quan cách mạng, có chất thép của cuộc đời và tình người thì mới có phẩm chất tinh thần đó. Màu hồng của niềm tin hi vọng xuất hiện ở nhiều bài thơ:

*“ Cô em xóm núi xay ngô tối*

*Xay hết lò than đã rực hồng”*

*“ Phương đông màu trắng chuyển sang hồng”*

Trường Chinh nhận xét : *“ ý chí đấu tranh kiên cường bất khuất và tin thần lạc quan cách mạng và phẩm chất cao quý thấu suốt đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh”*

Trong những bài thơ được viết ra khi Người trở về Tổ quốc, thiên nhiên luôn là bộ phận của đất nước và tình cảm với thiên nhiên là một khía cạnh sâu sắc của tình yêu đất nước. Qua thơ Hồ Chí Minh phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp luôn gợi tình cảm yêu thương đất nước và tinh thần lo lắng trách nhiệm. Cái đẹp nên thơ man mác mà trang nghiêm của **Cảnh rừng Việt Bắc** với trắng sáng suối trong không cuốn hút người đọc đi về phía thưởng ngoạn mà phân thưởng ngoạn nằm trong cảm hứng bao trùm của tình yêu đất nước:

*“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ.*

*Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”*

Vẻ đẹp thiên nhiên luôn khơi dậy tình cảm yêu nước một cách tự nhiên tha thiết. Có những câu thơ tưởng là đơn sơ mộc mạc như tiếng nước non thâm kín :

*“ Non xa xa, nước xa xa*

*Nào tưởng thênh thang mới gọi là*

*Đáy suối Lê nin kia suối Mác*

*Hai tay xây dựng một sơn hà”.*

Câu thơ viết theo tầm nhìn phóng xa về phía trước. Núi non cảnh vật xa gần của ông cha từ ngàn xưa để lại. Những câu thơ gợi về mặt âm thanh như tiếng gọi nhẹ nhàng xao xuyên, nghe ấm mãi tình cảm yêu đất nước. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, một lần đi thuyền trên sông Đáy, trước cảnh sông nước mênh mang trong đêm thanh vắng, nỗi lo lắng về đất nước lại dội lên khắc khoải.

*“ Dòng sông lặng ngắt như tờ*

*Sao đưa thuyền chạy, thuyền chờ trăng theo*

*Bốn bề phong cảnh vắng teo*

*Chỉ nghe cót két tiếng chèo thuyền nan*

*Lòng riêng riêng những bàn hoàn’*

*Lo sao khôi phục giang san Tiên Rồng”*

Và sự vận động của thiên nhiên rất phù hợp với cảm hứng của con người.

*“ Thuyền về trời đã rạng đông*

*Bao la nhuộm một màu hồng đẹp tươi”*

Có nhiều bài thơ về thiên nhiên chúng ta không thể quên sắc thái tự biểu hiện kín đáo bên cạnh phần miêu tả nổi lên như quán xuyên nội dung.

*“ Hai mươi tư tháng sáu*

*Lên ngọn núi này chơi*

*Ngừng đầu mặt trời đỏ,  
Bên suối một nhành mai”.*

“ Mặt trời đỏ” và “nhành mai” là những vật có thật trong thiên nhiên đồng thời là hình ảnh tượng trưng giàu ý nghĩa. Mặt trời đỏ rực biểu tượng tương lai thắng lợi của phong trào cách mạng, nhành mai là hạnh phúc, niềm vui có được trong mỗi người. Nhưng đó cũng chính là vẻ đẹp của tâm hồn Người. Trong Hồ Chí Minh sự tỏa sáng rực rỡ của tư tưởng cách mạng không che lấp đi vẻ mềm mại thanh khiết của một nhành mai. Đó cũng là biểu hiện của chất thép, của nghị lực, ý chí đấu tranh với lòng nhân ái, ân tình của người trong cuộc sống.

#### **d. Một nụ cười thoải mái trẻ trung**

Bút pháp sở trường của Hồ Chí Minh là châm biếm. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nhận xét: *“Lối viết châm biếm của Người kín đáo và thú vị luôn gây hứng thú cho người đọc”*.

*“ Đây mình đỏ tía như hoa gắm  
Sốt soạt luôn tay tựa gảy đàn  
Mặc gắm bạn tù đều khách quý.  
Gảy đàn trong ngục thấy tri âm. ”*  
*“ Năm mươi ba cây số một ngày  
Áo mũ dầm mưa rách cả giày  
Lại khổ thâu đêm không chỗ ngủ  
Ngồi trên hố xí đợi ngày mai”*

Văn chương nghệ thuật của Hồ Chí Minh đã để lại dấu ấn sâu đậm trong đời sống tinh thần của người Việt Nam và bạn bè quốc tế, thể hiện rõ nét bản sắc Việt Nam. Đây là những di sản vô cùng quý báu lưu lại mãi mãi những khía cạnh tâm hồn của một người Việt Nam đẹp nhất, vĩ đại nhất trong thời đại ngày nay

## **II. Phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu**

### **1. Những yếu tố hình thành phong cách**

Tố Hữu sinh tại thị xã Hội An Quảng Nam, quê ở làng Phù Lai, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên - Huế. Cha là một nhà nho nghèo yêu thích thơ ca và sưu tầm ca dao, tục ngữ. từ thuở nhỏ đã được cha dạy làm thơ theo lối cổ. mẹ Tố Hữu là con một nhà nho thuộc nhiều ca dao, dân ca xứ Huế. Tố Hữu mồ côi mẹ từ năm mười hai tuổi, một năm sau xa gia đình vào học ở Quốc học Huế. Quê hương cũng góp phần quan trọng vào việc hình thành thơ Tố Hữu . Tuy là vùng đất nghèo nhưng phong cảnh núi non rất nên thơ, xứ Huế còn nổi tiếng là vùng văn hóa phong phú độc đáo, đậm đà bản sắc dân tộc bao gồm cả văn hóa dân gian, văn hóa cung đình mà nổi tiếng nhất là những điệu hò mái nhì mái chèo...Bước vào tuổi thanh niên đúng những năm phong trào Mặt trận dân chủ do Đảng lãnh đạo dấy lên sôi sục trong cả nước, mà Huế là một trong những trung tâm sôi động nhất, tuổi trẻ Tố Hữu có sự gặp gỡ may mắn và đẹp đẽ với lí tưởng cách mạng. Được lôi cuốn vào phong trào đấu tranh Tố Hữu trở thành người lãnh đạo, toàn tâm cống hiến cho cách mạng.

Trong Tố Hữu con người chính trị và con người nhà thơ thống nhất làm một. Sự nghiệp thơ ca gắn liền với sự nghiệp cách mạng. Tố Hữu được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

### **2. Phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu**

Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị, những sự kiện lớn của đất nước là đối tượng khơi dậy niềm xúc cảm cho tác giả. Thơ Tố Hữu là một thành tựu xuất sắc của thơ ca cách mạng, kế tục truyền thống tốt đẹp của thơ ca Việt Nam qua nhiều thời đại: gắn bó với vận mệnh của đất nước, phục vụ cho cuộc đấu tranh giành tự do cho dân tộc. Thơ ông là sự kết hợp hài hòa hai yếu tố cội nguồn cách mạng và dân tộc trong hình thức đẹp đẽ của thơ ca. Sức thu hút của thơ Tố Hữu với những thế hệ người đọc là niềm say mê lí tưởng, những tình cảm cách mạng, tình dân tộc đậm đà trong cả nội dung và hình thức.

### **a. Tố Hữu là nhà thơ của lí tưởng cộng sản, thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị**

Thơ thường khai thác từ đời sống chính trị của đất nước, từ hoạt động cách mạng và tình cảm của bản thân. Trong thơ tràn đầy cảm hứng lãng mạn và luôn hướng người đọc tới một chân trời tươi sáng.

Trong thơ đời sống con người được khám phá, cảm nhận chủ yếu trên phương diện qua hệ với cuộc đấu tranh cách mạng với lí tưởng lẽ sống ân tình cách mạng: *Từ ấy, Việt Bắc, Bác ơi...*

Sức hấp dẫn của thơ ca cách mạng nói chung và của thơ Tố Hữu nói riêng bắt nguồn từ sức hấp dẫn lớn lao của chủ nghĩa Mác - Lênin, của lí tưởng cộng sản. Sức hấp dẫn của một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách cảm xúc và ước mơ, một thái độ trước cuộc sống, một cách sống đúng nhất và đẹp nhất trong thời đại ngày nay.

Trong khi lớp thanh niên ngọt thở dưới ách thống trị nặng nề của thực dân phong kiến chưa biết đi về phương nào thì Tố Hữu đến với họ gọi lên trong tâm trí họ những cảnh xót thương trông thấy hàng ngày, thôi thúc họ vùng dậy chiến đấu mang lại cho họ niềm tin hi vọng.

Nhiều nhà thơ nhà văn tiểu tư sản lúc bấy giờ nói đến những cô gái giang hồ với một giọng khinh rẻ nhưng không ai có cái nhìn như Tố Hữu. Đáp lại tiếng kêu tha thiết của cô gái:

*“ Tình ôi gian dối là tình  
Thuyền em rách nát còn lành được không”.*

Nhà thơ của chúng ta dám hứa:

*“Rặng không cô gái trên sông  
Ngày mai cô sẽ từ trong ra ngoài  
Thơm như hương nhụy hoa lái”*

Sự thống nhất và sinh động giữa nội dung và hình thức trong thơ làm sáng ngời lên cái đẹp của người say mê lí tưởng cộng sản trong từng gia đoạn của cách mạng. Với *Từ ấy* là tấm lòng và niềm tin cái đẹp của tinh thần chiến đấu và tư thế chiến thắng. Với *Việt Bắc*, là cái đẹp của cuộc sống kháng chiến dưới sự dìu dắt của Bác:

*“ Và mỗi trận mỗi mùa vui thắng lợi  
Đôi mắt Bác hiện lên cười phấn khởi  
Ta lớn cao lên, bay bổng diệu kì  
Trên đường dài hai cánh đỡ ta đi” (Sáng tháng Năm)*

Trong tinh thần âu yếm của đồng bào:

*“ Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.”*

**Gió lộng** là chất say trong những bước đi đầu của chủ nghĩa xã hội, giấc mơ lớn từ xưa của nhân loại:

*“ Xuân ơi xuân em đến mới dăm năm  
Mà cuộc sống đã tưng bừng ngày hội.” (Bài ca mùa xuân 1961)*

**Ra Trận** - chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam chưa bao giờ đạt tới đỉnh cao như trong thời đánh Mĩ chưa bao giờ có vẻ đẹp tuyệt vời như trong thơ Tố Hữu thời đánh Mĩ. Từ cô du kích:

“ *Rắn quẩn bên chân vẫn bắn thù  
Mĩ hại trăm nhà lo diệt trước  
Rắn mình em chịu có sao đâu.* ”

Tố Hữu làm thơ không phải chỉ nói với mọi người mà nói cho mình:

“ *Ôi miền Nam vì sao mỗi lúc.  
Mây chiều xa bay giục cách chim  
Đêm khuya một tiếng bầu, tiếng trúc  
Một câu hò cũng động trong tim...* ” (**Miền Nam 1963**)

Thơ Tố Hữu chủ yếu là tiếng nói của lòng yêu Tổ Quốc, yêu nhân dân, yêu Đảng, lãnh tụ, yêu những anh chị em cùng chí hướng. Yêu thương và căm thù đó là tình cảm lớn thúc người ta trên đường đấu tranh cách mạng. Và thơ Tố Hữu yêu thương đến quên mình, đó là nguồn vô tận của sức mạnh Việt Nam.

#### **a.Thơ mang đậm tính sử thi, cảm hứng lãng mạn**

Trong thơ đời sống con người được khám phá, cảm nhận chủ yếu trên phương diện quan hệ với cuộc đấu tranh cách mạng với lí tưởng lẽ sống, ân tình cách mạng: **Từ ấy, Việt Bắc, Bác ơi...** Trong bài **Lên Tây Bắc** viết về anh bộ đội:

“ *Anh đi tìm giặc, tôi tìm anh  
Người lính trường chinh áo mong manh  
Mỗi bước vàng theo đồng lúa chín  
Lửa vui từng mái nứa tươi xanh* ”

Đây là cảm xúc trong con thịnh nộ:

“ *Giương nào chém được dòng Bến Hải  
Lửa nào thiêu được giải Trường Sơn  
Cắm hờn lại giục cắm hờn  
Máu kêu trả máu, đầu van trả đầu* ”

Để giành chiến thắng tất nhiên phải trải qua chiến đấu, sẵn sàng chấp nhận mọi hi sinh. Nhưng dẫu trong hi sinh vẫn giữ tư thế của người chiến thắng:

“ *Của anh chị bước lên đài giương máy  
Đầu sắp rơi mà môi vẫn tươi cười.* ” (**Quyết hi sinh 1941**)

Nhân vật trữ tình là những con người đại diện cho những phẩm chất của dân tộc thậm chí mang tầm vóc lịch sử thời đại.

Hình ảnh Bác Hồ trở đi trở lại nhiều lần:

“ *Người đi trước, nghìn sương muôn tuyết  
Dù dắt dân nước Việt Nam  
Bạc phơ mái tóc người Cha  
Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người* ”.

Giữa sóng gió của cách mạng tình yêu thương và phấn đấu không ngừng không nghỉ của Bác càng ngời sáng tuyệt đẹp:

“ *Bác về tóc có bạc thêm  
Năm canh bốn biển có đêm nghĩ nhiều  
Hỡi Người, tìm những thương yêu.  
Cánh chim không mỏi, sớm chiều vẫn bay* ”

Các bà mẹ Việt Nam đến với kháng chiến hần dẫu vết nén chịu do xã hội cũ nhưng đặt quyền lợi của kháng chiến lên trên hết, từ thương nhớ con tới thương bộ đội, thương nước căm thù giặc. Bao bà bầm, bà bủ trở thành mẹ chiến sĩ, thành cơ sở nuôi giấu cán bộ bất chấp mọi gian nguy khủng bố:

*“ Thương người cộng sản căm Tây Nhật  
Buồng mẹ buồng tìm giấu chúng con  
Đêm đêm chó sủa làng bên động  
Bóng mẹ ngồi canh lẩn bóng còn ” (Mẹ Tom )*

Cảm hứng thơ Tố Hữu là cảm hứng lịch sử dân tộc chứ không phải là cảm hứng thể sự đòi tư. Nổi bật trong thơ Tố Hữu là vận mệnh dân tộc cộng đồng chứ không phải là vấn đề cá nhân.

Tố Hữu đã ca ngợi cuộc chiến đấu chống Mĩ ở Miền Nam:

*“ Ôi Tổ Quốc giang sơn hùng vĩ  
Đất hùng của thế kỉ hai mươi!  
Hãy kêu hãnh trên tuyến đầu chống Mĩ.  
Có Miền Nam anh dũng tuyệt vời. ”*

Tố Hữu nhìn rõ cái vĩ đại nhiều mặt và những khó khăn của cuộc kháng chiến để sáng tạo một hình ảnh thơ giàu ý nghĩa:

*“ Việt Nam, ôi Tổ Quốc thương yêu  
Trong khổ đau, Người đẹp hơn nhiều.  
Như bà mẹ sớm chiều gánh nặng  
Nhẫn nại nuôi con suốt đời im lặng. ”*

### **c. Thơ Tố Hữu có giọng tâm tình, ngọt ngào tha thiết.**

Nhiều vấn đề của chính trị cách mạng được thể hiện như vấn đề của tình cảm muôn đời

Thơ Tố Hữu có giọng điệu riêng là giọng tâm tình ngọt ngào. Thể hiện qua cách xưng hô với đối tượng trò chuyện kêu gọi “ Anh vệ quốc quân ơi, Xuân ơi xuân, Hương Giang ơi... ”.

Trong thơ Tố Hữu có những lời nhỏ nhẹ tự mình tâm sự với mình :

*“Huế ơi, quê mẹ của ta ơi!  
Nhớ tự ngày xưa tuổi chín mười  
Mây núi hiu hiu, chiều lặng lặng  
Mưa nguồn gió biển nắng xa khơi ” (Quê mẹ-1955)*

Có những lời tự nhiên như lời nói thường :

*“ Mấy hôm nay như đứa nhỏ nhà  
Ta vẫn vợ hoài, rạo rục, vào ra. (Bài ca mùa xuân 1961)*

Giọng điệu ấy có được là do thừa hưởng từ điệu tâm hồn con người xứ Huế với những câu hò tha thiết ngọt ngào của quê hương. Nhưng nó cũng xuất phát từ quan niệm của nhà thơ. “ Thơ là chuyện đồng điệu...Thơ là tiếng nói đồng ý và đồng tình tiếng nói đồng chí”. Nhà thơ đặc biệt dễ rung động với nghĩa tình cách mạng, luôn hướng đến đồng bào đồng chí giải bày tâm sự trò chuyện, kêu gọi nhắn nhủ. Thơ Tố Hữu phần nhiều có cách diễn đạt tự nhiên hơi thơ liền mạch.

### **d. Nghệ thuật thơ Tố Hữu đậm đà tính dân tộc**

Phần lớn thơ Tố Hữu viết theo các thể thơ dân gian và các thể thơ từ rất lâu đã trở nên thuộc với người đọc Việt Nam :

*" Nhưng rồi gió từ xa thổi  
Núi kêu anh bộ đội lên đường "*

Câu thơ hiện đại mà nghe như có hơi thở của *Chinh Phụ Ngâm* :

*" Mười lăm năm ấy ai quên  
Quê hương cách mạng dựng lên cộng hoà  
Mình về mình có nhớ ta  
Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào "*

Tổ Hữu biết học một cách sáng tạo Kiều và ca dao. Hay “ *Bà Bủ nằm ổ chuối khô* ” “ *Bà Bủ không ngủ bà nằm* ” thì chính là cái hơi về dân gian được sống dậy và nâng lên thành nghệ thuật. Sử dụng đa dạng các thể thơ truyền thống (như lục bát, song thất lục bát, bốn chữ, năm chữ, bảy chữ) nhưng vẫn có nhiều biến hoá linh hoạt trong diễn tả cảm xúc trạng thái làm phong phú thêm cho hình thức thơ ca này .

Thể điệu truyền thống

Ngôn ngữ sử dụng lối nói quen thuộc của dân tộc, so sánh ví von truyền thống nhưng vẫn biểu hiện nội dung mới của thời đại

Bài thơ ***Việt Bắc*** là một bức tranh toàn cảnh về sinh hoạt kháng chiến ở Việt Bắc nhưng lại viết theo lối đưa tiễn đối đáp trong ca dao xưa. Tưởng như đang vắng lại từ đâu đó cảnh sinh hoạt dân ca với những tình tự, giọng điệu ngay từ đầu đã rất quen thuộc “ *Mình về mình có nhớ ta* ”

Cứ thể chuyện đánh giặc giữ nước, xây dựng lại đất nước trở thành chuyện tình nghĩa giữa ta và mình, ta với mình cùng biết bao hò hẹn ước mong lưu luyến và nhớ thương. Có những câu lấy lại nguyên ca dao cũ

*“Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn”*

Lấy lại câu Kiều

*“Còn non còn nước còn trời*

*Ngược xuôi đôi mặt một lời song song*

Có những câu phát phơ lời thơ trong Thề non nước của Tản Đà

*"Nước trôi nước có về nguồn*

*Mây trôi mây có cùng non trở về”*

Bài “ *Ba mươi năm đời ta có Đảng* ” có hàng chục câu thành ngữ, tục ngữ

*" Ngọt bùi nhờ lúc đắng cay... ”*

*“Đời ta gương vỡ lại lành... ”*

*Chim treo trên lửa cá nằm dưới dao”*

Tên bài thơ “ ***Nước non ngàn dặm*** ” lấy từ câu ca Nam Bình.

Thương nhớ miền Nam quê mẹ ý nghĩ tình cảm của nhà thơ bao giờ cũng dành cho những câu hò:

*"Quê hương ơi sao mà da diết thế*

*Giọng hò đưa ...lòng Huế đó chẳng?*

*Vì dù đèn tắt đã có trăng*

*Khổ em thì em chịu, biết làm răng đặng chừ... ”*

*Câu hò xưa mới tương tư*

*Thiết tha đôi lứa, mà như đôi miền!” (Bài ca quê hương)*

Lòng thương mến cũng như tình cảm dân tộc khiến cho câu hò điệu ru có sức hấp dẫn lôi cuốn tự nhiên với nhà thơ. Và có dịp nhà thơ gửi gắm niềm thương nhớ xúc động của mình

*“ Phù Lai ba bến con đò*

*Thanh Lương quê ngoại, câu hò còn chẳng? ”(Nước non ngàn dặm)*

Phát huy tính nhạc của tiếng Việt. Sử dụng từ lấy phối hợp với âm thanh, nhịp điệu chất

nhạc chứa đựng cảm xúc tâm hồn

Lời thơ có khi rơi từng chữ, từng chữ theo nhịp suy nghĩ chậm rãi của nhà thơ

*“ Cành táo đầu hè quả ngọt rung rinh*

*Như hạnh phúc đơn sơ, ước mơ nho nhỏ”*

Có khi dài và dồn dập đã đọc là đọc luôn không thể dừng lại

*“ Hoan hô chiến sĩ Điện*

*Chiến sĩ anh hùng*

*Đầu nung lửa sắt*

*Năm mươi sáu ngày đêm, khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt*

*Máu trộn bùn non*

*Gan không núng*

*Chí không mòn*

*Những đồng chí, thân chôn làm giá súng*

*Đầu bịt lỗ châu mai*

*Băng mình qua lũy thép gai*

*Ào ào vũ bão*

*Những đồng chí chèn lưng cứu pháo*

*Nát thân, mắt nhắm, còn ôm. ”*

Chỉ đọc không cũng đã cuốn hút nhưng phải hơi thơ ấy mới nói được sự hi sinh chiến đấu không phải của một người trong một giờ một phút mà trong hàng vạn người. Thơ Tố Hữu không nói bằng câu chữ mà nói bằng nhịp điệu âm thanh và quan hệ giữa các nhịp điệu âm thanh.

Trong một lần nói về thơ Tố Hữu có dẫn mấy câu mở đầu bài "Mẹ Tom"( 1961)

*"Tôi lại về quê mẹ nuôi xưa*

*Một buổi trưa, nắng dài bãi cát*

*Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa*

*Mát rượi lòng ta, ngân nga tiếng hát”*

Tố Hữu nói thêm: Trong hai câu sau có âm vang của gió và sóng, có cả âm vang của một tấm lòng. Nếu viết gió thổi lao xao sóng biển rì rào thì không còn gì nữa. Hai câu thơ không chỉ tả cảnh mà còn tả tình trong cảnh. Nhịp điệu của hai câu thơ là nhịp điệu của sóng gió và cũng là nhịp điệu náo nức xôn xao và biết bao sung sướng, êm ái trong lòng người trở về quê cũ, nơi đã nuôi mình.

Hay trong bài “**Lên Tây Bắc**” (1948)

*“Lại những ngày đi vắt với sương*

*Ngó bung, xôi nhạt, nước lưng bung*

*Đêm mưa rình giặc, tai thao thức*

*Mùa lại mùa qua, rét nhức xương”*

Những câu thơ chan chứa tình cảm đối với anh bộ đội trong hoàn cảnh chiến đấu gian khổ thời bấy giờ. Và tình cảm ấy đã truyền đến người đọc chủ yếu qua cách gieo vần của nhà thơ, qua âm hưởng của mấy chữ “sương”, “bung”, “xương” đọc lên như muốn rung rung

Thơ Tố Hữu là một thành tựu xuất sắc của thơ cách mạng, kế tục truyền thống tốt đẹp của thơ ca Việt Nam qua nhiều thời đại: gắn bó với vận mệnh của đất nước, phục vụ cho cuộc đấu tranh giành tự do của dân tộc. Thơ ông là sự kết hợp hài hòa hai yếu tố, cội nguồn cách mạng và dân tộc trong hình thức đẹp đẽ của thơ ca. Sức thu hút của thơ Tố Hữu với những thế hệ người đọc là niềm say mê lí tưởng, những tình cảm cách mạng, tình dân tộc đậm đà trong cả nội dung và hình thức



### c. Kết luận

Như vậy, phong cách nghệ thuật thể hiện cái nhìn độc đáo của người nghệ sĩ trước cuộc đời, con người. Cái nhìn đó được cụ thể qua cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Đối với các nhà thơ sáng tác lâu dài trên diện rộng có hiện tượng đa phong cách hoặc phong cách có sự vận động, biến đổi ở những giai đoạn khác nhau. Phong cách giúp nhà văn, nhà thơ khẳng định được mình, khẳng định vị thế và sức đóng góp của riêng mình trên cơ sở tài năng. Người sáng tác thì nhiều nhưng không phải ai cũng có phong cách nghệ thuật độc đáo. Vì thế, có được phong cách nghệ thuật là cái đích hướng tới của người nghệ sĩ mọi thời đại. Phong cách nghệ thuật còn có ý nghĩa đối với sự phát triển của văn học. Nó góp phần làm phong phú, đa dạng diện mạo của văn học. Sự phát triển của văn học, lịch sử văn học dân tộc được tạo nên bởi sự góp mặt, nối tiếp của những phong cách nghệ thuật văn học.

## CHUYÊN ĐỀ 3: PHONG CÁCH MỘT SỐ NHÀ VĂN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

### I. KHÁI NIỆM PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT (Xem trong mục I. của chuyên đề 2)

### II. PHONG CÁCH MỘT SỐ NHÀ VĂN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI.

#### 1. Phong cách nghệ thuật Thạch Lam

##### 1.1. Ngôn ngữ truyện Thạch Lam

Bước vào thế giới nghệ thuật là bước vào thế giới của ngôn ngữ chứ không phải bước vào hiện thực của khách quan hay miêu thờ của lịch sử. Ngôn ngữ từ xưa tới nay vẫn được xem là công cụ, là chất liệu, là phương tiện biểu hiện mang tính đặc trưng của văn học. Mácxim Gorki khẳng định *ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học*.

Thạch Lam là một cây bút có biệt tài về truyện ngắn. Ông cũng là người hiểu sâu sắc cái khó khăn, khắc nghiệt của nghề viết văn. Cuộc đời cầm bút của ông là một tấm gương về lao động nghệ thuật. Những truyện ngắn hay nhất của Thạch Lam là những truyện ngắn phải tốn nhiều công sức, những truyện: ***Sợi tóc, Đói, Nhà mẹ Lê, Một cơn giận*** Thạch Lam phải sửa đi sửa lại tới 4 lần. Mặc dù Thạch Lam thuộc vào số nghệ sĩ không cần sửa soạn công phu trước khi khởi công nhưng ông lại là nhà văn viết rất thận trọng tìm *lối diễn thuật thích đáng về lời, về thể, về âm hưởng của Việt Ngữ bao giờ cũng là sự quan tâm tha thiết và có đau đớn của văn sĩ này( Thạch Lam về tác giả và tác phẩm – NXB Giáo dục)*. Con người ấy đã sống hết mình với từng ý văn, từng câu văn mà ông viết trên trang giấy, và cho đến nay, những câu văn của Thạch Lam vẫn có một sức cuốn hút kỳ lạ với chúng ta. Những câu văn tạo nên từ một thức ngôn đậm đà phong cách Thạch Lam.

Sinh thời, Thạch Lam vẫn vốn nổi tiếng là người điềm tĩnh, kín đáo, ưa chuộng sự giản dị, nhẹ nhàng. Tất cả sự xô bồ hỗn tạp trong giao tiếp cũng như lối sống đều xa lạ với ông. Thạch Lam một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một ngòi bút tìm vào nội tâm, tìm vào cảm giác. Một trái tim chứa chan tình thương và lòng trắc ẩn... Những tâm tư ấy không chỉ ảnh hưởng tới tính cách nhân vật mà nó còn khúc xạ sâu đậm qua ngôn ngữ.

##### a. Ngôn ngữ truyện Thạch Lam nhẹ nhàng, trong sáng, giản dị.

Đây là đặc điểm dễ nhận thấy nhất khi chúng ta tiếp xúc với truyện ngắn của Thạch Lam. Cơ sở để tạo nên loại ngôn ngữ này không chỉ xuất phát từ tính tình của nhà văn mà nó còn có cội rễ từ quan niệm nghệ thuật của ông. Thạch Lam đã từng kêu gọi: *Bỏ hết những cái sáo, những cái kêu to mà trống rỗng, những cái giả dối đẹp đẽ, đi tìm cái giản dị, cái sâu sắc và cái*

thật bằng cách quan sát đúng, đó là công việc mà các nghệ sĩ phải làm (Tuyển tập Thạch Lam - NXB văn học) và Thạch Lam đã làm được cái điều mà ông tâm niệm.

Không quá trau chuốt, cầu kỳ, tinh xảo như ngôn ngữ truyện Nguyễn Tuân, không sắc cạnh sâu đậm như ngôn ngữ truyện ngắn Nam Cao, cũng không có biệt tài về tiếng lóng như Nguyên Hồng. Thạch Lam chinh phục trái tim độc giả bằng thứ ngôn ngữ vừa cho ta nhìn, vừa cho ta cảm. Nhẹ nhàng, giản dị mà thật sâu lắng.

Cái rất nhẹ nhàng trong sáng trong ngôn ngữ được bộc lộ ở hầu hết các tác phẩm của Thạch Lam. Đặc biệt là ở các dòng, các đoạn miêu tả thiên nhiên. Sử dụng ngôn ngữ nhẹ nhàng, trong sáng Thạch Lam đã tạo nên một đặc trưng cho truyện ngắn của mình đó là rất giàu chất thơ, chất trữ tình. Có thể nói mỗi đoạn văn miêu tả thiên nhiên của Thạch Lam là một bài thơ văn xuôi đẹp, tràn đầy màu sắc, hương thơm được dệt nên từ một thứ ngôn ngữ trong sáng đến độ thuần khiết: “ Sáng sớm hôm sau, tiếng chim kêu riu rít trong vườn đã đánh thức tôi dậy. Mặt trời còn thức sau quá đỗi, ánh một vùng hồng lên nền trời xanh biếc. Bên kia sông, từng cây, từng lớp nhiều màu còn lẫn mờ trong màn sương trắng” (**Tiếng chim kêu**), hay “ Ngày chưa tắt hẳn, trăng đã lên rồi. Mặt trăng tròn, to và đỏ từ từ lên ở chân trời, sau rặng tre đen của làng xa. Mấy sợi mây còn vắt ngang qua, mỗi lúc một mảnh dần rồi tắt hẳn. Trên quãng đồng ruộng con gió nhẹ hiu hiu đưa lại thoảng những hương thơm thơm ngát. Sau tiếng chuông của ngôi chùa cổ một lúc lâu, thật là sáng trăng hẳn: Trời bây giờ trong vắt, thăm thẳm và cao; mặt trăng nhỏ lại, sáng vàng vạc ở trên không và du du như sáo diều, ánh trăng trong chảy khắp ở trên cành cây, kẽ lá, tràn ngập trên con đường trắng xóa” (**Nắng trong vườn**). Đúng là, bằng sáng tác văn học Thạch Lam đã làm cho tiếng nói Việt Nam *co duỗi thêm, mềm mại ra và tươi đậm hơn* ( Nguyễn Tuân).

Tuy nhiên, nếu cái trong sáng, nhẹ nhàng của ngôn ngữ Thạch Lam đưa ta bay cao theo mây, gió, trăng, hoa, thì sự giản dị của ngôn ngữ như kéo ta về thực tại. Văn Thạch Lam có nhiều đoạn ngôn ngữ trau chuốt, mượt mà nhưng có những đoạn ngôn ngữ giản dị, thật gần gũi với cuộc sống đời thường. Đây cũng là một lý do để ta khẳng định: Có một sự kết hợp nhuần nhị giữa chất hiện thực và chất lãng mạn trong văn Thạch Lam. Điều này không chỉ thể hiện qua chủ đề tác phẩm, qua quan niệm nghệ thuật nhà văn mà nó còn bộc lộ cả qua ngôn ngữ.

Khảo sát truyện ngắn Thạch Lam ta không gặp một lỗi văn nặng nề về lỗi dùng từ ngữ to tát. Đó càng không phải là lối văn *uyên bác* đan dệt bởi hàng loạt những điển tích, điển cố như những văn chương thời cổ. Thạch Lam dùng một lối văn giản dị, ít dùng từ Hán Việt, một lối văn thật có tính cách *An Nam*. Sẽ không mấy bất ngờ khi ta gặp trong những tác phẩm Thạch Lam những từ thuần Việt: *Thầy, u, nương nghịu, sượng sùng, gắt gỏng...* hay một lối nói, một lối diễn đạt hết sức gần gũi với lời ăn tiếng nói của người Việt Nam: *Chết chưa, cô sao không đến chơi sớm hơn (Người bạn cũ) Tôi mà như chị thì tôi bỏ quách đi lấy người khác (Một đời người)* hay: *thầy còn chưa về cơ, u (Cô hàng xóm)...* Chẳng ai bảo đó là văn chương nếu như để những câu trích dẫn ở trên đứng đơn độc một mình. Đó chỉ là những câu nói bình thường mà trong cuộc sống ai trong chúng ta cũng có thể gặp. Thật gần gũi thân thuộc, thật giản dị dễ hiểu những câu văn trên đã góp phần không nhỏ để tạo nên *tính dân tộc* trong sáng tác của Thạch Lam. Thạch Lam quả là một người Việt Nam thành thực.

Sự kết hợp hòa quyện của cái chất trong sáng, nhẹ nhàng, trau chuốt và cái giản dị, trong ngôn ngữ Thạch Lam làm cho những trang văn của ông có nốt thanh, nốt trầm. Dem đến cho người đọc những cảm giác phong phú, đa dạng. Khi bay bổng, lãng mạn, khi lại trở về cuộc sống đời thường với những lo toan vất vả. Vì thế ngôn ngữ giản dị mà không giản đơn. Dễ hiểu mà không phải là bản sao của ngôn ngữ đời sống. Không phải làm duyên một cách cứng nhắc, cầu kỳ mà tự nhiên nhẹ nhàng như đầy sức lan tỏa.

**b. Ngôn ngữ truyện của Thạch Lam giàu tính biểu cảm, có khả năng diễn đạt tinh tế, chính xác những cung bậc trong thế giới nội tâm con người.**

Ngôn ngữ văn học không thể thiếu tính biểu cảm bởi vì văn học luôn tác động tới cuộc sống bằng con đường tình cảm. Tính biểu cảm trong ngôn ngữ là khả năng biểu hiện cảm xúc của của đối tượng được miêu tả, có thể tác động đến tình cảm của người đọc làm nảy sinh thái độ, tâm trạng ở tác giả. Thạch Lam là nhà văn của truyện ngắn tâm tình nên tính biểu cảm trong ngôn ngữ càng bộc lộ rõ hơn. Vì truyện tâm tình là loại truyện thể hiện rõ tính chủ quan của người viết và tất nhiên trong đó sẽ không thể thiếu đi cảm xúc, quan niệm của nhà văn về đối tượng được miêu tả. Đọc văn Thạch Lam ta được chia sẻ, cảm thông với nỗi buồn, niềm vui của nhân vật, ta đau đớn, xót xa nghĩ tới số phận lênh đênh, nheo nhóc của 11 đứa con nhà mẹ Lê khi người trụ cột duy nhất trong gia đình qua đời (*Nhà mẹ Lê*), ta cảm thông với niềm day dứt khôn nguôi của Thanh khi trót làm ảnh hưởng tới một anh phu xe (*Một con giận*), ta buồn cho một người luôn khinh khi giá trị vật chất tầm thường nhưng lại gục ngã trước cái đói và miếng ăn (*Đói*), ta băn khoăn với cái băn khoăn của nhân vật tôi khi nhìn lại con người mình (*Người bạn cũ*). Lại có lúc ta rộn ràng xao xuyến, băng khuâng theo tâm trạng của hai kẻ yêu nhau say đắm (*Bắt đầu, Đêm trắng sáng*). Có khi ghen ngào vì một con người chối bỏ đi tất cả những giá trị đẹp đẽ nhất của nhân cách con người (*Trở về*)... Tất cả những cảm xúc, tình cảm ấy không phải là hệ quả của những luận đề hay những triết lý nhân sinh trừu tượng mà nó là hệ quả của thứ ngôn ngữ gọi nhiều hơn tả. Một thứ ngôn ngữ tinh tế, chính xác đủ sức diễn tả những thay đổi nhỏ nhất của thế giới nội tâm con người. Thạch Lam là một ngòi bút chuyên tả tỉ mỉ những cái rất nhỏ và rất đẹp, những tình cảm, cảm giác con con nảy nở và biểu lộ ở đủ các hạng người mà ông tả một cách tinh vi. Quả thật, đọc truyện ngắn của Thạch Lam nhiều lúc ta phải giật mình trước khả năng miêu tả chính xác tình cảm, cảm xúc của con người. Nếu những trang viết về thiên nhiên, là những trang trong sáng nhất, mượt mà nhất, bay bổng nhất, thì những trang viết về những trạng thái tâm lý nhân vật là những trang sâu sắc và có sức ám ảnh nhất. Không phải là một thế giới nội tâm với những mâu thuẫn gay gắt và phức tạp giống như truyện ngắn của Nam Cao mà chỉ là những khoảnh khắc tâm lý diễn ra trong quãng thời gian ngắn, một chút lóe sáng của cảm xúc hay một nỗi niềm dằn vặt vu vơ. Cái độc đáo và cũng là biệt tài của của ngòi bút Thạch Lam là ở chỗ đó.

Để tạo nên những trang văn tinh tế, độc đáo ấy dường như Thạch Lam đã có sẵn cả một kho tàng ngôn ngữ. Người ta thấy có một thế giới ngôn ngữ của *cảm giác, cảm xúc, tình cảm* được sử dụng trong tác phẩm của Thạch Lam. Có lẽ vì thế mà đọc truyện Thạch Lam người ta bị lạc vào thế giới của cảm giác, tình cảm. Khái Hưng một cây bút cùng văn đàn với Thạch Lam cũng đã từng khẳng định: *Nếu ta có thể chia ra hai dạng nhà văn: Nhà văn thiên về tư tưởng và nhà văn thiên về cảm giác thì tôi quả quyết đặt Thạch Lam vào hạng dưới (Thạch Lam về tác gia*

và tác phẩm- NXB Giáo Dục). Không mấy khó khăn để ta có thể điếm lại những cảm giác, những trạng thái tình cảm mà nhân vật của Thạch Lam đã trải qua: Vui có, buồn có, giận dữ, lo sợ có, ngưng ngừng, luyến tiếc có, tha thiết, đắm say có và hối hận thất vọng cũng có... nhiều khi trong một trạng thái cảm xúc người ta còn có thể cảm nhận các mức độ, cung bậc của trạng thái ấy.

Chẳng hạn, để thể hiện trạng thái buồn bã, đau khổ nhà văn không chỉ sử dụng duy nhất từ buồn hay từ đau. Cũng là trạng thái tình cảm đó nhưng nhà văn lại có cách nói khác để diễn tả chính xác, rõ nét hơn những cảm xúc ở thời điểm tức thời: *Thấy lòng thất lại, nghẹn ngào, nao nao thương tiếc, phiền não, buồn bực* hay để diễn tả trạng thái giận dữ, Thạch Lam đã có một loạt các tính từ phục vụ cho cảm giác đó: *lòng lộn, xia xói, gắt gỏng, căm hờn...* Rồi cái trạng thái ngạc nhiên, lo sợ cũng được thể hiện một cách tinh vi: *Sửng sốt, bàng hoàng, ngẩn người ra, hốt hải van xin, mặt tái mét lại, rùng mình, run lẩy bẩy...* nói như để chúng ta thấy rằng: Thạch Lam tinh tế nhạy cảm đến mức nào. Văn Thạch Lam quả là lối văn nhuần nhị tinh tế, gọn và gọi được thật rành rõ, chính xác những trạng thái của sinh hoạt, xúc cảm của tâm hồn. Một lối văn không nặng nề những chữ dùng to tát... Câu chữ chỉ vừa đủ để phô diễn và ôm sát những cảnh ngộ hoặc những tâm trạng cần phô diễn. Thế giới ngôn từ của cảm xúc, cảm giác đã tạo nên những trang văn mẫu mực cho truyện ngắn Thạch Lam. Những tác phẩm hay nhất của Thạch Lam, những tác phẩm có thể liệt vào những đoạn thiên tiểu thuyết hay nhất của truyện ngắn Việt Nam hiện đại bao giờ cũng thể hiện tài năng độc đáo của Thạch Lam trong việc khám phá những rung động tế nhị nhất, những trạng thái tình cảm nhỏ nhất nhất của con người.

*“Tân lại gần, cái nhìn đưa bé, chàng thấy trong lòng một mối cảm động êm đềm và phiền phức. Nhìn đứa bé ngây thơ nằm trong lòng mẹ, Tân cảm thấy lần đầu cái thiêng liêng sâu xa của sự sống và nhận thấy chính những cái bé nhỏ và hèn mọn hằng ngày nó phá hoại cuộc đời... và Tân thấy trong lòng rung động khẽ như cánh bướm non, một tình cảm sâu xa và mới mẻ chàng chưa từng thấy” (Đứa con đầu lòng). Bà cả xúc đứa bé trên tay rồi nhìn ông cả bảo: “Này thằng bé nặng quá”. Bà quay mặt đứa bé lại nhìn nó và “tặc ầu” với nó mấy tiếng. Rồi bỗng bà còng tay ghì đứa bé vào sườn cần cổ của bà khiến cho tấm áo lụa căng thẳng trên ngực lép và đôi vú héo hơn... Tôi thấy người bà rung động, một tiếng thở dài khẽ thoát ra môi rồi đôi mắt ráo của bà bỗng mờ đi như ướt lệ. Bà lặng nhìn đứa bé đang rúc bú đôi vú căng sữa trong yếm mẹ (Đứa con). Tôi nghĩ lại đến những cử chỉ và dự định của tôi trong lúc này thật như một người khôn khéo lại như một người mất hồn. Tất cả những cái đó bây giờ xa quá. Tâm trí tôi dần ra, như một cây tre uốn cong trở lại thẳng thắn lúc thường. Tôi cảm thấy một cái thú khoái lạc kỳ dị, khe khẽ và thâm lặng rung động trong người, có lẽ là cái khoái lạc bị cảm dỗ và mà cũng có lẽ là cái khoái lạc đã đè nén được sự cảm dỗ và một nỗi tiếc ngấm ngấm, tôi không tự thú cho tôi biết và cũng có ý không nghĩ đến khiến cho cái cảm ấy của tâm hồn tôi thêm một vẻ rờn rợn và sâu sắc (Đôi).*

Ta sẽ để tâm hồn mình theo cảm xúc và ta sẽ thấy những câu, những lời thấm nhẹ vào da thịt mình. Ở đó ta nhận ra tâm hồn đa cảm và tinh tế đến độ có thể thu nhận được sự thay đổi về độ ánh trăng, âm sắc của các loại lá khô rụng va vào đất của Thạch Lam đã đem đến cho độc giả những trang văn nhẹ nhàng giản dị nhưng đạt đến sự trong sáng thuần khiết của Tiếng Việt có khả năng diễn tả chính xác và đầy đủ những cung bậc đa dạng trong đời sống nội tâm của con

người. Chúng tôi xin mượn lời nhận xét của nhà văn Nguyễn Tuân- một người bạn của Thạch Lam đồng thời cũng là một cây bút có biệt tài về ngôn ngữ trong nền văn chương hiện đại Việt Nam - làm kết luận cho phần này: *Bằng sáng tác văn học, Thạch Lam đã làm cho tiếng nói Việt Nam gọn ghẽ đi, co duỗi thêm, mềm mại và tươi đậm hơn. Thạch Lam có đem sinh sắc vào tiếng ta và theo tôi nghĩ, đứng bên cái tiêu chuẩn thái độ, tư tưởng đó là tiêu chuẩn chung cho các thể, các ngành văn nghệ thì đây là cái chuẩn quan trọng- nó không là duy nhất để nhận định giá trị mà một nhà văn và đánh giá nhà văn đứng về nghề nghiệp chuyên môn mà bàn thì giá trị mà một nhà văn xuôi cụ thể còn là những công đức, lập ngôn của nhà văn đó mở mang thêm về vốn liếng dân tộc về tiếng nói được tới mức nào và đóng góp được phần sáng tạo của mình vào ngôn ngữ Việt Nam như thế nào (Thạch Lam về tác giả và tác phẩm- NXB Giáo dục)*

## 1.2. Giọng điệu truyện ngắn Thạch Lam.

Giọng điệu là một phạm trù thẩm mỹ của tác phẩm văn học. Giọng điệu thể hiện lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu của tác giả. Giống như ngôn ngữ giọng điệu có vai trò to lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và có tác dụng truyền cảm cho người đọc. Thiếu một giọng điệu nhất định, nhà văn chưa thể viết ra được tác phẩm mặc dù đã có đủ tài liệu và sắp xếp trong hệ thống nhân vật.

Hàn Mặc Tử có câu thơ: *Người thơ phong vận như thơ ấy*, và đọc truyện Thạch Lam ta thấy quả thật văn Thạch Lam mang cái phong vận, cốt cách của nhà văn. Nói như vậy đồng nghĩa với việc khẳng định cơ sở đầu tiên để tạo nên giọng văn của Thạch Lam chính là tâm tính của nhà văn. Giọng văn của Thạch Lam là điệu hồn, nét tính cách của ông. Một tâm hồn dịu dàng, nhân ái, biết cảm thông trước những số phận và những cảnh ngộ bất hạnh.

Ngoài ra quan niệm nghệ thuật của Thạch Lam cũng ảnh hưởng sâu sắc đến văn chương của ông. Đối với Thạch Lam mục đích của tác phẩm văn học trước hết là sự khám phá thế giới nội tâm, tâm hồn con người. Do đó, đọc truyện Thạch Lam ta không cảm thấy sự cuộn chảy sôi động, gấp gáp của cuộc sống đời thường. Có thể có những truyện miêu tả thành thực đời sống con người nhưng giọng điệu cơ bản của tác phẩm vẫn là điệu tâm hồn. Có lẽ vì thế, đọc văn Thạch Lam người ta không thể cất cao giọng bởi ngay từ những dòng đầu tiên của tác phẩm, Thạch Lam đã biết cách dẫn dắt người đọc đi vào thế giới nghệ thuật riêng với lối kể chuyện nhẹ nhàng, sâu lắng, thủ thỉ, tâm tình. Lối kể chuyện này được tạo nên trước hết ở những câu văn tràn đầy xúc cảm, ít mang tính triết lý, luận đề. Phải nói rằng truyện Thạch Lam rất ít triết lý. Mà nếu có triết lý thì triết lý thật nhẹ nhàng. Không phải là những triết lý nhân tình mang tính xã hội sâu sắc như Nam Cao mà nhiều khi đó chỉ là sự phát triển quá ngưỡng của cảm xúc hoặc là một sự chiêm nghiệm có tính cá nhân: *Sự giận dữ có thể sai khiến ta làm những việc nhỏ nhen không ai ngờ, cái kỉ niệm buồn rầu ấy cứ theo đuổi tôi mãi mãi đến tận bây giờ rõ rệt như các việc mới xảy ra hôm qua. Sự đó nhắc tôi thấy rằng người ta có thể tàn ác dễ dàng (Một cơn giận); Cuộc đời có nhiều cái chế giễu đáng cay và đau đớn làm cho chúng ta đột nhiên hiểu cái ý nghĩa chứa chất và sâu xa (Cái chân què), hay: Khi người ta được yên ấm trong một căn phòng nhà gạch chắc chắn không sợ mưa gió về phần mình thì người ta dễ có lòng thương đối với những người xấu số hơn (Tiếng chim kêu). Cách kể chuyện nhẹ nhàng thường được bắt đầu ở ngay những dòng đầu tiên với những chữ, những dòng tự nhiên bình dị. Ngay cả nhịp sống thực của tự nhiên của con người dường như cũng chuyển động chậm hơn quy luật vốn có của nó:*

*Chiều, chiều rồi, một buổi chiều êm ả như ru vắng vắng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào (Hai đứa trẻ), Thanh bước xuống giàn thiên lý. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ chống gậy trúc đi ngoài đường vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần (Dưới bóng Hoàng lan).* Những câu văn trên rõ ràng đã làm cho nhịp độ của đối tượng được miêu tả chậm lại. Nếu như tác giả chỉ viết: *Chiều rồi hay đã chiều rồi* thì tất cả sẽ bình thường. Những sự lặp lại hai lần từ *chiều* đã làm cho người ta có cảm giác chiều đến thật chậm chạp, thật thông thả cũng như trong *Dưới bóng hoàng lan* Thạch Lam chỉ viết *có tiếng người đi rồi bà chàng chống gậy trúc từ ngoài vườn vào* sẽ chẳng để lại dư ba cho câu văn. Việc thêm một ngữ tính từ *mái tóc bạc phơ* vào giữa câu văn làm cho mọi cái trở nên nhẹ nhàng hơn, chậm rãi hơn.

Lối kể chuyện độc đáo của Thạch Lam còn được bộc lộ rõ qua nhân vật người kể chuyện. Có thể nói, phần lớn nhân vật người kể chuyện trong sáng tác của nhà văn đều xung tôi... vì vậy, đọc truyện Thạch Lam nhiều khi ta có cảm tưởng mình đang được đối mặt, sẻ chia với nỗi niềm tâm sự của nhân vật đó. Điều này, có vai trò quan trọng tạo nên mối dây liên hệ giữa độc giả và tác phẩm. Cũng do lẽ đó mà truyện Thạch Lam là những lời thủ thi tâm tình và là một thứ văn chương có sức biểu cảm cao.

Giọng văn trầm lắng của Thạch Lam không chỉ biểu hiện qua lối kể chuyện mà còn bộc lộ trực tiếp qua hành động, tính cách của nhân vật. Nhân vật truyện ngắn Thạch Lam là những con người trầm lặng. Đó là những người sống thiên về nội tâm, cảm giác. Họ là những con người tâm hồn mà không phải là con người tính cách. Có phải chăng vì vậy mà tất cả suy nghĩ của họ đều đi vào nội cảm, những hành động của họ đều thông thả theo nhịp điệu của suy nghĩ. Nếu để ý kỹ một chút, khi tiếp xúc với tác phẩm của Thạch Lam người ta sẽ nhận thấy rằng: Thạch Lam rất hay sử dụng từ thông thả để thể hiện hành động nhân vật: *Tôi thông thả trở về nhà trong óc miên man nghĩ ngợi (Người bạn trẻ), Liên một mình thông thả bước đi (Một đời người), Thanh đi lại trên sân ga thông thả và lơ đãng (Cuốn sách bỏ quên), Chị Sen thông thả một lát rồi mới trả lời (Đứa con), Chiếc cặp cặp ở nách tôi thông thả theo con sông Cống, chạy khuất khúc lên giữa các đồi; chúng tôi ngồi thông thả nói dăm ba câu chuyện rời rạc, không có cảm tình gì (Nắng trong vườn), Thông thả và se sẽ, họ bắt đầu kể những câu chuyện về thân thể người thổi sáo (Tiếng sáo)...* Hành động nhân vật Thạch Lam không vội vàng, gấp gáp, dường như nó ngấm đầy cái phong cách ung dung tự tại của chính nhà văn. Nhiều khi cái giọng văn trầm lắng lại được tạo nên bởi những câu văn có nhiều thanh bằng đầy chất lan tỏa. Nếu thanh trắc chủ yếu sử dụng diễn tả trạng thái tình cảm rõ nét thì thanh bằng lại mang đến sự êm ả, nhẹ nhàng của những trạng thái mơ hồ, mờ ảo thiên về cảm giác. Sử dụng nhiều thanh bằng trong câu văn bao giờ cũng tạo nên một giọng văn êm ả, dễ đi vào lòng người và đầy dự báo. Ta hãy đọc lại một số câu văn của Thạch Lam:

*“Bóng trăng chéch soi tỏ vào trong buồng. Loan ngửi thấy cái mùi hương thơm ngoài vườn càng đậm thêm man mác. Loan càng yêu say sưa, sung sướng. Bóng tối dưới vòm cây thân mật như giục gọi; lối đi trong vườn quen thuộc giữa hai bên là lối đi nhỏ ẩm cúng vô cùng...”*

*Có vương trên bàn chân hơi lạnh lạnh vì sương (Bắt đầu) hay “Chiều, chiều rồi. một buổi chiều êm ả như ru vắng vắng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào” (Hai đứa trẻ).*

Ngoài ra, đối tượng miêu tả cũng chi phối khá lớn để tạo nên giọng điệu truyện ngắn Thạch Lam. Đặc trưng của ngòi bút Thạch Lam là viết về những cảnh đời đen tối, u sầu. Một bà mẹ nghèo và 11 đứa con trong con túng quẫn (*Nhà mẹ Lê*), một cô hàng xén một đời từ tuổi trẻ đến tuổi già toàn khó nhọc và *lo sợ ngày dật ngày kia như tấm vải thô sơ (Cô hàng xén)*, một chàng trai bị đuổi học, dặt dẹo vì ốm đau và phải giải quyết cuộc đời bằng cách tự tử (*Người bạn trẻ*), một cô gái đảm đang, chịu khó phải làm quần quật để nuôi chồng và gia đình nhà chồng mà cả đời phải sống với một ông chồng vũ phu và một người mẹ chồng cay nghiệt (*Một đời người*). Hai đứa trẻ trong tâm hồn chứa đầy mơ ước giản dị, hồn nhiên lại sống trong cuộc đời buồn tẻ, mờ tối (*Hai đứa trẻ*)...Do đó, cái giọng văn trầm lắng được tạo nên dường như cũng là điều dễ hiểu. Đúng là *sự thực của tâm hồn mà Thạch Lam diễn trong lời của văn chương nhiều hình vẻ nhưng bao giờ cũng đằm thắm cũng nhân hậu, cũng ghen ngào một chút lệ thầm kín của tình thương. Nếu Thạch Lam theo một chú ý nào đó trong công việc viết văn của anh thì chú ý ấy là diễn ra và gọi lên sự thương xót* (Thế Lữ). Và quả thực đọc truyện Thạch Lam hầu hết người ta đều cảm thấy một chút xót xa, cay đắng của kiếp người. Tuy nhiên ngay cả điều ấy cũng chỉ dừng lại ở mức độ bởi mặc dù viết về những kiếp người đen tối, u sầu song văn Thạch Lam không đen tối, u sầu mà vẫn tươi sáng, nhẹ nhàng. Văn có buồn nhưng đó là cái văn buồn dịu dàng, cái buồn dai dẳng, triền miên chung cho cả kiếp người. Nó không đến mức làm cho ta uất ức hay tuyệt vọng quá đáng như một số truyện ngắn của Nam Cao. Vì thế cái giọng văn trầm lắng, chậm buồn, không lẫn át cái giọng văn dịu dàng, nhẹ nhàng, trong sáng mà đan xen hòa quyện tạo thành giọng điệu đặc trưng khó có thể làm lẫn với ai. Cái đặc sắc cũng là cái làm nên phong cách Thạch Lam là ở chỗ đó. Bởi vậy, bên cạnh những trang văn đầy nỗi u hoài vẫn lấp lánh những trang văn đầy hương thơm và màu sắc.

Qua những điều đã phân tích ở trên, chúng ta có thể thấy rằng trong văn Thạch Lam có sự thống nhất cao giữa giọng điệu và cảm xúc. Mặc dù văn Thạch Lam buồn nhưng niềm yêu thương, trân trọng đối với con người, cảm thông trước số phận những con người nhỏ bé, hiền lành và bất hạnh làm cho giọng buồn của văn ông phập phồng hơi thở ấm áp của tình người. một giọng văn bình dị, tinh tế và đầy ưu ái, tràn ngập chất trữ tình.

*Văn là người* đó là một định nghĩa mãi được ta ghi nhận vì sự đúng đắn và chính xác của nó. Định nghĩa này đúng đắn ở hầu hết các phương diện nếu nghiên cứu ở Thạch Lam. Thực sự, không có tác phẩm nào của Thạch Lam lại không có rất nhiều Thạch Lam trong đó. Cái nhẹ nhàng, trầm tĩnh, cái kín đáo, sâu xa, cái phong thái ung dung đĩnh đạc và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, u hoài của Thạch Lam không chỉ ảnh hưởng tới quan niệm nghệ thuật, tới phương pháp tiếp cận cuộc sống, tới tính cách, hành động nhân vật mà nó còn ảnh hưởng trực tiếp, sâu sắc tới ngôn ngữ, giọng điệu văn chương. Một thứ ngôn ngữ và giọng điệu nhẹ nhàng, bình dị trong sáng nhưng đầy sức lan tỏa. Giọng văn trữ tình sâu lắng, phủ một chút buồn man mác, kết hợp với một thứ ngôn ngữ chính xác nhiều sức biểu cảm có khả năng diễn tả những điều *té vi nhất* trong tâm hồn con người làm cho văn Thạch Lam có chiều sâu vì sự cuốn hút kỳ lạ. Nhà văn Thế Uyên, cháu của Thạch Lam đã rất thành thật khi viết rằng: *Chính Thạch Lam mới là người viết hay hơn cả* (trong Tự lực Văn đoàn). Để có thành công ấy, có một phần đóng góp của *ngôn ngữ và giọng điệu* trong sáng tác của ông.

### **1. Phong cách nghệ thuật Nam Cao**

### **2.1. Nỗi đau khổ khôn nguôi trước tình trạng con người không giữ nổi nhân tính, nhân phẩm vì miếng cơm manh áo và chất “hèn” của thân phận nô lệ.**

Đây là nét nổi bật trong tư tưởng của Nam Cao. Ông hay băn khoăn về vấn đề nhân phẩm, về thái độ khinh trọng đối với con người. Nam Cao thường dễ bất bình trước tình trạng con người bị lãng nhục chỉ vì bị đẩy đọa vào cảnh nghèo đói cùng đường. Nhiều tác phẩm xuất sắc của ông đã trực diện đặt ra vấn đề này và ông đã đứng ra minh oan cho những con người bị miệt thị một cách bất công (*Một bữa no, Lang Rận, Chí Phèo...*). Khi giải quyết vấn đề này, Nam Cao thường phải đặt nhân vật của mình vào một tình thế cheo leo nơi ranh giới giữa con người và thú vật. Chí Phèo (*Chí Phèo*) bị rạch nát cả nhân hình, bị tước đoạt cả nhân tính, trở thành “con quỷ dữ của làng Vũ Đại”, tưởng chừng mang kiếp loài quỷ dữ đến khi từ già cõi đời. Nhưng bằng tình yêu chân thành, mộc mạc của Thị Nở, bằng lòng tốt bình thường của một con người không- bình - thường, Nam Cao đã để cho Chí trở về, với trọn vẹn bản chất lương thiện của một con người, dù kết cục bi thảm là không tránh khỏi. Hay như Thị Nở nếu không có bát cháo hành cùng sự chăm sóc rất giản dị “rất Thị Nở” mà cái hiệu quả đạt được thật lớn lao là làm thức tỉnh linh hồn người trong một con quỷ, thì có lẽ thị đã thực sự là một sản phẩm của chủ nghĩa tự nhiên- như một số ý kiến đánh giá khi Nam Cao miêu tả Thị xấu và hội tụ tất cả những gì là “phế thải” của xã hội như vậy. Ở đây, Nam Cao đã tự thử thách mình bằng cách buộc mình phải đi lại trên bờ vực thẳm: Trên là chủ nghĩa nhân đạo- dưới là thái độ nhục mạ con người, trên là chủ nghĩa hiện thực, dưới là chủ nghĩa tự nhiên. Bằng bút lực phi thường, Nam Cao đã đứng vững và chứng tỏ một tầm vóc tư tưởng lớn.

### **2.2. Đề tài hẹp, tư tưởng lớn và hai bình diện nội dung tác phẩm.**

Với tư tưởng nói trên, trong tác phẩm của Nam Cao thường có hai bình diện nội dung: Một là nội dung xã hội gắn liền với những chi tiết những nhân vật cụ thể, hai là những suy nghĩ tầm khái quát rộng lớn vượt rất xa ra ngoài những điều ông thuật kể. Vì thế, ở Nam Cao có hiện tượng đề tài hẹp mà tư tưởng rộng, chủ đề lớn.

Điều này có thể thấy rất rõ ở *Đời thừa*. Viết về một nhà văn nghèo (Đề tài trí thức tiểu tư sản) mà lý tưởng, tâm huyết, khát vọng vinh quang bị áo cơm ghi cho sát đất, toàn truyện hầu như chẳng có sự kiện gì quan trọng, kịch tính gì lớn lao. Chỉ toàn những chi tiết vặt vãnh về cuộc sống gia đình với cảnh nhà nghèo nhọc, những lo âu cơm áo gạo tiền triền miên dai dẳng... Thế nhưng vấn đề mà Nam Cao đặt ra qua nhân vật này lại là vấn đề nhức nhối của tầng lớp trí thức đương thời: Bị kịch *Đời thừa*: muốn làm một nhà văn chân chính, một con người chân chính mà do hoàn cảnh không sao thực hiện được, luôn đau đớn vì ý thức rõ sự trượt dốc thảm hại trong nhân cách của mình- bị kịch của những con người bị xói mòn nhân phẩm, trong một xã hội ngột ngạt phi nhân đạo. Phát hiện ra bị kịch ấy cũng như bị kịch không được làm người lương thiện của người nông dân trong tác phẩm *Chí Phèo*, Nam Cao càng chứng tỏ tầm vóc lớn của ông trong những đề tài mà sự thành công của nhiều nhà văn đi trước tưởng đã không còn mảnh đất nào cho ông khai thác.

### **2.3. Nhà văn hiện thực tâm lý.**

Ở cây bút phân tích tâm lý Nam Cao, nội tâm nhân vật thường được chú trọng nhiều hơn là ngoại hình nhân vật (trừ những trường hợp có dụng ý đặc biệt như Thị Nở). Tài hoa của ông thể hiện và phát huy đầy đủ hơn khi ông đi vào những quá trình tâm lý phức tạp, những tính cách



lưỡng hóa, những trạng thái lưỡng phân, nỗi đau dằn vặt, sự xấu hổ nhục nhã, niềm sung sướng trong khoái cảm thẩm mỹ văn chương, cái rĩ buồn bất lực, sự ăn năn đầy khổ đau của nhà văn Hộ (*Đời Thừa*) khi thấy mình phản bội lại lý tưởng, lương tâm lẽ sống cao đẹp của chính mình, ý thức được mình đang bị tha hóa mà không thể dừng- toàn bộ cái quá trình tâm lý phức tạp thể hiện bi kịch tinh thần đau đớn của người trí thức có lẽ chưa từng được nhà văn nào miêu tả một cách đầy đủ và chân thực sâu sắc đến thế. Cũng như vậy, ở nhân vật Chí Phèo, người nông dân đã bị đẩy đến tận cùng của sự xấu xa, Nam Cao phát hiện ra sự thức tỉnh của Chí, mô tả nó một cách thuyết phục. Từ tỉnh rượu đến tỉnh ngộ, nhìn rõ toàn bộ cuộc đời mình từ quá khứ cho đến hiện tại và cả tương lai, cùng những cảm xúc rất người của nhân vật (bâng khuâng trước những âm thanh cuộc sống, buồn đến có thể khóc khi thấy mình cô độc, trơ trọi lúc ốm đau, cảm động trước sự chăm sóc ân tình của một người đàn bà, mong ước trở lại với cuộc sống lương thiện...) đã làm rung động mãnh liệt người đọc. Nếu so sánh với nhiều cây bút hiện thực 1930-1945 ít chú ý đến tinh thần bên trong của người lao động, vì họ cho rằng nghèo nàn, đơn điệu thậm chí không đáng miêu tả, thì có thể nói Nam Cao, khi đem đến cho người đọc thế giới tinh thần của những con người dưới đáy như Chí Phèo, đã không những thể hiện một năng lực tâm lý sắc sảo, mà còn cho thấy tư tưởng nhân đạo mới mẻ, sâu sắc và đáng quý của nhà văn. **2.4. Nghệ thuật trần thuật nhiều giọng điệu.**

Chính vì am hiểu sâu sắc tâm lý con người như vậy mà Nam Cao có cách trần thuật rất biến hóa, với nhiều giọng điệu phong phú khác nhau. Ông có thể trần thuật dịch chuyển từ nhân vật này sang nhân vật khác một cách tự nhiên, nhập thẳng vào nhân vật mà dẫn dắt mạch tự sự theo dòng độc thoại nội tâm. Chỉ một đoạn mở đầu miêu tả tiếng chửi của Chí Phèo, mà có bao nhiêu giọng: Giọng của nhân vật chính (Chí Phèo), nhân vật phụ (dân làng Vũ Đại), giọng của người kể chuyện... Hay như khi ghi lại cuộc đấu tranh nội tâm nghiêm khắc của nhà văn Hộ trong *Đời thừa*

Những dòng độc thoại nội tâm của nhân vật đã chuyển tải đến người đọc tất cả những diễn biến tâm lý phức tạp của nhân vật. Đồng thời, lối kể chuyện biến hóa theo quan điểm của nhân vật như thế tạo ra ở nhiều tác phẩm của Nam Cao một kết cấu bề ngoài có vẻ phóng túng, tùy tiện mà thực tế hết sức chặt chẽ, không thể nào phá vỡ nổi (**Chí Phèo, Đời thừa...**)

Có thể gặp trong sáng tác của Nam Cao hai giọng chính: giọng khách quan vô cảm và giọng trữ tình tha thiết. Giọng khách quan khi kể chuyện nghe có vẻ lạnh lùng, với những đại từ nhân xưng có sắc thái dửng dưng hay khinh bạc; còn giọng trữ tình tha thiết khi nói đến những cảnh ngộ, những tâm sự... của nhân vật, thường mở đầu bằng những thán từ như “chao ôi”, “hỡi ôi”... Hai giọng văn đối lập nhau, chuyển hóa qua lại, tạo nên sự thú vị, lôi cuốn.

Cùng với giọng điệu đa thanh đó, cách sử dụng ngôn ngữ của Nam Cao cũng hết sức chính xác, tinh luyện, đặc biệt là khẩu ngữ. Điều này góp phần tạo nên sự sống động cho nhân vật, cho sức hấp dẫn độc đáo trong tác phẩm của nhà văn.

### **3. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân**

**Nguyễn Tuân là một nhà văn có phong cách độc đáo và tài hoa.**

#### **3.1. Cái ông vừa cổ điển vừa hiện đại.**

Hạt nhân của phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân có thể gói gọn trong một chữ *Ngông*. Ngông là thái độ ngạo đời, khinh đời dựa trên tài hoa, sự uyên bác và nhân cách hơn đời của

mình. Ở Nguyễn Tuân, cái công vừa mang màu sắc cổ điển vừa mang màu sắc hiện đại. Nó kế thừa truyền thống tài hoa bất đắc chí của Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tản Đà và người cha của ông (cụ Tú Lan); đồng thời lại tiếp thu triết lý siêu nhiên của Nitsơ, quan niệm của con người cao đẳng của Gidơ và những tư tưởng cá nhân nổi loạn của văn học tư sản phương Tây.

Cái công của Nguyễn Tuân là sự chống trả mọi nề nếp, phép tắc, mọi thứ “đạo lý” thông thường của xã hội bằng cách làm ngược lại so với thái độ ngạo đời. Nhu cầu ấy buộc ông đẩy mọi thứ thông thường tới cực đoan, mà bao trùm lên tất cả là chủ nghĩa độc đáo (ông luôn muốn là một *nguyên đảo* không có bản sao).

Nguyễn Tuân là một trí thức giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, thức cá nhân phát triển rất cao, rất mực tài hoa và biết quý trọng thật sự nghề nghiệp của mình. Cho nên, nội dung tâm lý của cái công trước CM tháng Tám căn bản là chủ nghĩa cá nhân bế tắc và thiên lương của một trí thức yêu nước, biết trọng nhân cách muốn tách mình ra và đặt mình lên cái xã hội của những kẻ thỏa mãn với thân phận nô lệ. Sau Cách mạng, cái công không còn lí do tồn tại nữa, vì cái tôi của Nguyễn Tuân không còn lí do để đối lập và gây sự với xã hội đã đổi mới giọng khinh bạc thành vũ khí lợi hại để tấn công vào kẻ thù của dân tộc và những hiện tượng tiêu cực còn tồn tại trong xã hội mới.

### **3.2. Một ngòi bút tài hoa uyên bác: tiếp cận thế giới nghiêng về phương diện văn hóa nghệ thuật; tiếp cận con người nghiêng về phương diện tài hoa nghệ sĩ**

Điều dễ nhận thấy trong tác phẩm của Nguyễn Tuân là nhân vật thường là những con người tài hoa tài tử. Trước cách mạng, đó là những hóa thân khác nhau của anh chàng Nguyễn “*con người sinh ra để mà thờ nghệ thuật với hai chữ viết hoa*”: ông Nghè, ông Cử trong ***Vang bóng một thời***, ông Thông Phủ, cô đào Tâm (***Chiếc lư đồng mắt cua***), đặc biệt là ông Huân Cao có tài viết chữ nổi danh tỉnh Sơn, chữ “*đẹp lắm, vuông lắm*”, nét chữ “*nói lên cái hoài bão tung hoành của một đời con người*”... (***Chữ người tử tù***).

Sau cách mạng, những tài hoa tài tử ấy là nhân dân, như anh bộ đội chống Pháp (***Tình chiến dịch***) trên chiến trường tây bắc ngụy trang bằng hoa đào, đuôi giặc trong rừng đào, hay những pháo thủ thủ đô thời chống Mỹ, trong chiến đấu vẫn hào hoa thanh lịch (***Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi***), là cô lái đò, là ông lái đò Tây Bắc... những con người lao động bình thường, với những công việc lao động bình thường, nhưng thực sự tài hoa nghệ sĩ trong công việc của họ. Xứng tầm với con sông Đà hung bạo và trữ tình phải là ông lái đò (***Người lái đò sông Đà***) tuyệt vời trí dũng, *tay lái ra hoa*, suốt mấy chục năm vượt thác sông Đà, hàng ngày đối mặt với những hiểm nguy nơi *kẻ thù số một* của con người, chiến đấu và chiến thắng nó nhưng luôn bình thản, thấy “*không có gì là hồi hộp đáng nhớ*” lúc ngừng chèo.

Cùng với cách tiếp cận con người nghiêng về phương diện tài hoa nghệ sĩ là cách tiếp cận thế giới nghiêng về phương diện văn hóa nghệ thuật. Nguyễn Tuân nhìn sự vật ở mặt mỹ thuật của nó, tìm cho ra những gì nên họa, nên thơ. Đồng thời, mỗi điểm quan sát phải là một đối tượng khảo cứu đến kỳ cùng, với lối viết tập trung vào một điểm và vận dụng một cách tổng hợp kiến thức, cách khảo sát của nhiều ngành văn hóa, khoa học khác nhau để đào sâu đến tận cùng. Đọc ***Người lái đò sông Đà*** của ông, người đọc được thấy tất cả những gì hùng vĩ, dữ dội, hiểm nguy, cũng như vẻ đẹp nên thơ của nó. Nhưng Nguyễn Tuân không chỉ miêu tả Sông Đà như một con sông thông thường, mà với ông, nó thực sự là một sinh thể có tính cách (*hung bạo và*

trữ tình), ông gọi nó là *kẻ thù số một* của con người, là *cố nhân*, ông thấy ở Sông Đà vẻ đẹp của một mỹ nhân, *một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa...* Với những trang viết ngôn ngữ chất sống, đầy ắp những tri thức nhiều mặt, tác phẩm thực sự vừa là một công trình khảo cứu công phu về con sông Đà, vừa là một áng văn tuyệt bút về vẻ đẹp vàng mười của cảnh vật và con người Tây Bắc.

### **3.3. Quan niệm cái đẹp phải độc đáo, khác thường, đập mạnh vào giác quan người nghệ sĩ.**

Nguyễn Tuân là con người thích xô dịch, ông thích đi để *“thay đổi thực đơn cho giác quan”*. Nhưng phải là mới lạ, bất ngờ, mãnh liệt. Ông không ưa chung chung, nhạt nhạt, bằng phẳng khuôn phép, yên ổn, đơn điệu. Với Nguyễn Tuân, đã yêu phải mê đắm, đã ghét phải căm thù, đã đẹp phải tuyệt mỹ, đã tài phải tuyệt đỉnh... Cái đẹp, từ thiên nhiên đến con người, phải luôn độc đáo: Tài viết chữ đẹp của Huân Cao phải khiến cho ai có được chữ của ông như có *“vật báu trên đời”*; hay như ông lái đò trên Sông Đà, *“tay lái ra hoa”*, vượt thác mà như lao vào chiến đấu đầy dũng mãnh giữa thạch trận; và vẻ đẹp của con sông Đà càng phải dữ dội đến tột bậc hiểm nguy, trữ tình đến tuyệt vời thơ mộng... Có thể thấy rõ thêm điều đó qua những trang văn tả cảnh Cô Tô, công trời Hà Giang... trong những bài kí khác của Nguyễn Tuân.

### **3.4. Thể văn sở trường của Nguyễn Tuân là tùy bút**

Thể tài tùy bút với tính chất chủ quan, tự do như là một sự tìm đến tất yếu của cá tính và phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân.

Tùy bút thường mượn lại việc thuật lại một sự kiện, một mẩu chuyện nào đó mà người viết có thể trải qua để nhân đó nêu những vấn đề này khác mà bàn bạc, nghị luận, triết luận, ném ra những suy tưởng của mình một cách thoải mái, phóng túng. Vẫn mang đặc điểm chung ấy, song tùy bút của Nguyễn Tuân lại có những màu sắc riêng độc đáo. Có thể thấy ở tùy bút của ông một vài đặc điểm chính sau:

- Tùy bút có nhiều yếu tố truyện: Dùng nhiều trí tưởng tượng để dựng cảnh, dựng truyện và mô tả tâm lý, khắc họa tính cách nhân vật đến một chừng mực nào đó.

- Tùy bút mang đậm tính chất kí: Ghi chép sự thật và thông tin thời sự chính xác.

- Tùy bút giàu tính trữ tình: Thể hiện qua cái tôi có duyên mặn mà, luôn đem đến điều bổ ích mới mẻ; cách nhìn đời thông minh, hóm hỉnh đi đôi với tài ngôn luận hoạt bát, mặn mà, nhiều khi trẻ trung.

- Tùy bút hết sức tự do: Mạch văn theo dòng suy nghĩ miên man, dòng trí nhớ tài tử mà liên tưởng, tạt ngang bất chấp trình tự thông thường của thời gian. Lối hành văn, dẫn truyện của Nguyễn Tuân linh hoạt, không đơn điệu tẻ nhạt, lượng thông tin phong phú, hình tượng đa dạng (Tất cả những đặc điểm trên có thể thấy rất rõ trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*).

- \* Đóng góp lớn của Nguyễn Tuân về mặt ngôn ngữ:

- Vốn từ vựng giàu có, đầy giá trị tạo hình, cách dùng từ đạt tới “năng suất cao” với nhiều sáng tạo độc đáo.

- Dùng nhiều ví von, so sánh, ẩn dụ, hoán dụ, tượng trưng.

- Câu văn có nhiều kiến trúc đa dạng, có nhịp điệu trầm bổng, biết “co duỗi” nhịp nhàng...

## **4. Phong cách nhà văn Tô Hoài**

### **a. Không gian nghệ thuật và đối tượng khám phá, thể hiện rất tập trung.**

Tác phẩm của Tô Hoài viết chủ yếu về hai địa bàn: vùng ngoại thành Hà Nội và miền núi Tây Bắc. Đối tượng được Tô Hoài khai thác nhiều nhất, thành công nhất trong tác phẩm của ông là cuộc sống của người lao động đói nghèo ở ngoại thành Hà Nội và miền núi Tây Bắc.

Bên cạnh đó, Tô Hoài là một trong số ít nhà văn Việt Nam có sở trường viết truyện về loài vật. Thế giới loài vật phong phú, đa dạng được nhân hóa xuất hiện trong tác phẩm của ông luôn có sức hấp dẫn đối với người đọc, giúp họ nhận ra sự sinh tồn tự nhiên của xã hội loài vật đó. Có thể nói, những tác phẩm tiêu biểu nhất trên con đường văn chương của Tô Hoài cũng không nằm ngoài không gian nghệ thuật và đối tượng khám phá, thể hiện nói trên.

#### **a. Lối viết đậm đà màu sắc dân tộc**

Đặc điểm phong cách nghệ thuật này của Tô Hoài được biểu hiện cụ thể ở các điểm sau:

- Cách đặt tên cho tác phẩm của Tô Hoài có khi được xuất phát từ thành ngữ dân gian:

“***Đất khách, quê người***”; “***Hoa đồng cỏ dai***”; “***Giăng thẻ còn đó trơ trơ***”.

- Cách kể chuyện, dẫn truyện của Tô Hoài có sức lôi cuốn, hấp dẫn người đọc, biểu hiện rõ ở tác phẩm ***Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ, Dế Mèn phiêu lưu kí***.

- Tô Hoài thường đi vào khám phá và thể hiện truyền thống nhân nghĩa của con người Việt Nam như : trọng nghĩa khinh tài, khí tiết, thủy chung,...

- Tô Hoài khai thác đề tài lịch sử để ngợi ca phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam, tiêu biểu là tác phẩm ***Đảo hoang, Chuyện ông Gióng***.

#### **c. Cách quan sát thông minh hóm hỉnh và rất tinh tế.**

Cách quan sát thông minh hóm hỉnh và rất tinh tế là khả năng nổi trội của Tô Hoài trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Khả năng này của ông được biểu hiện rõ ngay từ trước cách mạng qua những truyện viết về loài vật. Càng về sau càng được phát huy ở nhiều tác phẩm khác.

Những trang văn của Tô Hoài khi miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, phong tục tập quán, lễ hội ở vùng ngoại thành Hà Nội và vùng núi Tây Bắc đều để lại cho người đọc ấn tượng sâu bền, cũng như luôn mang đến cho họ nguồn tư liệu rất phong phú về lịch sử, địa lí và đời sống văn hóa tinh thần của dân tộc. Đặc biệt, khi miêu tả ngoại hình và diễn biến tâm lí của nhân vật, Tô Hoài đã chọn lựa những chi tiết độc đáo có sức gợi cảm nhằm tác động mãnh liệt đến tình cảm nhận thức của người đọc về thân phận của nhân vật. Nhà văn còn sử dụng yếu tố ngoại cảnh để góp phần làm nổi bật hơn nội tâm của nhân vật trong từng hoàn cảnh, tình huống cụ thể. Chính vì thế, các nhân vật trong tác phẩm của Tô Hoài thường mang nét riêng và gợi cho người đọc biết bao điều suy ngẫm.

#### **d. Đặc sắc trong cách sử dụng ngôn ngữ**

Ngôn ngữ trong tác phẩm của Tô Hoài là ngôn ngữ xuất phát từ đời sống quần chúng. Tô Hoài quan niệm đó là kho của cái vô giá và ông đã biết cách chọn lựa, nâng cao và nghệ thuật hóa trong các sáng tác của mình để tăng thêm giá trị của nó. Ông khẳng định: “Mỗi chữ phải là một hạt ngọc buông xuống những trang bản thảo, hạt ngọc mới nhất của mình tìm được, do phong cách văn chương của mình mà có”...“Câu nói là bộ mặt của ý. Ý không bao giờ lặp lại, cũng như cuộc sống không bao giờ trở lại giống nhau như đúc thì lời văn cũng phải thế”(Sổ tay viết văn).

Với sự nhận thức trên, Tô Hoài đã luôn trau dồi học hỏi ngôn ngữ trong cuộc sống đời thường của nhân dân ở làng quê ngoại thành Hà Nội và cả ở miền núi Tây Bắc. Ở từng vùng đất, từng đối tượng, từng loại nhân vật, ông đều có cách sử dụng ngôn ngữ thích ứng với đặc điểm của nó. Mặt khác, ông còn sử dụng thành công những từ ngữ giàu sức tạo hình, từ chỉ màu sắc,

từ địa phương,... Điều đó tạo cho tác phẩm của ông vừa có vẻ đẹp giản dị, vừa không kém phần kì thú.

**Kết luận chung:** “Dao có mài mới sắc”, với sự cần mẫn, bền bỉ, dẻo dai, không ngừng học hỏi, tích lũy, tự vượt mình để sáng tạo đó chính là điều làm nên bản lĩnh và tài năng nghệ thuật của Tô Hoài. Với những thành tựu to lớn đã đạt được sau hơn nửa thế kỉ sáng tạo nghệ thuật, Tô Hoài xứng đáng là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại, là tấm gương lao động nghệ thuật cho văn nghệ sĩ noi theo.

Người đọc trước đây, hiện nay và mai sau có lẽ không thể quên được những đóng góp độc đáo, đặc sắc của Tô Hoài đối với nền văn chương dân tộc.

## B. CÁC TÁC PHẨM THƠ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

### Bài 1: TÂY TIẾN - *Quang Dũng* -

#### I. CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG.

##### 1. Kiến thức :

- Cảm nhận được vẻ đẹp hào hùng, hào hoa, sự hi sinh bi tráng của người lính Tây Tiến và vẻ đẹp hùng vĩ thơ mộng của thiên nhiên miền Tây hiện lên trong nỗi nhớ của nhân vật trữ tình.

- Thấy được nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ : Bút pháp lãng mạn trên cơ sở hiện thực, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ, giọng điệu.

##### 2. Kĩ năng :

- Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm văn học qua hình tượng nghệ thuật và qua ngôn ngữ thơ ca.

- Biết vận dụng kiến thức về tác phẩm để làm tốt kiểu bài nghị luận văn học.

#### II. KIẾN THỨC CƠ BẢN :

##### 1. Tác giả *Quang Dũng*

- Sinh, mất: 1921 – 1988

- Tên thật: Bùi Đình Diệm

- Quê: Đan Phượng, nhưng sống nhiều ở Hà Nội tạo nên hồn thơ lãng mạn, bay bổng của *Quang Dũng*

- Là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, vẽ tranh, viết nhạc

- Đặc điểm thơ *Quang Dũng*: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, mang vẻ đẹp hào hoa, phóng khoáng, đậm chất lãng mạn.

##### 2. Bài thơ *Tây Tiến*

**a. Hoàn cảnh ra đời:** viết năm 1948, in trong tập *Mây đầu ô* (1986).

- *Tây Tiến* là một đơn vị quân đội được thành lập năm 1947

- *Quang Dũng* là đại đội trưởng của *Tây Tiến* từ đầu năm 1947 đến cuối năm 1948 thì chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ, tại làng Phù Lưu Chanh, ông đã viết bài thơ này.

**b. Nội dung chính:** bao trùm là nỗi nhớ *Tây Tiến*. Qua đó, tái hiện:

- Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên miền Tây:

+ Hùng vĩ, dữ dội khác thường

- + Mĩ lệ, thơ mộng tuyệt vời
- Vẻ đẹp của người lính Tây Tiến:
- + Hào hùng, bi tráng
- + Hào hoa, lãng mạn

**c. Đặc sắc nghệ thuật:**

- Bút pháp lãng mạn trên cơ sở hiện thực
- Hình ảnh thơ khá đa dạng và được sáng tạo bằng nhiều bút pháp khác nhau.
- Ngôn ngữ
- + Có những kết hợp từ độc đáo mới lạ
- + Sử dụng những địa danh cụ thể xác thực
- Giọng điệu phong phú, phù hợp với mỗi trạng thái cảm xúc .

**d. Bố cục:** 4 đoạn

\* **Đoạn 1:** nhớ về những chặng đường hành quân đầy gian lao, thử thách

+ Nội dung:

- . Vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội, hoang vu, bí ẩn của thiên nhiên miền Tây .
- . Hình tượng người lính Tây Tiến với những chặng đường hành quân gian khổ.
- + Nghệ thuật: nét vẽ chắc khỏe, táo bạo, gân guốc; từ ngữ giàu chất tạo hình...

\* **Đoạn 2:** nhớ những kỉ niệm ấm áp tình người, tình quân dân thắm thiết

+ Nội dung:

- . Vẻ đẹp mĩ lệ, duyên dáng, thơ mộng của Tây Bắc
- . Vẻ đẹp tâm hồn lãng mạn của người lính Tây Tiến
- + Nghệ thuật: nét vẽ mềm mại, tinh tế, đầy tài hoa

\* **Đoạn 3:** Nhớ về những đồng đội đã hi sinh anh dũng

+ Nội dung: trực tiếp khắc họa hình tượng người lính Tây Tiến:

- . Ngoại hình độc đáo, kì lạ
- . Tâm hồn lãng mạn, mộng mơ
- . Sự hi sinh vì lí tưởng cao đẹp

+ Nghệ thuật: trên cơ sở hiện thực mà lãng mạn hóa hiện thực; sử dụng bút pháp đối lập tương phản để làm nổi bật tính chất phi thường, vẻ đẹp lí tưởng của người lính.

\* **Đoạn 4:** Kết

**III. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI.**

**1. Bài tập:**

**Đề 1:** Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng):

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!  
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi .  
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi  
Mường Lát hoa về trong đêm hơi*

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm  
Heo hút cồn mây súng ngửi trời  
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống  
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi  
Anh bạn dãi dầu không bước nữa  
Gục lên súng mũ bỏ quên đời!  
Chiều chiều oai linh thác gầm thét  
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người  
Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói  
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*

**Đề 2:** Chân dung người lính Tây Tiến trong bài thơ.

## **2. Hướng dẫn giải:**

### **Đề 1**

#### **a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

Quang Dũng là nhà thơ quân đội tài hoa. Thơ ông thể hiện một cái tôi hào hoa, thanh lịch, giàu chất lãng mạn, có khả năng diễn tả tinh tế vẻ đẹp của thiên nhiên và tình người. **Tây Tiến** là bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ ấy của Quang Dũng, được viết vào cuối năm 1948 ở làng Phù Lưu Chanh sau khi ông chuyển sang đơn vị khác và nhớ về đoàn quân Tây Tiến ngày nào.

- Nêu vị trí và nội dung đoạn trích:

Đây là đoạn đầu của tác phẩm, tái hiện bức tranh hùng vĩ và thơ mộng của núi rừng Tây Bắc. Cảnh thơ không chỉ nói lên những vất vả, khó khăn trong chặng đường hành quân mà còn diễn tả được vẻ hào hùng và tinh thần lãng mạn của người lính Tây Tiến.

#### **b. Thân bài:**

\* 4 câu thơ đầu: đã là nỗi nhớ da diết, *chơi vơi*

- Nỗi nhớ bật lên thành tiếng gọi: gọi Tây Tiến, gọi rừng núi hay chính là gọi lòng mình, gọi một vùng kỉ niệm trong tâm tưởng. Từ láy *chơi vơi* vừa gọi hình vừa gọi cảm, nó khiến cho nỗi nhớ như có hình dáng trở nên bồng bềnh trong không gian, thời gian. Đó là nỗi nhớ xa vơi, mệnh mang mà da diết.

- Nỗi nhớ đã gọi về một loạt những địa danh: *sông Mã, Sài Khao, Mường Lát...* Tác giả sử dụng nét bút thoáng nhẹ nhưng vẫn khắc họa được sự hùng vĩ, hiểm trở, heo hút của núi rừng Tây Bắc. Hình ảnh thơ hiện thực mà lãng mạn.

\* 4 câu thơ tiếp được xem là 4 câu tuyệt bút, kết hợp hài hòa tới mức tuyệt diệu giữa thanh điệu, nhịp điệu, đường nét, hình ảnh; dựng lên một bức tranh hùng vĩ, dữ dội về thiên nhiên Tây Bắc

- Những từ ngữ giàu chất tạo hình; cách ngắt nhịp độc đáo và lối tiểu đối của các câu thơ đã diễn tả thật đặc địa sự trùng điệp, hiểm trở của núi đèo Tây Bắc và những thử thách khắc nghiệt của chặng đường hành quân.

- Thanh điệu và nhịp điệu của các câu thơ cũng có tác dụng gọi lên hình ảnh. Ba câu trước gập gềnh những thanh trắc gọi lên độ cao ngất trời của núi rừng Tây Bắc và sự vất vả lên

cao rồi xuống sâu của người lính. Họ như đi trên mây, trèo lên lưng mây, mũi súng chạm tới đỉnh trời. *Súng người trời* là cách nói vui, dí dỏm về cách đo chiều cao riêng của người lính Tây Tiến hồn nhiên, tinh nghịch, táo bạo. Đan xen những câu thơ nhiều thanh trắc là một câu thơ toàn thanh bằng thể hiện cảm xúc da diết của người lính khi họ dừng chân nơi lưng đèo, phóng tầm mắt ra xa để cảm nhận vẻ đẹp của nhà ai đó đang bông bênh trong mưa rừng, sương núi.

\* 6 câu thơ cuối của đoạn trích tiếp tục tô đậm vẻ hoang dại, dữ dội, chứa đầy bí mật ghê gớm của rừng thiêng; tô đậm những thử thách của chặng đường hành quân.

- Giữa chặng đường hành quân, nhà thơ cảm nhận được vẻ đẹp thanh thân trong gian khổ, hi sinh: *Anh bạn dãi dàu..*. Câu thơ có hai cách hiểu: hoặc là nói về giấc ngủ trong giây lát để bớt đi phần mệt mỏi hoặc là giấc ngủ ngàn thu, sự ra đi vĩnh viễn của người lính. Song dù hiểu theo cách nào thì vẫn ngợi lên vẻ đẹp của người chiến binh Tây Tiến. Cách nói gục lên súng mũ bỏ quên đời thể hiện thái độ kiêu dũng, ngang tàng của người lính trẻ.

- Sự dữ dội, hoang vu của núi rừng Tây Bắc không chỉ mở ra theo chiều không gian mà còn được cảm nhận theo chiều thời gian: *Chiều chiều oai linh...* Người lính phải đối mặt với những hiểm nguy, với cả cái chết đang rình rập. Nhưng tiếng thác gầm thét, tiếng cộp dọ người không làm ai nản lòng; trái lại vượt qua thử thách người chiến sĩ vẫn tiếp tục đi tới.

- Đoạn thơ kết thúc đột ngột như mở ra một thế giới khác hẳn: *Nhớ ôi Tây Tiến...* Không phải là cảnh rừng hoang vu, lạnh lẽo mà là cảnh sinh hoạt âm áp tình quân dân, cảnh bản làng với những nét bình lặng mà âm cúng, nên thơ.

### **c. Kết bài:**

Đoạn thơ đã kết tinh được hai nét nổi bật của bài *Tây Tiến* là cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng. Lãng mạn trong hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội khác thường mà vẫn mang vẻ đẹp mỹ lệ, thơ mộng. Lãng mạn và bi tráng trong hình tượng người lính giữa gian khổ, hi sinh mà vẫn mang vẻ đẹp thanh thân. Thơ Quang Dũng rất giàu chất nhạc và chất họa.

**ĐỀ 2:** Cảm nhận đoạn thơ:

*“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa...  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”*

### **a. Mở bài:**

- Giới thiệu về tác giả: Tên tuổi của ông gắn liền với bài thơ *Tây Tiến*.

- Giới thiệu nội dung bao trùm bài thơ và đoạn trích: Bài thơ được viết năm 1948 khi Quang Dũng rời xa đơn vị Tây Tiến nhưng những kỉ niệm vẫn còn in đậm trong tâm trí nhà thơ. Nội dung bao trùm bài thơ là nỗi nhớ của nhà thơ về đơn vị cũ của mình. Theo dòng chảy của nỗi nhớ, những kỉ niệm của đơn vị cũ lần lượt hiện về trong tâm hồn nhà thơ nhưng có một kỉ niệm thật đáng nhớ đó là kỉ niệm của một đêm lửa trại thắm tình quân dân và cuộc chia tay trong một khung cảnh thiên nhiên thơ mộng huyền ảo. (Trích thơ)

### **b. Thân bài:**

\* **Cảnh đêm liên hoan văn nghệ (4 câu đầu)**

- Những chiến sĩ Tây Tiến vốn là những chàng trai hào hoa, lãng mạn, họ ra chiến trường, bước vào cuộc chiến đấu không chỉ có gươm súng mà còn có cả nhu cầu văn hoá tinh thần. Sau những chặng đường gian khổ họ dừng chân tại một bản làng và được sống trong không khí vui vẻ, tưng bừng của những đêm liên hoan văn nghệ có cả đồng bào địa phương đến góp vui.



- Với bốn dòng thơ, tác giả đã tái hiện một cách sinh động không khí đêm lửa trại- một đêm hội rực rỡ, tràn đầy ánh sáng, màu sắc và có cả âm thanh réo rắt của tiếng khèn.

+ Khi đêm liên hoan văn nghệ bắt đầu, cả doanh trại “*bùng lên*” tung bùng, bùng sáng lên trong ánh sáng của lửa đuốc. Hình ảnh “*đuốc hoa*” vừa có nghĩa thực: đốt đuốc để vui chơi nhưng cũng rất gợi cảm: giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn người lính rất lãng mạn, tinh nghịch, táo bạo. Dưới con mắt của người lính Tây Tiến đêm liên hoan văn nghệ không chỉ giống như đêm hội hoa đăng mà còn như một lễ cưới

+ Nổi bật lên trong đêm hội ấy là hình ảnh “em” – người thiếu nữ TB với vẻ đẹp vừa rực rỡ, lộng lẫy trong những bộ trang phục miền núi. Dường như đến với đêm hội này các cô đã có sự chuẩn bị hết sức chu đáo tự rất lâu “*Tự bao giờ*” (vừa là hỏi nhưng mang ý nghĩa khẳng định); các cô vừa duyên dáng, tình tứ trong điệu múa dân tộc, vẻ đẹp của các cô khiến các chàng trai Tây Tiến phải ngỡ ngàng. Hai chữ “*kìa em*” vừa như lời chào đón thân tình của các chàng trai Tây Tiến khi các cô gái đến, vừa như lời trầm trồ, thán phục, tiếng reo mừng biểu lộ sự vui sướng, ngạc nhiên của các chiến sĩ Tây Tiến trước vẻ đẹp của các cô gái.

+ Cùng với sự duyên dáng của các thiếu nữ là tiếng khèn, điệu múa xù lạ khiến người lính Tây Tiến có cảm giác tâm hồn bay bổng được về tới tận Viên Chăn để xây hồn thơ. Đọc đoạn thơ ta như đang thưởng thức một điệu nhạc, nhạc điệu ấy được cất lên từ chính tâm hồn người lính Tây Tiến (tâm hồn họ được xây đắp bằng nhạc, bằng hoa, bằng thơ) và từ âm thanh réo rắt của tiếng khèn. Trong ánh lửa đuốc lung linh, trong âm thanh réo rắt của tiếng khèn, tất cả cảnh vật, con người đều như nghiêng ngả, bốc men say, ngây ngất, rạo rực. Chính đêm liên hoan văn nghệ ấy là nguồn động lực để người lính Tây Tiến về Viên Chăn hoàn thành nhiệm vụ.

#### **\* *Cảnh sông nước miền Tây (4 câu cuối)***

- Nhưng cuộc vui nào cũng đến hồi kết thúc, cuộc gặp gỡ nào cũng đến lúc phải chia tay. Chia tay với Châu Mộc trong lòng người đi mang niềm nhớ thương da diết. Từ nỗi nhớ ấy, tác giả vẽ lên bức tranh sông nước miền Tây thơ mộng, huyền ảo với một buổi chiều giăng mắc đầy sương chứ không phải dữ dội bởi tiếng thác gầm thét; một buổi chiều tĩnh lặng mang đặc trưng riêng của núi rừng TB với không gian đôi bờ ngàn lau phơ phất, dòng sông như chảy từ thời tiền sử, đôi bờ hoang dại như mang nỗi niềm cổ tích ngàn xưa. Ngòi bút tài hoa của Quang Dũng không chỉ tả được cái mênh mông quanh vắng của cảnh sông nước một buổi chiều sương mà còn gợi lên được linh hồn của núi rừng miền Tây, gợi lên được cả hồn thiêng sông núi qua hình ảnh “*hồn lau*”.

- Nổi bật trên cảnh sông nước và ấn tượng nhất trong tâm hồn người lính Tây Tiến đó là hình ảnh - con người Tây Bắc (có thể là một cô gái Thái) duyên dáng trên con thuyền độc mộc và bông hoa vô tri vô giác kia được nhân hoá trở thành một sinh thể có hồn cũng biết “*đong đưa*” làm duyên làm dáng trên gương nước chòng chành. ở đây ta thấy có sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người, một dáng người, một dáng hoa, một dáng thuyền ... tất cả gợi lên một cảm giác nhẹ nhàng, thanh thoát càng làm cho cảnh TB thêm thơ mộng.

#### **\* *Khái quát vấn đề***

Nếu ở đoạn 1 với những nét bút chắc khoẻ, gân guốc, Quang Dũng đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên miền Tây với vẻ đẹp hùng vĩ, dữ dội thì ở đoạn này với nét vẽ mềm mại, tinh tế, tác giả vẽ lên một bức tranh khác của Tây Bắc với vẻ đẹp thơ mộng, huyền ảo như một bức tranh lụa

mượt mà. Đọc đoạn thơ ta như lạc vào một thế giới của cõi mơ, cõi âm nhạc. Chất thơ, nhạc, hoạ hoà quyện vào nhau tạo nên vẻ đẹp kì diệu. Quả thực đây là một đoạn thơ giàu chất nhạc, chất hoạ, chứng tỏ tài năng Quang Dũng - một nhà thơ, một hoạ sĩ, một nhà soạn nhạc - một nghệ sĩ tài năng.

### **c. Kết luận:**

Đoạn thơ là cảm xúc chân thành của nhà thơ vừa thể hiện niềm vui sướng, vừa thể hiện nỗi niềm nhớ thương da diết trong tâm hồn nhà thơ. Mặc dù xa đơn vị chưa được bao lâu, nhưng dường như những kỉ niệm ấy còn hằn sâu, tươi nguyên trong tâm trí nhà thơ. Có như vậy tác giả mới có thể vẽ lên được bức tranh đẹp kì diệu mang đặc trưng của núi rừng có sức lôi cuốn, hấp dẫn người đọc như vậy.

**ĐỀ 3:** Chân dung người lính Tây Tiến trong bài thơ.

#### **a. Mở bài**

Người lính - con người đẹp nhất của thời đại, người con trung hiếu của nhân dân. Điều này lí giải vì sao văn học giai đoạn 45 - 75 lại có nhiều tác phẩm viết về người lính đến vậy. Nhưng có lẽ ấn tượng sâu nhất trong lòng người đọc là hình tượng người lính trong kháng chiến chống Pháp ở bài thơ “*Tây Tiến*” của Quang Dũng. Bài thơ khắc hoạ thành công những con người cao đẹp ấy.

#### **b. Thân bài:**

##### **b.1. Giới thiệu chung:**

- “Tây Tiến” là tên của một đơn vị bộ đội được thành lập năm 1947, giữa những ngày đầu vô cùng gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Lính tây Tiến phần đông là những học sinh Hà Thành vừa “xếp bút nghiên lên đường chinh chiến”. Họ mang trong mình lý tưởng của Đảng, chút mộng mơ của thời cấp sách, sức mạnh của tuổi trẻ và chất con người HN vốn từ lâu nổi tiếng là thanh lịch, hào hoa. Đơn vị này hoạt động chủ yếu trên địa bàn núi rừng miền Tây Bắc sang tới Thượng Lào, có nhiệm vụ bảo vệ biên giới Việt – Lào và phối hợp với bộ đội Lào đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp. Sinh hoạt vô cùng thiếu thốn và gian khổ nhưng lính Tây Tiến vẫn phơi phới tinh thần lãng mạn anh hùng.

- Quang Dũng (1921 - 1988) quê ở Hà Tây, lúc ấy là một chàng trí thức trẻ HN. Người nghệ sĩ lãng mạn và tài hoa này đã có mặt trong đoàn quân Tây Tiến từ ngày đầu thành lập, là một đại đội trưởng ở đó đến cuối năm 1948 rồi chuyển sang đơn vị khác. Ông viết “Tây Tiến” ở Phù Lưu Chanh (Hà Đông cũ) trong nỗi nhớ và tình cảm đồng đội thôi thúc lúc Quang Dũng rời xa đơn vị chưa lâu.

- Từ thực tế chiến đấu gian khổ hi sinh, Quang Dũng đã phát hiện ra những gì cao đẹp nhất của người chiến sĩ - đồng đội thân yêu của mình với tất cả niềm tự hào. Ông viết về người lính không chỉ bằng trái tim mẫn cảm của nghệ sĩ, bằng tài năng của mình mà còn có cả tấm lòng mến thương, kính yêu và biết ơn đồng đội mình. Tất cả những điều đó đã tạo nên tính bất tử cho tác phẩm. Qua ngòi bút lãng mạn của Quang Dũng, người lính hiện lên có cái phi thường dữ dội, có cái thơ mộng hào hao, có cái kiêu hùng tráng sĩ, nhưng cũng có bụi ngùi cảm thương. Những nét vẽ, nét khắc về chân dung người lính thật đậm, thật sắc, đầy ấn tượng.

##### **b.2. Chân dung người lính**

**\* Sự gian khổ, can trường của người lính:**

- Các chiến sĩ Tây Tiến sống và chiến đấu trên một chiến trường vô cùng hiểm trở với núi cao, rừng rậm, thác lũ, mưa ngàn, thú dữ. Đó là một miền đất lạ, hoang vu, dữ dội, đầy thử thách:

*Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*

...

*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi...*

+ Con đường hành quân với những dốc đèo nối tiếp, khúc khủy, quanh co với bao thăm thẳm, gập ghềnh.

+ Đoàn quân đi trong mây, thấp thoáng ẩn hiện giữa những “heo hút cồn mây” trắng xóa, ngang tàng trong tư thế “súng gửi trời”. Họ phải vượt qua những tầm cao rợn ngợp: “ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống”.

Gian khổ như để thử thách lòng người, nâng cao bản lĩnh can trường các chiến binh Tây Tiến. Tư thế người lính sánh ngang với đất trời.

+ Trong màn mưa rừng trắng xóa, đứng trên tầm cao ngàn thước, người lính trẻ vui sướng thu vào tầm mắt vẻ đẹp hùng vĩ của núi rừng miền Tây, say sưa ngắm nhìn những bản Mường xa lạ.

- Những từ láy, những thanh trắc: *khúc khủy, thăm thẳm, heo hút*; những tiểu đối (*ngàn thước lên cao/ngàn thước xuống*); hình ảnh táo bạo (*súng gửi trời*) với câu thơ toàn thanh bằng (*Nhà ai ... xa khơi*) góp phần đặc tả vẻ đẹp ý chí và tâm hồn người chiến sĩ Tây Tiến: *lòng phơi phới, thânh thânh trong thử thách gian khổ*.

Ngòi bút của Quang Dũng thật khéo léo, tài tình: nói cái gian khổ để đề cao chiến thắng, nói cái bi nhưng là để cái tráng đẹp hơn lên.

**\* Diện mạo của người lính Tây Tiến thật khác thường:**

Trên cái nền hoang vu, hiểm trở và hùng vĩ của núi rừng miền Tây, các chiến sĩ Tây Tiến xuất hiện cũng thật oai phong, dữ dội khác thường:

*“Tây Tiến ...oai hùng”.*

Quang Dũng đã tập trung miêu tả hình dáng bề ngoài của những người lính Tây Tiến cùng đời sống chiến đấu gian khổ của họ:

Do nhiệm vụ của đơn vị mà họ phải hành quân và tác chiến trên một địa hình cực kì hiểm trở, trong một điều kiện trang bị vật chất hết sức thiếu thốn vì đây là giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp: áo mặc không đủ ấm, cơm ăn không đủ no, ốm đau không đủ thuốc thang...nhiều người lính đã ngã xuống dọc đường hành quân, còn lại đại bộ phận phải chịu cảnh sốt rét rừng đến xanh da rụng tóc. Điều này cũng từng được nói đến trong bài thơ “**Đồng chí**” của Chính Hữu:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi*

Có khi, căn bệnh sốt rét rừng lại hiện ra qua màu da vàng nghệ của anh vệ quốc quân:

*Giọt mồ hôi rơi*

*Trên má anh vàng nghệ*

*Anh vệ quốc quân ơi*

*Sao mà yêu anh thế (Cá nước - Tố Hữu)*

Quang Dũng không né tránh hiện thực. Bệnh tật khắc nghiệt đã biến những người lính Tây Tiến thành những anh “vệ trọc” gầy yếu, xanh xao. Đó là hình ảnh rất thực của các chiến sĩ Tây Tiến. Nhưng Quang Dũng không miêu tả một cách trần trụi mà được nhìn qua cảm hứng lãng mạn. Trong cái nhìn của Quang Dũng dường như họ không thềm “mọc tóc”, và “xanh màu lá” chứ không phải xanh xao. Người chiến sĩ ở đây như hoà vào rừng cây, với lá nguy trang. Và tuy gian khổ, bệnh tật, nhưng người chiến sĩ Tây Tiến vẫn “dữ oai hùng”, vẫn hiện lên với vẻ đẹp oai linh, khác thường như mãnh hổ ngự trị chốn rừng thiêng. Các anh “ôm” mà không “yếu”, trái lại sức mạnh tinh thần của các anh còn làm cho kẻ thù khiếp sợ. Đây chính là sự tương phản giữa ngoại hình và nội tâm, giữa vẻ ngoài tiêu tụy vì bệnh tật với sức mạnh tinh thần bên trong thật vững vàng.

Hai câu thơ vừa diễn tả được nỗi gian khổ của của đoàn quân Tây Tiến, vừa thể hiện được khí thế dũng mãnh của họ. Tuy rằng gian khổ, thiếu thốn nhưng vượt lên trên tất cả, họ vẫn giữ được cái hào hùng của người lính trẻ.

**\* Tâm hồn lãng mạn, hào hoa:**

Chất hào hoa, thanh lịch, chất lãng mạn mộng mơ cũng là một nét đẹp của những chiến binh Tây Tiến. Gian khổ, thiếu thốn không hề làm giảm đi phong độ hào hoa của họ: *Chẳng thom cũng thể hoa nhài - Chẳng thanh lịch cũng con người Tràng An* (Ca dao).

- Sống giữa thiên nhiên dữ dội, khắc nghiệt, người lính vẫn nhận ra nét hoang sơ, hùng vĩ mà rất đổi thơ mộng, ấm áp của núi rừng Tây Bắc. Trên những nẻo đường hành quân vất vả, các anh phóng tầm mắt nhìn xuống những thung lũng phủ kín trong mưa để ngắm nhìn nhưng ngôi nhà thấp thoáng ẩn hiện sau màn mưa mỏng “Nhà ai ... xa khơi”. Rồi cả những sợi khói cơm chiều những “cơm nếp xôi” của bàn tay em gái Mai Châu làm ấm lòng người chiến sĩ và để lại trong họ nhiều kỉ niệm khó quên. Và đặc biệt là những đêm hội đuốc hoa của một thời gian khổ:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

...

*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*

Bằng những nét vẽ mềm mại tinh tế của ngòi bút lãng mạn, Quang Dũng đã nâng tâm hồn người lính bay bổng trong khung cảnh TB thơ mộng duyên dáng và tình tứ. Những người lính say sưa trong tiếng nhạc khèn man điệu thiết tha. Các chàng trai Hà Thành ngõ ngang, sung sướng trước dáng hồng son cước “*Kìa em... bao giờ*”. Mặc dù biết rằng sẽ tiếp tục chịu đựng nhiều gian truân, hi sinh, mất mát, người lính Tây Tiến vẫn múa hát lạc quan. Họ vẫn say đời, say cảnh mơ đến những hình ảnh đẹp của thơ và nhạc “*Nhạc về ... hồn thơ*”.

Ngay cả những hình ảnh bình thường như “*dáng người trên độc mộc*” hay “*hoa đong đưa*” trên dòng nước lũ cũng gây ấn tượng đối với người lính Tây Tiến. Tâm hồn các anh lãng mạn, trẻ trung biết bao.

- Cái hào hoa của những chàng trai Tây Tiến còn được thể hiện qua chính niềm thương nhớ, sự mơ mộng của họ:

*Mắt trông gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*

Liên hệ: Nếu những người lính xuất thân từ đồng ruộng nông thôn ra đi, họ bỏ lại đằng sau “gian nhà không mặc kệ gió lung lay”, bỏ lại “những luống cày đất đỏ” thì khi nhớ về quê hương, nỗi nhớ của họ chân chất hồn quê. Họ nhớ về:

*giếng nước gốc đa (Đồng chí - Chính Hữu)*

*Mái lều gianh*

*Tiếng mõ đêm trường*

*Luống cày đất đỏ*

*ít nhiều người vợ trẻ*

*Mòn chân bên cối gạo canh khuya. (Nhớ - Hồng Nguyên)*

Hay họ nhớ về cảnh tiền đưa:

*Xóm dưới, làng trên, con trai, con gái*

*Xôi nắm cơm đùm, ríu rít theo nhau,*

*Tiếng cười hăm hở đầy sông đầy cầu*

*...Hàng ngũ ta đi dài như tiếng hát.*

*(Đường ra mặt trận - Chính Hữu)*

Còn ở đây, những người lính Tây Tiến phần lớn là thanh niên trí thức Hà thành. Theo tiếng gọi của đất nước, họ đã ra đi, đến chiến trường và mang theo cả cái lãng mạn hào hoa vốn có. Do vậy, khi nhớ về quê hương, nhớ về Hà Nội, nỗi nhớ ấy có phần lãng mạn hơn. Họ mộng lập chiến công truy kích giặc qua biên giới và mơ về Hà Nội với những cô gái duyên dáng, xinh đẹp. Cũng có thể hiểu theo cách khác: người lính Tây Tiến nhớ về Hà Nội, họ xem Hà Nội như “một dáng kiều thơm”. Bao nhiêu gian khổ, mất mát, hi sinh cũng không thể làm mất đi những cảm xúc mơ mộng, lãng mạn trong tâm hồn họ. Những tình cảm rất mộng mơ ấy là động lực nâng đỡ tinh thần người lính, tiếp sức cho họ trong cuộc chiến đấu.

Quang Dũng đã xây dựng được một bức tượng đài nghệ thuật ông động, chân thực về hình tượng anh bộ đội cụ Hồ. ẩn chứa dưới dáng vẻ bề ngoài oai hùng dữ dằn là một tâm hồn khao khát yêu thương một trái tim cháy bỏng căm hờn, một trái tim biết căm thù quân xâm lược, một trái tim rục rủa anh hùng.

### \* *Sự hi sinh*

Vẻ đẹp lãng mạn, bi tráng của người lính Tây Tiến còn được thể hiện ở tư thế ra đi và sự hi sinh của họ.

Đã có một thời gian dài, người ta quan niệm thơ văn kháng chiến không nên miêu tả, đề cập đến cái chết bởi người ta sợ sẽ làm ảnh hưởng đến ý chí, tinh thần chiến đấu của người lính. Nhưng Quang Dũng đã nhìn thẳng vào sự thật, phản ánh mất mát, hi sinh. Quang Dũng không chỉ một lần nhắc đến cái chết trong bài thơ này.

- Trước hết, cái chết của người lính hiện về qua hình ảnh:

*Anh bạn dãi dầu không bước nữa*

*Gục lên súng mũ bỏ quên đời*

Có thể đây là một giấc ngủ của người lính Tây Tiến giữa hai giờ súng nổ cũng có thể đây là sự ra đi vĩnh viễn của các anh. Tuy nhiên hình ảnh này đã gợi lên được vẻ đẹp của các anh bộ đội cụ Hồ: luôn coi cái chết nhẹ tựa lông hồng:

*Vui vẻ chết như cày xong thửa ruộng*

*Lòng khỏe nhẹ anh dân quê sung sướng  
Ngửa mình trên liếp cỏ ngủ ngon lành  
Và trong mơ thom ngát lúa đồng xanh. (Trăng trôi - Tố Hữu)*

+ Sự hi sinh của các anh còn được biểu hiện tập trung trong những câu thơ vừa hào hùng, vừa bi tráng: *Rải rác... độc hành*

. Có những người lính Tây Tiến đã nằm lại nơi chiến trường, trên đường hành quân. Cuộc đời của họ chỉ còn lại là những nấm mồ hoang nơi rừng sâu biên giới (không hương khói, ít người qua lại), gợi lên trong lòng người đọc niềm thương cảm sâu sắc. Tuy nhiên, viết về cái bi nhưng thơ Quang Dũng không lụy bởi nhà thơ sử dụng hàng loạt từ Hán Việt. Câu thơ “Rải rác... viễn xứ” gồm 7 âm tiết nhưng đã có 5 âm tiết là những từ Hán Việt. Việc sử dụng hàng loạt những từ Hán Việt này tạo sắc thái trang trọng, thiêng liêng, giảm bớt đau thương và nâng tầm cái chết của những người lính. Như vậy, nói về cái chết nhưng thơ Quang Dũng không gây cảm giác bi lụy mà chỉ để lại trong lòng người cảm giác bi hùng, bi tráng.

. Sự thật đáng sợ không làm vơi chí khí của những chàng trai Tây Tiến bởi khát vọng lên đường đầy cao đẹp của họ. Với họ “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”. Hai chữ “đời xanh” gợi lên cái tuổi trẻ với bao mộng đẹp, ước mơ, hoài bão; hai chữ “chẳng tiếc” nói lên tinh thần tự nguyện tuyệt đối đến thanh thân của các chiến sĩ Tây Tiến. Câu thơ phảng phất chất anh hùng của tráng sĩ thời xưa:

*Tuý ngoạ sa trường quân mạc tiểu  
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi. (Lương Châu từ - Vương Hàn)*

Vượt lên tất cả là khát vọng được ra đi, được dâng hiến, được xả thân. Đó cũng là lý tưởng của thời đại: “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Nó gợi đến cái âm vang hào sảng của một thời:

*Đoàn vệ quốc quân một lần ra đi  
Nào có sá chi đâu ngày trở về  
Ra đi, ra đi bảo tồn sông núi  
Ra đi ra đi thà chết chớ lui.*

Một khi đã cất bước ra đi, các anh chỉ muốn hiến dâng cả tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. Đó là thái độ của những con người đầy trách nhiệm khi Tổ quốc lâm nguy. Ta bắt gặp hình ảnh ấy qua tứ thơ của Trần Mạnh Hảo trong trường ca **Đất nước hình tia chớp**:

*Thế hệ chúng con ra đi như gió thổi  
áo quân phục xanh đồng sắc với chân trời  
Cha kịp yêu một người con gái  
Lúc ngã vào lòng đất vẫn con trai*

+ Bài thơ 3 lần nói đến cái chết, cái chết nào cũng đẹp nhưng đẹp nhất là cái chết sang trọng này:

*Áo bào thay chiếu anh về đất  
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

. Một sự thật nghiệt ngã: Các anh chết không gỗ ván, không có quốc kì, ngay đến manh chiếu bó thân cũng không có. Nhưng bằng cái nhìn lãng mạn, bằng lòng cảm phục Quang Dũng đã khoác lên họ những chiếc “áo bào” sang trọng (có thể là những bộ quân phục hàng ngày họ vẫn mặc chiến đấu - rách vì bom đạn, sờn vì mưa nắng). Bằng cách diễn đạt “anh về đất”, Quang Dũng làm giảm bớt đau thương và đã bắt tử hoá họ, để họ trở về với đất mẹ, hoá thân vào sông

núi, trường tồn cùng sông núi. Nhà thơ đã mang đến cho đồng đội mình cái chết lẫm liệt và toả ánh hào quang.

. Người ngã xuống, âm thầm về đất, riêng dòng sông Mã - dòng sông quê hương, đất nước chúng kiến bao cảnh vui buồn trước, nay lại cất cao khúc độc hành bằng giọng thác gầm của nó: *Sông Mã...hành*. Sự hi sinh của người lính Tây Tiến được bao bọc trong âm hưởng hùng tráng - âm thanh của dòng sông như một khúc nhạc chiêu hồn tử sĩ dữ dội, bi hùng giữa thiên nhiên bát ngát.

- Để tiễn đưa người lính vô danh ra đi, Quang Dũng không cần đến một lời ngợi ca sáo mồn nào của con người, cũng không cần đến cả những giọt nước mắt xót thương thương tình của người mẹ, người vợ (*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*). Ông chỉ để cho trời đất chứng giám và thu nhận thể xác, linh hồn của người lính vào lòng để cho sông Mã “gầm lên khúc độc hành” tiếc thương, tống tiễn đủ để đưa người lính Tây Tiến vào cõi bất tử. Lời thơ thể hiện sự tiếc thương vô hạn, sự trân trọng và cũng là lời tiễn biệt của nhà thơ trước sự hi sinh của đồng đội.

#### **c. Kết thúc vấn đề:**

Quang Dũng đã tạc vào thời gian bức tượng đài người lính cụ Hồ. Họ là những người con yêu nước của Tổ quốc, sẵn sàng hiến dâng tuổi trẻ cho quê hương đất nước. Tác phẩm chinh phục người đọc bởi một tâm hồn biết lăn mình vào thời đại, sống hết mình cùng thời đại nhưng cũng luôn làm đẹp cuộc đời bằng những cảm xúc lãng mạn, lớn lao.

#### **IV. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Đề 1:** Cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng của bài thơ Tây Tiến

**Đề 2:** Về đẹp ngôn ngữ thơ trong bài thơ Tây Tiến

**Đề 3:** Về hình tượng người lính trong bài thơ Tây Tiến, có ý kiến cho rằng: *Người lính ở đây có dáng dấp của các tráng sĩ thuở trước*. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: *Hình tượng người lính mang vẻ đẹp của người chiến sĩ thời kỳ kháng chiến chống Pháp*.

Từ cảm nhận của mình về hình tượng này, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

## Bài 2: VIỆT BẮC - Tố Hữu -

### I. CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG

#### 1. Kiến thức:

- Cảm nhận được vẻ đẹp phong phú của thiên nhiên, cuộc sống, con người và khung cảnh cuộc kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc được tái hiện trong nỗi nhớ tha thiết và tình cảm sâu nặng của nhà thơ.

- Thấy được nghệ thuật thơ giàu tính dân tộc thể hiện ở kết cấu, hình ảnh, giọng điệu, thể thơ và ngôn ngữ.

#### 2. Kỹ năng:

- Biết vận dụng kiến thức về tác phẩm để làm tốt kiểu bài nghị luận văn học (Nghị luận về một đoạn trích trong tác phẩm, nghị luận về một ý kiến bàn về tác phẩm, so sánh văn học...).

- Bước đầu rèn luyện cho học sinh khả năng nghị luận tập trung vào một khía cạnh, một vấn đề nổi bật trong đặc điểm nghệ thuật hay nội dung của tác phẩm.

### II. KIẾN THỨC CƠ BẢN :

#### 1. Hoàn cảnh ra đời:

- Tháng 7/1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, miền Bắc được giải phóng. Tháng 10/1954, các cơ quan trung ương của Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội.

- Trong không khí lịch sử và tâm trạng chia tay với Việt Bắc, Tố Hữu đã sáng tác bài thơ này.

**2. Nội dung chính:** lòng yêu nước thể hiện qua sự gắn bó với mảnh đất quê hương cách mạng Việt Bắc, sự gắn bó giữa nhân dân và cách mạng, niềm tự hào trước truyền thống ân nghĩa thủy chung, uống nước nhớ nguồn của dân tộc.

- Yêu mến tự hào trước thiên nhiên Việt Bắc:

+ Thiên nhiên tươi đẹp

+ Thiên nhiên góp phần cùng con người làm nên chiến thắng

- Yêu mến tự hào trước con người Việt Bắc:

+ Con người hòa hợp với thiên nhiên

+ Con người trong cuộc sống lao động sản xuất và những hoạt động kháng chiến

+ Con người có tâm lòng thủy chung son sắt

- Tự hào về Việt Bắc là mảnh đất quê hương cách mạng, căn cứ địa của cuộc kháng chiến, nơi hội tụ sức mạnh và niềm tin của dân tộc.

#### 3. Đặc sắc nghệ thuật: đậm đà tính dân tộc

- Thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng tài tình trong một bài thơ dài, vừa tạo được âm hưởng thống nhất, vừa biến hóa đa dạng.

- Kết cấu theo lối đối đáp quen thuộc của ca dao dân ca nhưng ở đây không chỉ là lời hỏi, lời đáp mà còn là sự hô ứng, đồng vọng.

- Cập đại từ nhân xưng “mình - ta” với sự biến hóa linh hoạt và những sắc thái ngữ nghĩa biểu cảm phong phú của nó đã được khai thác rất hiệu quả.

- Những biện pháp tu từ quen thuộc với cách cảm, cách nghĩ của quần chúng (so sánh, ước lệ, tượng trưng, ẩn dụ...) được sử dụng nhuần nhuyễn- vận dụng những câu ca dao, câu thơ Kiều... để diễn tả những tình cảm vừa quen thuộc vừa mới mẻ.



- Giàu nhạc điệu: điệp từ “nhớ” tạo nên giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết như khúc hát ru, mỗi lần điệp là một sắc thái khác nhau gợi tâm tình tha thiết.

#### 4. **Bổ cục:** 2 phần

- Phần 1 (8 câu đầu): Khung cảnh chia tay và tâm trạng của hai nhân vật trong cuộc tiễn đưa.

+ Câu 1-4: lời ước hỏi của người ở lại khơi gợi kỷ niệm về một giai đoạn đã qua nơi Việt Bắc, về không gian nguồn cội, nghĩa tình, qua đó bộc lộ tâm trạng băng khoăn, lưu luyến

+ Câu 5- 8: Tiếng lòng người về xuôi nhớ thương, lưu luyến

- Phần 2 (72 câu còn lại): tái hiện những kỉ niệm về Việt Bắc trong 15 năm kháng chiến gian khổ và ngợi ca mối tình gắn bó xuôi ngược.

+ Câu 9- 20( 12 câu hỏi): Nỗi nhớ của người ở lại

\* Hình thức: mượn lời ước hỏi của người ở lại, nhà thơ gọi lên những kỷ niệm ở Việt Bắc trong những năm tháng đã qua. 12 câu thơ là 6 câu hỏi luyến láy, tha thiết gợi nhắc

\* Nội dung: Những kỷ niệm về Việt Bắc trong 15 năm kháng chiến

. Vùng rừng núi hoang sơ, thiên nhiên hiu hắt từng là chiến khu an toàn

. Con người và cuộc sống Việt Bắc nghèo khổ mà ân tình thủy chung son sắt.

+ Câu 21- 90( 70 câu đáp): Nỗi nhớ của người ra đi

\* Hình thức: mượn lời đáp của người về xuôi, nhà thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết với Việt Bắc, qua đó dựng lên hình ảnh Việt Bắc trong kháng chiến anh hùng và tình nghĩa thủy chung.

\* Nội dung: nỗi nhớ những kỷ niệm Việt Bắc

. Câu 21-24: khẳng định nghĩa tình thủy chung son sắt

. Câu 25- 52: nhớ thiên nhiên núi rừng và con người, cuộc sống ở Việt Bắc

. Câu 53- 74: nhớ cuộc kháng chiến anh hùng ở Việt Bắc

. Câu 75- 90: nhớ Việt Bắc - đầu não của cuộc kháng chiến quê hương cách mạng của người Việt Nam.

### III. **BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI**

#### 1. **Bài tập**

**Đề 1.** Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong bài thơ *Việt Bắc* (Tố Hữu);

Ta về, mình có nhớ ta  
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.  
*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*  
*Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.*  
*Ngày xuân mơ nở trắng rừng*  
*Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.*  
*Ve kêu rừng phách đổ vàng*  
*Nhớ cô em gái hái măng một mình*  
*Rừng thu trăng dọi hòa bình*  
*Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.*

**Đề 2:** Cảm nhận về đẹp của đoạn thơ:

*Những đường Việt Bắc của ta*

...  
*Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*

**Đề 3:** Tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu.

## 2. Hướng dẫn giải một số đề

### Đề 1.

#### **Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

*Việt Bắc* là một đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là thành tựu xuất sắc, tiêu biểu cho thơ ca thời kì kháng chiến chống Pháp. Thông qua cuộc đối thoại tưởng tượng giữa người đi và kẻ ở trong ngày chiến thắng, bài thơ đã thể hiện niềm nhớ thương và tình cảm đậm thắm, sắt son của nhân dân Việt Bắc với cách mạng, với Đảng và Bác Hồ, đồng thời cũng bộc lộ tình cảm của cán bộ kháng chiến với thiên nhiên núi rừng và con người Việt Bắc.

- Nêu vị trí và nội dung đoạn trích:

- Đoạn thơ là nỗi nhớ *những hoa cùng người* của người ra đi, là bức tranh tứ bình đẹp về thiên nhiên và con người Việt Bắc.

#### **b. Thân bài:**

\* 2 câu đầu: giới thiệu cảm xúc chung của đoạn thơ.

Tác giả vẫn tiếp tục lối xưng hô *minh - ta*. Lời người về như lời người con trai ước hỏi người con gái ở lại, ý tứ chân thành, giọng điệu tha thiết, đắm say. Từ *nhớ* được điệp lại hai lần trong hai câu thơ chia đều cho cả người về, kẻ ở. Nhớ nhất, lưu luyến nhất là *hoa cùng người*. *Hoa* là một hoán dụ cũng là một so sánh tượng trưng cho thiên nhiên Việt Bắc tươi đẹp để cân xứng với con người là hoa của đất. Hoa và người là hai hình ảnh đồng hiện, soi chiếu vào nhau, gắn bó với nhau làm cho bức tranh Việt Bắc thêm sinh động, giàu sức sống.

\* 8 câu sau: là sự cụ thể hoá nỗi nhớ, vẽ lên một bức tranh tứ bình về cảnh bốn mùa giàu chất tạo hình, cấu trúc cân đối, hài hòa.

- Bức tranh mùa đông:

+ Thiên nhiên: màu đỏ tươi của hoa chuối nổi bật trên nền màu xanh trầm tĩnh của rừng già như làm bừng sáng cả thiên nhiên, làm cho bức tranh trở nên tươi sáng, ấm áp như tiềm ẩn một sức sống, xua tan cái hoang sơ, lạnh giá, hiu hắt của rừng.

+ Con người: lên núi làm nương, phát rẫy; con người trong cuộc sống lao động hàng ngày thật bình dị và cao đẹp. Con người như tụ điểm của ánh sáng. Con người cũng đã xuất hiện ở một vị trí, tư thế đẹp nhất: đứng trên đỉnh đèo cao. Đó là cái tư thế đầy kiêu hãnh và vững chãi của con người làm chủ giữa núi và nắng, giữa đèo cao mênh mông và rừng xanh bao la.

- Bức tranh mùa xuân:

+ Thiên nhiên: bao trùm là màu trắng dịu dàng, thanh khiết của hoa mơ. Hai chữ *trắng rừng* được viết theo phép đảo ngữ. Từ *trắng* được dùng như động từ có tác dụng nhấn mạnh: màu trắng dường như lấn át tất cả màu xanh của lá. sắc trắng của hoa mơ nét đặc trưng của núi rừng Việt Bắc mùa xuân.

+ Con người: cần mẫn, cần trọng, tài hoa đan nón những chiếc nón gửi tặng bộ đội. Hình ảnh thơ đã nói lên được bàn tay khéo léo, nhanh nhẹn và phẩm chất kiên nhẫn, tận tảo của con người Việt Bắc.

- Bức tranh mùa hè:

+ Thiên nhiên: có thêm âm thanh ngân vang của tiếng ve gọi hè làm cho rừng phách chuyển sang màu vàng rực rỡ. Động từ *đổ* thật chính xác và tinh tế vừa nhấn mạnh sự chuyển đổi đột ngột mau lẹ, vừa gọi lên những trận mưa hoa vàng rừng phách mỗi khi có trận gió thổi qua. Màu của cây phách đổ vàng cả suối ngàn dường như làm cho cái nắng của mùa hè và cả tiếng ve kêu râm ran cũng trở nên óng vàng hơn. Đây là bức tranh sơn mài long lanh ánh sáng, màu sắc và rộn rã âm thanh.

+ Con người: hình ảnh cô gái cần mẫn đi hái búp măng rừng cung cấp cho bộ đội kháng chiến. Cô gái *hái măng một mình* nhưng không hề gọi ả tượng về sự cô đơn, hiu hắt mà trái lại rất trữ tình, gần gũi, thân thương, tha thiết.

- Bức tranh mùa thu:

+ Thiên nhiên: cảnh ánh trăng huyền ảo, lung linh, dịu mát chiếu sáng không khí thanh bình nơi chiến khu. Câu thơ gọi lên một hình ảnh thực mà huyền ảo: ánh trăng rọi qua vòm lá, vẽ lên trên mặt đất một tấm thảm hoa trắng. *Trăng dạo hòa bình* là ánh trăng chiếu sáng không khí thanh bình ở Việt Bắc. Tố Hữu tả cảnh trăng rừng mà không vắng lặng, lạnh lẽo, trái lại gọi lên không khí rạo rực, rộn ràng, đắm say.

+ Con người: cất cao tiếng hát *ân tình thủy chung*. Câu thơ gọi nỗi nhớ tưởng như mơ hồ nhưng thực ra lại vô cùng da diết. Đại từ phiếm chỉ ai gọi được ả tượng về tất cả những người dân Việt Bắc sống ân tình thủy chung hi sinh quên mình cho cách mạng.

### **c. Kết bài:**

Ở bộ tranh tứ bình này, mỗi bức tranh có một nét đẹp riêng nhưng đồng thời hợp thành vẻ đẹp chung của thiên nhiên và con người Việt Bắc. Bức tranh bốn mùa này in rõ dấu ấn của tấm lòng nhà thơ: nhớ nhung, yêu thương da diết với Việt Bắc. Tấm lòng ấy được ngân lên dưới hình thức những câu thơ lục bát nhịp nhàng, cân đối như khúc hát ru ngọt ngào, sâu lắng.

**ĐỀ 2:** Cảm nhận về đẹp của đoạn thơ:

*Những đường Việt Bắc của ta*

...

*Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*

### **a. Mở bài:**

- Giới thiệu bài thơ: (vị trí, hoàn cảnh, nội dung như mục II)

- Nêu vấn đề: Bài thơ không chỉ ngợi ca những tình cảm điển hình của con người kháng chiến mà còn tái hiện một cách chân thực và sinh động bức tranh “Việt Bắc ra trận” rất hùng vĩ qua những vần thơ hào hùng:

- Trích dẫn đoạn thơ.

### **b. Thân bài:**

Bài thơ có giọng điệu tha thiết, ngọt ngào nhưng khi nhắc đến Việt Bắc anh hùng thì giọng thơ mang âm hưởng tráng ca. Đoạn thơ dựng lại khung cảnh Việt Bắc hùng tráng và tô đậm chân dung đoàn quân anh hùng.

#### **b.1. Bức tranh Việt Bắc ra quân:**

\* *Câu 1,2:* Trước hết, với bút pháp sử thi, tác giả phác họa bức tranh toàn cảnh quân dân ta ra trận chiến đấu với khí thế hào hùng, sôi sục, khẩn trương:

*Những đường Việt Bắc của ta*

*Đêm đêm rầm rập như là đất rung*

Hai câu thơ gợi được không gian rộng lớn (*Những đường Việt Bắc*) và thời gian đằng đẵng (*đêm đêm*) của cuộc kháng chiến vĩ đại, trường kì.

- Từ láy tượng thanh *rầm rập* không chỉ diễn tả được tiếng động mạnh của bước chân mà còn giúp người đọc hình dung được nhịp độ khẩn trương, gấp gáp của một số lượng người đông đảo cùng hành quân về một hướng, tất cả tạo thành một sức mạnh tổng hợp làm rung chuyển cả mặt đất. Câu thơ cho người đọc thấy khí thế xung trận mạnh mẽ, hào hùng của quân dân Việt Bắc

- Hình ảnh so sánh cường điệu “*như là đất rung*” đã nêu bật sức mạnh đại đoàn kết của quân dân ta quyết tâm chiến đấu bảo vệ độc lập, tự do.

Qua không gian rộng lớn, thời gian đằng đẵng và khí thế hào hùng ở Việt Bắc người đọc có thể thấy rõ cuộc kháng chiến chống Pháp là trường kì, gian khổ nhưng dân tộc Việt Nam không nhụt chí, trái lại, vẫn vững vàng, kiên cường, chung sức chung lòng đưa cuộc kháng chiến tới thắng lợi.

\* *Câu 3,4: (Hai câu tiếp) Tác giả tô đậm chân dung đoàn quân anh hùng:*

*Quân đi điệp điệp trùng trùng*

*Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*

- Hình tượng người lính trong đêm hành quân gợi nhớ tới thơ Quang Dũng:

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm. (Tây Tiến)*

- Trong bài *Tây Tiến*, hình ảnh người lính hiện lên hào hùng trong gian khổ. ở thơ Tố Hữu, những khó khăn gian khổ đã phần nào được gác lại, để chỉ tái hiện lên một đoàn quân dũng mạnh. Đó là một hình ảnh vừa hào hùng, vừa lãng mạn.

+ Từng đoàn binh *điệp điệp, trùng trùng* tiến đi như một sức mạnh vô tận. Trong họ là cả một bầu trời đầy dũng khí. Cảnh tượng hành quân dài dặc, đông đảo như những dãy núi kế tiếp trùng lên nhau.

Nhà thơ sử dụng cụm từ “*điệp điệp trùng trùng*” thật chính xác khi miêu tả cảnh hành quân. Từng đoàn quân di chuyển nhấp nhô như kéo dài vô tận với tầm vóc kì vĩ của núi non. Không chỉ thế, nó còn nói lên được sức mạnh thần kì của đoàn binh.

Hình tượng này cũng được Tố Hữu nói về anh giải phóng quân thời chống Mĩ:

*Anh đi xuôi ngược tung hoành*

*Bước dài như gió, lay thành chuyển non*

*Mái chèo một chiếc xuống con*

*Mà sông nước dậy sóng cồn đại dương! (Tiếng hát sang xuân)*

+ Tố Hữu đã dùng những hình ảnh lớn lao để nói về người chiến sĩ mang sức mạnh của dân tộc và thời đại. Nhưng có lẽ sinh động, thi vị nhất là hình ảnh “*ánh sao đầu súng*”. Đây là hình ảnh vừa thực vừa mộng, vừa chân thật vừa lãng mạn. Chân thật: nó gợi tả cụ thể, sinh động hình ảnh chiến sĩ đi trên đỉnh dốc, nòng súng chĩa lên cao tưởng như làm bạn với sao trời. Lãng mạn vì nó gợi liên tưởng đến tầm vóc lồng lộng cùng trời đất của người chiến sĩ.

Hình ảnh này gợi nhớ đến câu thơ của Chính Hữu: *Đầu súng trăng treo (Đồng chí)*. Hình ảnh *súng* và *sao* giống *súng* và *trăng*, tương phản gay gắt nhưng đi liền thật tự nhiên, tạo ra tư

thơ đẹp. Đầu súng gợi không khí chiến tranh, ngôi sao gợi không gian thanh bình. Súng - biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, còn ánh sao biểu tượng cho mục đích, lí tưởng chiến đấu. Đường hành quân gian lao, vất vả nhưng chiến sĩ vẫn cảm nhận vẻ đẹp của bầu trời đêm, tinh nghịch với ánh sao. Nét hồn nhiên ấy đã cho thấy vẻ đẹp tâm hồn chiến sĩ: niềm vui, lòng yêu đời, yêu thiên nhiên của họ. Đến đây, hình ảnh người lính đẹp hẳn lên. ở họ tiềm tàng hai tâm hồn: Một tâm hồn của người chiến sĩ và một tâm hồn của người thi sĩ.

\* *Câu 5,6: Hình ảnh đoàn dân công*

Hoà chung với khí thế của đoàn quân anh hùng là sức mạnh của đoàn dân công phục vụ tiền tuyến:

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ban ngày là của địch nhưng ban đêm của ta.

+ Hình ảnh những đoàn *dân công đò đuốc* đi trong đêm là đúng với hiện thực. Những bó đuốc soi đường bập bùng sáng lên trong đêm tối đã làm bừng sáng lên hình ảnh những đoàn dân công tiếp lương, tải đạn. Có thể hình dung ở đó có đủ cả già trẻ, trai gái, họ đến từ nhiều miền quê với đủ mọi phương tiện chuyên chở gồng gánh quyết tâm, kiên cường vượt qua núi cao đèo dốc đảm bảo sức mạnh vật chất cho bộ đội chiến đấu, chiến thắng. Đoàn dân công ra đi thật hùng dũng, hiên ngang. Hình ảnh thơ vừa nói lên được sức mạnh phi thường của đoàn dân công, vừa nói được quy mô rộng lớn của cuộc kháng chiến – cả Việt Bắc cùng ra trận. ánh đuốc soi đường ra trận cũng là ánh sáng của sức mạnh, của niềm tin trên con đường ra trận cũng là con đường đi đến tương lai.

+ Hình ảnh “bước chân nát đá” diễn tả ý chí chiến đấu, lòng quyết tâm sắt đá dồn vào bước chân vững chắc. Bút pháp thậm xưng đã tô đậm, làm nổi bật sức mạnh vĩ đại của đoàn dân công như muốn nghiền nát mọi chông gai thử thách để tiến thẳng lên đỉnh thành công. Vận dụng sáng tạo thành ngữ “chân cứng đá mềm”, Tô Hữu làm đẹp thêm cho ý thơ của mình khi nói đến tư thế chủ động của nhân dân trước những thử thách của cuộc sống chiến đấu.

\* *Câu 7,8: Hình ảnh đoàn xe*

Hai câu thơ là hình ảnh những đoàn xe ra trận rất thực mà cũng rất lãng mạn:

*Nghìn đêm thăm thẳm sương dày*

*Đèn pha bật sáng như ngày mai lên*

- Những đoàn xe ra trận, *đèn pha bật sáng* quét sạch màn sương đêm dày thăm thẳm của núi rừng Việt Bắc.

- Đằng sau cái nghĩa thực ấy, câu thơ còn mang một nghĩa tượng trưng: Nghìn đêm cũng có nghĩa là nghìn năm đau thương, tủi nhục, tăm tối. Nhưng nhờ có “Cụ Hồ sáng soi”, với sức mạnh đoàn kết toàn dân...mà đất nước đang chuyển mình dữ dội. Động từ “bật” nói lên sức mạnh tích tụ đầy căng hờn bỗng bật trào dậy thành thứ ánh sáng đèn pha hàng nghìn oát, ánh sáng của sức mạnh xua tan đêm dày nô lệ, mang đến bình minh rạng rỡ, chói loà, non sông rạng ngời trong ánh sáng vinh quang chiến thắng.

- Âm hưởng thơ đầy hào hứng, ca ngợi sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước anh hùng. Lời thơ đĩnh ninh vào niềm tin thắng lợi.

\* **Tiểu kết:** Thể thơ lục bát vốn gợi âm điệu nhẹ nhàng nhưng cách ngắt nhịp 2/2, tiết tấu thơ nhanh nên âm hưởng thơ hào sảng góp phần diễn tả khí thế hùng tráng. Những từ láy phối hợp với biện pháp thậm xưng đã dựng lên hình ảnh đoàn quân ra trận có sức mạnh vô địch, có tầm vóc lớn lao. Đó là hình ảnh của Việt Bắc anh hùng, đất nước anh hùng.

## **b.2. Niềm vui chiến thắng:**

Đoàn quân ra trận ấy đã gọi về bao chiến công vang dội, làm chấn động địa cầu:

*Tin vui chiến thắng trăm miền*

...

*Vui lên Việt bắc, đèo De, núi Hồng.*

- Tác giả đã sử dụng biện pháp liệt kê địa danh để nói lên chiến thắng dồn dập, náo nức, mê say. Chiến trường gần đến chiến trường xa, khắp ba miền bùng nổ ngàn hoa chiến thắng-rạng rỡ niềm vui, tự hào.

- Điệp từ “vui” diễn tả tâm trạng con người đang ngây ngất trong men say chiến thắng, niềm hạnh phúc lớn lao khi đất nước đang cất lên khúc ca khải hoàn.

## **c. Kết luận:**

Đoạn thơ là khúc tráng ca đầy tự hào, phấn chấn về đất nước anh hùng và mang đậm vẻ đẹp sử thi, cảm hứng lãng mạn. Điểm nhìn nghệ thuật bao quát bức tranh rộng lớn của chủ thể trữ tình càng góp phần dựng lên tư thế một dân tộc tự chủ, tự cường.

**ĐỀ 3.** Tính dân tộc trong bài thơ **Việt Bắc** của Tố Hữu.

## **a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm: (xem gợi ý làm bài đề 2)

- Nêu vấn đề: *Việt Bắc* rất tiêu biểu cho giọng thơ tâm tình ngọt ngào, tha thiết và nghệ thuật biểu hiện giàu tính dân tộc của thơ Tố Hữu.

## **b. Thân bài:**

\* Tính dân tộc là một khái niệm thuộc phạm trù tư tưởng thẩm mỹ chỉ mối liên hệ khăng khít giữa văn học và dân tộc, thể hiện qua tổng thể những đặc điểm độc đáo tương đối bền vững chung cho các sáng tác của một dân tộc, được hình thành trong quá trình lịch sử và phân biệt với văn học của các dân tộc khác. Tính dân tộc thể hiện ở mọi yếu tố từ nội dung cho đến hình thức của sáng tác văn học. Một sáng tác có tính dân tộc cao phải vừa kế thừa được truyền thống văn học dân tộc, vừa đổi mới và có đóng góp vào sự phát triển của truyền thống ấy.

\* Tính dân tộc của bài thơ **Việt Bắc** (đoạn trích) được thể hiện ở nhiều phương diện:

- Về nội dung:

+ Những bức tranh chân thực, đậm đà bản sắc dân tộc về thiên nhiên và con người Việt Bắc được tái hiện trong tình cảm thiết tha, gắn bó sâu sắc của tác giả.

+ Tình nghĩa của người cán bộ và đồng bào Việt Bắc với cách mạng và kháng chiến, với Bác Hồ là những tình cảm cách mạng sâu đậm của thời đại mới. Những tình cảm ấy hoà nhập và tiếp nối vào nguồn mạch tình cảm yêu nước, đạo lý ân tình thủy chung vốn là truyền thống sâu bền của dân tộc ta.

- Về nghệ thuật:

+ Thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng tài tình trong một bài thơ dài, vừa tạo ra âm hưởng thống nhất mà lại biến hoá đa dạng. Câu thơ lúc thì dung dị, dân dã gần với ca dao, lúc thì cân xứng, nhịp nhàng, trau chuốt mà trong sáng, nhuần nhị đến độ cổ điển.

+ Lối đối đáp trong ca dao, dân ca được vận dụng một cách thích hợp, tài tình, phù hợp với nội dung tư tưởng, tình cảm của bài thơ.

+ Chất liệu văn học, văn hoá dân gian được vận dụng phong phú, đa dạng, đặc biệt là ca dao trữ tình.

+ Những lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ...) được sử dụng thích hợp, tạo nên phong vị dân gian và chất cổ điển của bài thơ.

**c. Kết bài:**

Việt Bắc là bài thơ tiêu biểu nhiều mặt cho hồn thơ Tô Hữu cho phong cách nghệ thuật thơ đậm đà tính dân tộc của một nhà thơ trữ tình chính trị lớn trong nền văn học dân tộc.

**IV. BÀI TẬP VỀ NHÀ.**

**Đề 1:** Tình cảm đất nước quê hương thể hiện trong bài thơ *Việt Bắc*.

**Đề 2:** Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ sau:

“ *Tây Tiến* đoàn binh không mọc tóc  
Quân xanh màu lá dữ oai hùm  
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm” (*Tây Tiến* - Quang Dũng)

“ *Những đường Việt Bắc* của ta  
Đêm đêm rầm rập như là đất rung  
Quân đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan” (*Việt Bắc* - Tô Hữu)

**Đề 3:** Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ sau:

“ *Doanh trại* bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ” (*Tây Tiến* - Quang Dũng)

“ *Nhớ sao* lớp học i tờ  
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan.  
Nhớ sao ngày tháng cơ quan  
Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.” (*Việt Bắc* - Tô Hữu)

**Đề 4:** Xuân Diệu có nhận xét:

“ *Tô Hữu* đã đưa thơ chính trị lên đến trình độ là thơ rất đổi trữ tình.”

Anh/ chị hãy làm rõ ý kiến trên qua đoạn thơ sau:

“ *Ta* với mình mình với ta  
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh  
Mình đi mình lại nhớ mình  
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu  
Nhớ gì như nhớ người yêu  
Trăng lên đầu núi nắng chiều lưng nương  
Nhớ từng bản khói cùng sương  
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về” (*Việt Bắc* - Tô Hữu)

**Bài 3: ĐẤT NƯỚC - Nguyễn Khoa Điềm -**

**I. CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức:**

- Cảm nhận được những suy nghĩ và tình cảm tha thiết, sâu sắc của tác giả về đất nước ở nhiều bình diện: Địa lý, lịch sử, văn hóa, phong tục... với tư tưởng bao trùm: Đất Nước của Nhân dân

- Thấy được những đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ : Kết hợp chặt chẽ luận và trữ tình, vận dụng phong phú chất liệu văn hóa và văn học dân gian, thể thơ tự do với sự biến đổi linh hoạt về nhịp điệu.

**2. Kỹ năng:**

- Biết vận dụng kiến thức về tác phẩm để làm tốt kiểu bài nghị luận văn học.
- Bước đầu rèn luyện cho học sinh khả năng nghị luận tập trung vào một khía cạnh, một vấn đề nổi bật trong đặc điểm nghệ thuật hay nội dung của tác phẩm.

## II. KIẾN THỨC CƠ BẢN.

### 1. Tác giả Nguyễn Khoa Điềm

- Sinh: 1943
- Quê: Thừa Thiên - Huế
- Xuất thân: gia đình trí thức cách mạng
- Nhà thơ tiêu biểu của thơ trẻ chống Mĩ. Đặc điểm thơ Nguyễn Khoa Điềm: giàu chất suy tư, xúc cảm lắng đọng, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu của nhân dân.

### 2. Đoạn trích Đất nước

a. **Xuất xứ:** thuộc chương V *Đất nước* của trường ca *Mặt đường khát vọng* (1974).

b. **Nội dung chính:** cảm nhận về đất nước một cách toàn diện trên nhiều phương diện: không gian địa lý, thời gian lịch sử, bề dày văn hóa phong tục tập quán... và tất cả đều được chiếu rọi bởi tư tưởng đất nước của nhân dân.

- Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện trong sự gắn bó với mỗi cá nhân trong cuộc sống hàng ngày

+ Đất nước được cảm nhận trong không gian, thời gian, văn hóa, phong tục tập quán...

+ Đất nước có trong mỗi con người, vì vậy mỗi cá nhân phải có trách nhiệm đối với Đất Nước.

- Khái quát tư tưởng đất nước của nhân dân

### 3. Đặc sắc nghệ thuật:

- Sự kết hợp giữa chất chính luận và chất trữ tình, suy tưởng và cảm xúc.

+ Chất chính luận: nói lên nhận thức về đất nước, nêu lên định nghĩa về đất nước; thức tỉnh tinh thần dân tộc của thế hệ trẻ miền Nam để dứt khoát trong sự lựa chọn đứng về phía nhân dân và cách mạng.

+ Chất trữ tình: Nói lên lòng yêu nước, thể hiện tình cảm đối với đất nước, nhân dân; bộ lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình.

- Vận dụng phong phú chất liệu văn hóa, văn học dân gian

+ Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng đậm đặc đã tạo nên một không gian nghệ thuật riêng vừa bình dị, gần gũi, hiện thực vừa giàu tưởng tượng bay bổng lãng mạn.

+ Chất liệu dân gian được sử dụng sáng tạo.

- Sử dụng thể thơ tự do với sự biến đổi linh hoạt về nhịp điệu.

### 4. Bố cục: 2 phần.

- Phần 1: Những cảm nhận về đất nước trên nhiều bình diện, từ đó nêu ý thức trách nhiệm của con người đối với đất nước.

- Phần 2: Khái quát tư tưởng cốt lõi: đất nước của nhân dân

+ Tiếp tục có cái nhìn phát hiện rất sâu về thắng cảnh địa lí mọi miền đất nước chính là



sự hoá thân của nhân dân

+ Nhìn lại lịch sử 4000 năm cùng thấy vai trò to lớn của nhân dân trong quá trình kiến tạo, giữ gìn đất nước

+ Nhận thức: đất nước của nhân dân, nhân dân là người làm ra đất nước.

### III. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

#### 1. Bài tập:

**Đề 1:** Cảm nhận của anh/chị về đoạn thơ sau trong trích đoạn *Đất nước (Mặt đường khát vọng)* của Nguyễn Khoa Điềm:

*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi.*

*Đất Nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa” mẹ thường hay kể.*

*Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn*

*Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*

*Tóc mẹ thì bới sau đầu*

*Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*

*Cái kèo, cái cột thành tên*

*Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng*

*Đất Nước có từ ngày đó..*

**Đề 2:** Cảm nhận đoạn thơ sau:

*Trong anh và em hôm nay*

...

*Làm nên Đất Nước muôn đời...*

#### 2. Hướng dẫn giải:

##### Đề 1:

##### a. Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm

Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ chống Mỹ, thơ Nguyễn Khoa Điềm giàu chất suy tư, cảm xúc sâu lắng, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia tích cực vào cuộc chiến đấu của nhân dân. Thuộc chương V của trường ca *Mặt đường khát vọng* đoạn trích *Đất Nước* là những cảm nhận và suy ngẫm sâu sắc, mới mẻ về đất nước, về nhân dân của tác giả.

- Nêu vị trí và nội dung đoạn trích:

##### b. Thân bài:

\* 9 dòng thơ trả lời cho câu hỏi: Đất Nước có tự bao giờ? Tương ứng với câu hỏi đó, nhà thơ sử dụng một loạt những trạng ngữ để phôi thảo định thời điểm *bắt đầu* và *lớn lên* của đất nước:

- Đất Nước có từ trước khi ta ra đời gắn với những câu chuyện “*ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể*”. Đất nước là nhịp điệu ngàn đời của lời mở đầu cổ tích, đưa ta về với hiện thực trong mơ ước.

- Đất nước còn bắt đầu với miếng trầu của bà gợi nhắc truyện cổ tích *Trầu cau* cất nghĩa một phong tục tập quán rất đẹp và rất riêng của người Việt.

- Đất nước lớn lên bằng sự nghiệp chiến đấu hi sinh bảo vệ bờ cõi khi *dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*. Câu thơ lấy ý từ câu ca dao *Thù này ắt hẳn còn lâu. Trồng tre thành gậy*

*gặp đầu đánh què* hoặc lấy ý từ sự tích Thánh Gióng nhổ tre ngà đánh giặc Ân, nêu bật truyền thống bất khuất, kiên cường của dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước, giữ nước.

- Đất nước còn gắn với phong tục tập quán quen thuộc nhất (cái kèo, cái cột trong nhà), gắn với nghĩa tình thủy chung của *cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*. Câu thơ lấy ý từ câu ca dao:

*Tay nâng chén muối đĩa gừng.*

*Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau.*

- Đất nước còn lớn lên bởi sự lao động cần cù, lam lũ của con người Việt Nam. Những công đoạn để làm ra hạt gạo đã nói lên sự vất vả nhọc công của người lao động.

Như vậy, khi cắt nghĩa cội nguồn sâu xa, lí giải về sự hình thành đất nước, Nguyễn Khoa Điềm không kể tên các triều đại vua chúa, những anh hùng tướng tá những văn nhân mà viện dẫn trong thơ mình những gì thân thuộc ở ngay trong cuộc sống hàng ngày của mỗi con người, mỗi gia đình, để thấy đất nước không phải là khái niệm chung chung, trừu tượng mà là những gì rất gần gũi, bình dị, thân thiết, ai cũng có thể cảm nhận được. Đất nước là những gì đang tồn tại xung quanh ta, là hạt gạo ta ăn, là ngôi nhà ta ở, cây lúa trên đồng, hàng tre trước ngõ. Đất nước là vị mặn mòi trong hạt muối, vị cay trong miếng gừng, là gian khó nhọc nhằn của cha mẹ ta...*Đất nước có từ ngày đó* nghĩa là từ cái ngày con người Việt Nam tạo dựng cuộc sống trên dải đất này, dựng nhà, sửa cửa, đổ mồ hôi xương máu để thiết lập nên cuộc sống. Rõ ràng, đất nước xa xưa nhưng không xa vời. Đất nước xa xưa bởi khi mỗi người sinh ra đất nước đã có rồi, nhưng đất nước không xa vời bởi đất nước có mặt ở quanh ta trong cuộc sống hàng ngày. Nguyễn Khoa Điềm đã cảm nhận về đất nước theo một quan hệ ruột thịt, thân thuộc.

\* Trong một đoạn thơ ngắn, tác giả đã vận dụng những chất liệu của văn học dân gian để nói về đất nước. Cách cảm nhận và thể hiện về đất nước của Nguyễn Khoa Điềm khác xa với cách nói thông thường đã quá cũ mòn (đất nước bốn nghìn năm), cũng khác với cách nói của nhà sử học (nói bằng cứ liệu số liệu, mốc thời gian, những di chỉ...). Nguyễn Khoa Điềm nói bằng cách nói của nhà thơ, bằng vốn tri thức văn hóa dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, ca dao, tục ngữ, phong tục tập quán...). Cách nói ấy làm cho đất nước trở thành khái niệm vừa thiêng liêng, cao cả, vừa gần gũi, bình dị, thân thiết với mọi người. Xưa, Lí Thường Kiệt thiêng liêng hoá đất nước qua hình ảnh *Nam quốc sơn hà Nam đế cư / Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*. Nguyễn Trãi cũng trang trọng nói tới *Xã tắc từ đây vững bền*. Nguyễn Đình Chiểu cũng mượn đến *một mối xa thư đồ sộ, hai vầng nhật nguyệt chói lòa*... Nay, Nguyễn Khoa Điềm đã bình dị hoá đất nước một cách bất ngờ để đất nước hoá thân vào cổ tích, ca dao, vào đời sống hàng ngày của mỗi người. Cách nói thật mới mẻ và xúc động.

**c. Kết bài:** 9 câu thơ đầu đã gọi lên ý nghĩa sâu sắc nhất về đất nước: đất nước đối với mỗi người là cái gì gắn với nguồn mạch của quê hương thân thương và hào hùng, vất vả và thủy chung.

**ĐỀ 2.** Cảm nhận đoạn thơ sau:

*Trong anh và em hôm nay*

...

*Làm nên Đất Nước muôn đời...*

**a. Mở bài:**

- Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ trẻ tiêu biểu thời chống Mỹ cứu nước. Thơ ông giàu chất trí tuệ, cảm xúc được dồn nén và có nhiều liên tưởng phong phú. *Đất Nước*

được trích trong trường ca *MĐKV* khá điển hình cho vẻ đẹp của thơ Nguyễn Khoa Điềm những năm tháng ấy

- Trong rất nhiều suy nghĩ của nhà thơ về Đất Nước, Nguyễn Khoa Điềm đã suy nghĩ về mối quan hệ riêng - chung, quan hệ cá nhân - cộng đồng, sự tiếp nối của các thế hệ trong một Đất Nước, một dân tộc. Những suy ngẫm ấy được thể hiện bằng thơ, tức không đơn thuần là tư tưởng mà chứa đựng cảm xúc, tình cảm của tác giả, do đó có sức lay động tâm tư người đọc.

- Trích dẫn đoạn thơ.

**b. Thân bài:**

**\* *Cảm nhận mới của nhà thơ về Đất Nước* (9 dòng đầu)**

Chín dòng thơ đầu nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm nêu lên cảm nhận của mình về Đất Nước. Nếu như ở đoạn thơ trước đó trong bài thơ, tác giả nhìn nhận Đất Nước từ bề dày văn hoá dân tộc hàng nghìn năm qua, thì ở đây lại là những suy nghĩ về Đất Nước từ cuộc sống hiện tại. Đất Nước là sự gắn bó giữa cái Riêng và cái Chung, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa thế hệ này với thế hệ khác.

- Khổ thơ mở đầu bằng một lời khẳng định:

*Trong anh và em hôm nay*

*Đều có một phần Đất Nước*

+ Lâu nay, trong suy nghĩ của nhiều người, đất nước, quê hương, Tổ Quốc, dân tộc... luôn là những khái niệm trừu tượng. Với nhà thơ trẻ đang đối mặt với cuộc chiến tranh khốc liệt một mất một còn, Đất Nước gần gũi, thân thiết. Điều này chưa hẳn đã mới, trong ca dao, dân ca có không ít những câu hát ru như thế:

*Anh đi anh nhớ quê nhà*

...

*Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao*

+ Quê hương là tất cả những gì gắn bó, ruột rà với con người. Song, cái mới ở khổ thơ Nguyễn Khoa Điềm là đất nước ở trong mỗi một con người, mỗi cá nhân không chỉ là của cá nhân mà có một phần đất nước, đất nước ở trong ta chứ không ở ngoài ta. Bởi vì, đất nước cho ta hạt gạo ta ăn, dòng nước ngọt ngào ta uống, đất nước cho ta thể xác và bồi đắp tâm hồn, vì mỗi cuộc đời đều được thừa hưởng những di sản vật chất và tinh thần do cha ông ta để lại. Đất Nước không chỉ là cái hữu hình (giang sơn) mà còn là cái vô hình trong tâm lí, cốt cách tâm hồn của mỗi người. Vì vậy, mỗi cuộc đời đều có sự gắn bó tự nhiên và thiêng liêng với Đất Nước, dân tộc. Cách cảm nhận này góp phần soi tỏ tình yêu đất nước là tình cảm máu thịt, yêu Đất Nước là yêu chính bản thân mình. Chế Lan Viên đã viết:

*Ôi! Tổ quốc ta yêu như máu thịt*

*Như mẹ cha ta, như vợ như chồng*

*Ôi! Tổ quốc nếu cần ta chết*

*Cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông*

- Bốn dòng thơ kế tiếp mở rộng ý ban đầu:

*Khi hai đứa cầm tay nhau*

...

*Đất Nước vẹn tròn to lớn*

+ Cả 4 dòng thơ chỉ có một hình ảnh, lại là hình ảnh tượng trưng: *cầm tay*, diễn tả sự thân thiết, tin cậy, yêu thương lẫn nhau. Khiến câu thơ có sức nặng của tình cảm chân thành.

+ Theo cách nói của Nguyễn Khoa Điềm: Khi “*hai đứa cầm tay nhau*”, tức có sự kết hợp giữa các cá thể thì “*Đất Nước trong chúng ta hài hoà nồng thắm*”, bền chặt đầy sức sống. Như vậy.

. Đất Nước tồn tại trong mỗi đời riêng, trong mỗi hạnh phúc riêng, số phận mỗi cá nhân nằm trong số phận chung Đất Nước nên mỗi một cá nhân hạnh phúc là Đất Nước hạnh phúc.

. Tình yêu lứa đôi đẹp làm cho Đất Nước thêm “*hài hoà, nồng thắm*”.

+ Tuy nhiên, một hạnh phúc chỉ vẹn toàn khi có sự hài hoà giữa hạnh phúc của cá nhân với hạnh phúc của cộng đồng đất nước:

*Khi chúng ta cầm tay mọi người*

*Đất Nước vẹn tròn to lớn*

Đất Nước tồn tại trong mỗi cá nhân nhưng những cá nhân riêng lẻ không hoà nhập, gắn bó, đoàn kết thì đất nước không có sức mạnh chung. Do đó mọi người phải liên kết, gắn bó với cộng đồng thì Đất Nước mới “ *vẹn tròn, to lớn*”, có sức mạnh, có tầm vóc.

- Từ câu chuyện hiện tại, nhà thơ tiếp tục mạch cảm xúc và suy nghĩ về Đất Nước ở tương lai:

*Mai này con ta lớn lên...*

*...Đến những tháng ngày mơ mộng*

Đất Nước không chỉ có ngày hôm qua và ngày hôm nay. Đất Nước của ngày mai. Từng thế hệ kế tiếp sẽ làm cho Đất Nước tốt đẹp hơn và trường tồn mãi mãi.

**\* Từ sự cảm nhận nói trên về Đất Nước, tác giả bày tỏ thái độ đầy trách nhiệm của mỗi cá nhân, cộng đồng trong việc giữ gìn, bồi đắp cho Đất Nước bền vững muôn đời:**

*Em ơi Đất Nước là máu xương của mình*

...

*Làm nên Đất Nước muôn đời*

- Cấu trúc câu thơ theo kiểu suy luận: *Đất Nước là...* nêu lên một tiền đề. Từ tiền đề ấy, *phải biết.../phải biết...để làm nên...* Câu thơ giàu chất duy lý nhưng không lên gân mà trở thành lời nhắn nhủ chân thành, tha thiết.

- “*Đất Nước là máu xương*”, có nghĩa là Đất Nước tồn tại như một sự sống và để có sự sống ấy hẳn phải có rất nhiều hi sinh. Quả đúng như vậy, biết bao con người, bao thế hệ đã ngã xuống cho sự sống còn của Đất Nước. Không chỉ thế, “*Đất Nước là máu xương của mình*”, là sinh mệnh của mình, phải quý, phải giữ gìn. Như vậy, phải biết “*gắn bó và san sẻ*”, phải đoàn kết, góp sức, có trách nhiệm, thậm chí hi sinh cái riêng hoà vào cái chung “*phải biết hoá thân cho dáng hình xứ sở*”. Có thế, Đất Nước mới bền vững muôn đời.

**\* Nghệ thuật:**

Để cảm nhận về Đất Nước và nói lên những lời của trái tim về trách nhiệm của cá nhân với Đất Nước, Nguyễn Khoa Điềm đã:

- Sử dụng thể thơ tự do, phù hợp với tình cảm và mạch suy nghĩ, không gò bó bởi vần nhịp nhưng vẫn hay.

- Từ *Đất Nước* lặp lại nhiều lần, viết hoa, tăng thêm sự tôn kính thiêng liêng.

- Giọng thơ chân thành, tha thiết, nhẹ nhàng như lời thủ thi, tâm tình, nhắn nhủ người yêu.

- Đoạn thơ có sự kết hợp nhuần nhị giữa cảm xúc và suy nghĩ, trữ tình và chính luận.

**c. Kết luận:**

- Đoạn thơ mang tính chính luận nhưng vẫn rung động được người đọc bởi lời thơ nhắn nhủ tâm tình, giọng điệu tha thiết và tình cảm Đất Nước chân thành của nhà thơ.

- Đoạn thơ giúp người đọc hiểu rõ hơn về Đất Nước có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi cuộc đời. Từ đó có ý thức tự giác, có trách nhiệm với Đất Nước. Đó là cách thể hiện lòng yêu nước cụ thể, thiết thực nhất.

**IV. BÀI TẬP VỀ NHÀ.**

**Đề 1:** Cảm nhận đoạn thơ trong đoạn trích “*Đất Nước*” (trích trường ca “*Mặt đường khát vọng*”) của Nguyễn Khoa Điềm:

*Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu*

...

*Những cuộc đời đã hóa núi sông ta.*

**Đề 2:** Anh (chị) trình bày những cảm nhận về Đất Nước của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm trong đoạn trích “*Đất Nước*” (trích trường ca “*Mặt đường khát vọng*”)?

**Đề 3:** Tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân” được thể hiện trong đoạn trích *Đất Nước* ( Trường ca *Mặt đường khát vọng* ) của Nguyễn Khoa Điềm ?

**Đề 4:** Những cảm nhận và cách thể hiện mới về Đất nước trong đoạn trích *Đất Nước* (*Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm.

**Đề 5:**

*“ Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi.*

.....

*Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ”*

Trình bày cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ trên. Qua đó, hãy lí giải vì sao khi nhận xét về thơ Nguyễn Khoa Điềm có ý kiến cho rằng: *Thơ ông hấp dẫn bởi sự kết hợp giữa xúc cảm nồng nàn và suy tư sâu lắng.*

**Bài 4: SÓNG - Xuân Quỳnh -**

**I. CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG.**

**1. Kiến thức:**

- Cảm nhận được tâm hồn phong phú, nồng nhiệt và khát khao tự nhận thức của người phụ nữ trong tình yêu.

- Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật kết cấu, về nghệ thuật xây dựng hình ảnh và nhịp điệu của bài thơ.

**2. Kỹ năng:**

- Biết vận dụng kiến thức về tác phẩm để làm tốt kiểu bài nghị luận văn học.

- Bước đầu rèn luyện cho học sinh khả năng nghị luận tập trung vào một khía cạnh, một vấn đề nổi bật trong đặc điểm nghệ thuật hay nội dung của tác phẩm.

**II. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả Xuân Quỳnh**

- Sinh, mất: 1942 - 1988

- Quê: Hà Đông

- Đặc điểm thơ Xuân Quỳnh: mang đậm vẻ đẹp nữ tính, là tiếng nói của một tâm hồn giàu

trắc ẩn, hồn hậu, chân thực và luôn da diết trong khát vọng về một hạnh phúc đời thường.

## 2. Bài thơ Sóng

a. **Xuất xứ:** viết năm 1967, in trong tập “Hoa dọc chiến hào”( 1968)

b. **Nội dung chính:** vẽ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng *sóng*

- *Sóng* là hình tượng mang tính ẩn dụ, là sự hóa thân của *em*, diễn tả tâm trạng của người phụ nữ trong tình yêu

- Vẽ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu

+ Vẽ đẹp truyền thống: sự chân thành, bình dị, đắm thắm yêu thương trong tình yêu, cuộc sống; tấm lòng thủy chung, trong sáng

+ Vẽ đẹp hiện đại: chân thành nói lên khát vọng tình yêu mãnh liệt của mình, muốn sống hết mình cho tình yêu, muốn vĩnh viễn hóa tình yêu của mình để tình yêu cao đẹp sống mãi với thời gian.

### c. Đặc sắc nghệ thuật:

- Thể thơ 5 chữ nhưng số lượng câu ở các khổ thơ không đều nhau, nhịp thơ cũng khá đa dạng và linh hoạt, nhờ thế mà bài thơ có được ít nhiều những nét hồn nhiên

- Kết cấu bài thơ dựa trên sự tương đồng giữa tâm trạng người phụ nữ đang yêu với những con sóng

- Giọng điệu chủ đạo: giọng điệu tha thiết có ít nhiều sự lo âu phấp phồng

### d. Bố cục:

- Khổ thơ 1,2: nêu đặc tính của sóng, cũng là đặc tính của trái tim người con gái đang yêu

- Khổ thơ 3,4,5, 6,7: hành trình của sóng tìm đến với bờ, cũng là hành trình của trái tim em tìm đến với anh

+ Khổ 3,4: cất nghĩa về ngọn nguồn của sóng, của tình yêu

+ Khổ 5,6: nỗi nhớ và sự thủy chung trong tình yêu

+ Khổ 7: niềm tin sóng sẽ tới bờ cũng như em sẽ có anh

+ Khổ thơ 8, 9: những âu lo trăn trở và khát vọng về sự bất tử của tình yêu

## III. BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

### 1. Bài tập:

**Đề 1:** Phân tích hai khổ thơ cuối trong bài thơ “*Sóng*” của Xuân Quỳnh:

*Cuộc đời tuy dài thế*

...

*Để ngàn năm còn vỗ*

**Đề 2:** Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ của Xuân Quỳnh. Từ đó, nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng này.

### 2. Hướng dẫn giải:

**Đề 1.** Phân tích hai khổ thơ cuối trong bài thơ “*Sóng*” của Xuân Quỳnh:

*Cuộc đời tuy dài thế*

...

*Để ngàn năm còn vỗ*

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nêu vấn đề: Xuân Quỳnh là người nhạy cảm với sự trôi chảy của thời gian. ý thức về thời gian trong thơ thường đi liền với niềm lo âu và khát khao nắm lấy hạnh phúc trong hiện tại. Có lẽ vì thế mà ở hai khổ cuối chị đã giải bày suy tư và khát vọng của mình:

*Cuộc đời tuy dài thế*

...

*Để ngàn năm còn vỗ*

**b. Thân bài**

**\* Khổ 8:**

- Nhịp thơ như chậm lại, trùng xuống, có gì đó như khắc khoải, thấp thỏm thoáng một chút gì đó của sự âu lo.

- Các tính từ “dài”, “rộng”, điệp từ *vẫn*, các cặp từ *tuy – vẫn, dẫu – vẫn* kết hợp với nghệ thuật so sánh “như biển kia...”, nhà thơ cho ta thấy được sự nhận thức của một trái tim nhạy cảm: Cuộc đời của mỗi người tuy dài nhưng vẫn là hữu hạn trong dòng thời gian vô thủy vô chung như biển kia dẫu rộng vẫn không so được với cái bao la, vô tận của bầu trời và hạnh phúc, tình yêu của con người rất mong manh, khó bền chặt. -> Khổ thơ mang đậm tính triết lý

- Liên hệ: Một số bài thơ khác Xuân Quỳnh cũng có cảm nhận về sự trôi chảy của thời gian, về sự đổi thay:

*Lời yêu mỏng mảnh như màu khói*

*Ai biết tình anh có đổi thay? (Hoa cỏ may)*

*Em đâu dám nghĩ là vĩnh viễn*

*Hôm nay yêu, mai có thể xa rồi. (Nói cùng anh)*

Xuân Quỳnh đã ý thức được tình yêu của mình chỉ là cái hữu hạn trong cái vô hạn của đất trời. Niềm hạnh phúc gắn liền với nỗi lo âu khắc khoải.

**\* Khổ 9**

- Dù cảm nhận được như thế, thơ Xuân Quỳnh không dẫn người ta đến bế tắc, buồn chán. Xuân Quỳnh đã chọn cho mình cách ứng xử một cách ứng xử thật tích cực và thật đẹp. Chị không chán nản, tuyệt vọng mà trái lại càng khao khát được sống hết mình trong tình yêu:

*Làm sao được tan ra*

...

*Để ngàn năm còn vỗ.*

+ *Tan ra* là sự hóa thân vừa như mất đi hoàn toàn mà như hoàn toàn hiện hữu của sóng. Xuân Quỳnh ước muốn được hoá thân thành trăm con sóng nhỏ để vĩnh viễn hoá tình yêu của mình, để cho nó sống mãi với thời gian, nhịp bước cùng năm tháng.

+ Số từ (trăm, ngàn) thể hiện nhận thức về tình yêu vô tận, vô biên và sự cống hiến tất cả cảm xúc của con người cho tình yêu. Cũng là sự hòa hợp tuyệt đỉnh của con người trong thế giới tâm hồn. Cách nói thật mạnh mẽ thiết tha, thật đầm thắm nhưng cũng giàu nữ tính.

Bài thơ kết thúc mà cảm xúc, tình cảm vẫn đầy đến cao trào như những đợt sóng triền miên không dứt có lẽ là bởi khát vọng được sống mãnh liệt trong tình yêu lớn, khát vọng được còn lại mãi mãi tình yêu của mình. Nỗi khát vọng ấy là ước muốn thiết tha nhất trong trái tim

giàu yêu thương của của Xuân Quỳnh không chỉ ở thời thiếu nữ nhiều sôi nổi, say mê mà cả sau này, khi phải chịu đựng nhiều đau khổ và từng trải:

*Em trở về đúng nghĩa trái tim em  
Là máu thịt đời thường ai chẳng có  
Vẫn ngừng đập lúc cuộc đời không còn nữa  
Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi. (Tự hát)*

Tóm lại trong hình ảnh sóng, ta có thể cảm nhận được sức sống mãnh liệt của tâm hồn người phụ nữ. Xuân Quỳnh đã mạnh dạn bày tỏ những khát khao rung động chân thành của con tim mình đang dào dạt và say đắm trong tình yêu.

**c. Kết luận:** Bài thơ thể hiện những cung bậc của tình yêu có khi mạnh mẽ, táo bạo nhưng ở đây vẫn mang đậm bản sắc của trái tim người phụ nữ Việt Nam: nồng nhiệt mà cũng rất đôn hậu. Đó cũng là lí do khiến người đọc yêu thích bài thơ và tiếng thơ Xuân Quỳnh trở thành tiếng hát từ trái tim yêu của người phụ nữ nước Việt.

**ĐỀ 2.** Phân tích hình tượng sóng trong bài thơ **Sóng** của Xuân Quỳnh. Từ đó, nêu cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua hình tượng này.

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Nêu vấn đề: Sóng là hình tượng trung tâm xuyên suốt bài thơ, thể hiện những trạng thái, qui luật riêng của tình yêu cùng vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ rất truyền thống mà hiện đại.

**b. Thân bài:**

\* Hình tượng *sóng* là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo của Xuân Quỳnh. *Sóng* là nhan đề bài thơ và cũng là hình tượng trung tâm xuyên suốt toàn tác phẩm. Đây là một hình tượng ẩn dụ, là sự hoá thân của cái tôi trữ tình nhà thơ, lúc thì hoà nhập, lúc lại là sự phân thân của *em*. Hình tượng *sóng* còn được gợi ra bằng âm điệu. Bài thơ có âm điệu nhịp nhàng gợi lên âm hưởng những con sóng liên tiếp, miên man được tạo nên bằng thể thơ 5 chữ với những câu thơ liền mạch, hầu như không ngắt nhịp và được nối vắn qua các khổ thơ liên tiếp. Nhịp điệu ấy của sóng cũng chính là nhịp điệu bên trong của tâm hồn nhân vật trữ tình. Cả bài thơ là sự thể hiện hình tượng sóng với những đặc tính, những biểu hiện khác nhau thật phong phú, đa dạng. Mỗi đặc tính của *sóng* đều tương hợp với một khía cạnh trạng thái của tâm hồn người phụ nữ đang yêu:

- Sóng có nhiều đôi cực như tình yêu có nhiều cung bậc, trạng thái và như tâm hồn người phụ nữ có những mặt mâu thuẫn thống nhất. Hành trình của sóng tìm tới biển như hành trình của tình yêu hướng về cái vô biên tuyệt đích, như tâm hồn người phụ nữ không chấp nhận sự chật hẹp, tù túng (Phân tích khổ 1 với kết cấu đối lập và cách nói nhấn mạnh)

- Sóng là vĩnh hằng với thời gian, từ con sóng ngày xưa cho đến con sóng ngàn năm sau vẫn vậy, cũng như nỗi khát vọng tình yêu ngàn đời của nhân loại thật mãnh liệt, cứ rạo rục trong lồng ngực của muôn đời tuổi trẻ (Phân tích khổ 2)

- Sóng là sự nhận thức về qui luật không thể cắt nghĩa được của tình yêu. Điểm khởi đầu của sóng giống điểm khởi đầu và sự màu nhiệm, khó nắm bắt của tình yêu (Phân tích khổ 3,4 với sự xuất hiện của nhiều câu hỏi tu từ)

- Sóng luôn vận động như tình yêu gắn liền với những khát khao, trăn trở không yên, như người phụ nữ khi yêu luôn da diết nhớ nhung, cồn cào ước vọng về một tình yêu vững bền,



chung thuỷ ( *Phân tích các khổ 5,6,7,8 với lối sử dụng phép điệp, hình thức đối, kiểu giải bày tình cảm bộc trực...*)

- Sóng là hiện tượng thiên nhiên vĩnh cửu như tình yêu là khát vọng muôn đời của con người, trước hết là người phụ nữ muốn dâng hiến cả cuộc đời cho một tình yêu đích thực (Phân tích khổ 9 với cách nói rất táo bạo)

\* Từ hình tượng sóng, cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu:

+ Vẻ đẹp truyền thống: sự chân thành, bình dị, đắm thắm yêu thương trong tình yêu, cuộc sống; tấm lòng thủy chung, trong sáng

+ Vẻ đẹp hiện đại: chân thành nói lên khát vọng tình yêu mãnh liệt của mình, muốn sống hết mình cho tình yêu, muốn vĩnh viễn hóa tình yêu của mình để tình yêu cao đẹp sống mãi với thời gian.

### **c. Kết bài:**

- Sóng là bài thơ tình thuộc loại hay nhất của Xuân Quỳnh nói riêng và thơ Việt Nam hiện đại nói chung.

- Việc sử dụng hình tượng sóng làm ẩn dụ thì không mới, nhưng sóng của Xuân Quỳnh vẫn có những nét thật sự mới mẻ. Nhà thơ đã tìm được một cách diễn tả và biểu hiện tâm trạng của mình một cách chân thành, trong sáng.

## **IV. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

### **Đề 1: Cảm nhận của anh/ chị về hai khổ thơ sau:**

*“ Làm sao được tan ra*

*Thành trăm con sóng nhỏ*

*Giữa biển lớn tình yêu*

*Để ngàn năm còn vỗ”*(**Sóng** - Xuân Quỳnh)

*“ Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình*

*Phải biết gắn bó và san sẻ*

*Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở*

*Làm nên Đất Nước muôn đời”* (**Đất Nước** - Nguyễn Khoa Điềm)

**Đề 2.** Cảm nhận của anh/ chị về hình tượng cái tôi trữ tình trong bài thơ **Sóng**.

**Đề 3.** Bàn về bài thơ **Sóng** có ý kiến cho rằng: *Bài thơ thể hiện quan niệm rất mới mẻ và hiện đại của Xuân Quỳnh về tình yêu.* Nhưng lại có ý kiến khác cho rằng: *Bài thơ thể hiện quan niệm về tình yêu mang tính truyền thống.*

Từ cảm nhận về bài thơ **Sóng**, anh/ chị hãy bình luận hai ý kiến trên.